

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐINH THỊ THU

TỈNH ỦY HƯNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
CỦA TỈNH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐINH THỊ THU

TỈNH ỦY HƯNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
CỦA TỈNH HIỆN NAY

Mã số: 9310202

Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

*Người hướng dẫn khoa học:* PGS, TS. Trần Thanh Giang

TS. Lê Văn Hội

HÀ NỘI - 2026

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Trong luận án, tôi đã nghiên cứu và sử dụng các thông tin từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau như internet, sách, tạp chí, báo cáo, quyết định... và có trích dẫn rõ ràng, khoa học.

Tôi xin cam đoan, toàn bộ nội dung và số liệu công bố trong luận án là do tự nghiên cứu sinh nghiên cứu, khảo sát, điều tra và tổng hợp.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

**Nghiên cứu sinh**

**ĐINH THỊ THU**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	7
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước .....	7
1.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam .....	16
1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu .....	33
<b>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY HUNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH HIỆN NAY</b> .....	38
2.1. Tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên .....	38
2.2. Kinh tế và phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên .....	54
2.3. Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế – khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò .....	78
<b>CHƯƠNG 3: TỈNH ỦY HUNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM</b> .....	96
3.1. Thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh .....	96
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay.....	127
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY HUNG YÊN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH THỜI GIAN TỚI</b> .....	137
4.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh thời gian tới.....	137
4.2. Những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh thời gian tới.....	146
<b>KẾT LUẬN</b> .....	179
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	181
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	182
<b>PHỤ LỤC</b> .....	200

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ban Bí thư	: BBT
Ban Chấp hành Trung ương	: BCHTW
Ban Chấp hành Đảng bộ	: BCHĐB
Bộ Chính trị	: BCT
Ban Thường vụ	: BTV
Chủ nghĩa xã hội	: CNXH
Chính trị - xã hội	: CT-XH
Hội đồng nhân dân	: HĐND
Hệ thống chính trị	: HTCT
Kiểm tra, giám sát	: KTGS
Kinh tế - xã hội	: KT-XH
Mặt trận Tổ quốc	: MTTQ
Nông nghiệp công nghệ cao	: NNCNC
Thể chế kinh tế	: TCKT
Xã hội chủ nghĩa	: XHCN
Ủy ban kiểm tra	: UBKT
Ủy ban nhân dân	: UBND

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trải qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, với quan điểm xuyên suốt và thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, kinh tế của đất nước ta đã không ngừng phát triển, đạt được những tiến bộ quan trọng, từ đó, góp phần vào thành tựu chung của đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, kinh tế nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều tác động từ bên ngoài, nên các khó khăn của thị trường toàn cầu cũng sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam.

Hung Yên là tỉnh ven biển, thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời, quyết liệt của Tỉnh ủy, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trong tỉnh, kinh tế của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá và toàn diện trên các lĩnh vực, tạo được nhiều dấu ấn nổi bật, cùng những nền tảng thúc đẩy đạt được các bước đột phá phát triển đã là minh chứng cho sự phấn đấu có hiệu quả trong nỗ lực xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành “điểm sáng” phát triển trong khu vực Đồng bằng sông Hồng. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 15,2%/năm, vượt mục tiêu đề ra 13,8%/năm). Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường và đạt kết quả tốt (nhất là nguồn vốn xã hội hóa). Nguồn vốn đầu tư công được phân bổ tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm và ưu tiên thanh toán nợ xây dựng cơ bản. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư hoàn thiện khá đồng bộ. Các chính sách thu hút đầu tư được điều chỉnh, bổ sung kịp thời và thực hiện có hiệu quả; đã huy động được nguồn vốn xã hội lớn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH.

Cùng với đó, thương mại, dịch vụ từng bước phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Kết

cầu hạ tầng thương mại, du lịch tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Một số trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, khách sạn cao cấp đã hoàn thành đưa vào khai thác có hiệu quả. Công tác quy hoạch, xây dựng Khu kinh tế Hưng Yên được đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển. Các doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh ở nhiều lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh. Kinh tế tập thể được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, các hợp tác xã chuyển đổi theo luật, chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng lên.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên còn không ít khó khăn, hạn chế, làm cho tiềm năng, lợi thế từ tỉnh chưa được phát huy tốt nhất. Việc ban hành một số nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế của một số cấp ủy đảng trong tỉnh chưa kịp thời. Chưa phát huy được vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy về các nội dung phát triển kinh tế của tỉnh. Công tác KTGS các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức kinh tế và có liên quan đôi khi còn mang tính hình thức...

Trước tình hình trên, việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đánh giá đúng thực trạng và tìm ra những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài *Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay* làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích của luận án**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay, luận án đề xuất phương

hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

- Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, chỉ ra những nội dung đạt được luận án cần kế thừa, phát triển; xác định rõ những nội dung chủ yếu luận án cần nghiên cứu làm sáng tỏ.

- Luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên và thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh từ năm 2015 đến nay; chỉ ra ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân, tổng kết những kinh nghiệm.

- Đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

- Về không gian: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh.

- Về thời gian: Từ năm 2015 đến tháng 6/2025, luận án khảo sát thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên và Tỉnh ủy Thái Bình lãnh đạo phát triển kinh tế hai tỉnh trước sáp nhập; từ tháng 7/2025 đến nay, luận án khảo sát thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế khi sáp nhập; phương hướng và giải pháp do luận án đề xuất có giá trị đến năm 2035.

## **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **4.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế, phát triển kinh tế và các cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển kinh tế.

## ***4.2. Cơ sở thực tiễn***

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh từ năm 2015 đến nay.

## ***4.3. Phương pháp nghiên cứu***

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Luận án sử dụng các tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị và khoa học liên ngành, cụ thể như: phương pháp hệ thống hóa; phương pháp phân tích kết hợp với phương pháp tổng hợp; phương pháp lôgic kết hợp với phương pháp lịch sử; phương pháp khảo sát, tổng hợp thực tiễn; phương pháp quy nạp và diễn dịch; phương pháp thống kê, so sánh; phương pháp điều tra xã hội học. Cụ thể:

- Phương pháp hệ thống hóa: được sử dụng ở phần tình hình nghiên cứu và chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh một cách đầy đủ và toàn diện về mặt lý luận; đồng thời xác định rõ nội dung cần tập trung nghiên cứu của đề tài.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng chủ yếu trong đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ở tỉnh Hưng Yên từ năm 2015 đến nay.

- Phương pháp lịch sử và lôgic: phương pháp lịch sử là phương pháp xem xét quá trình phát triển của các sự vật, hiện tượng theo một trình tự liên tục về thời gian. Phương pháp lôgic là phương pháp xem xét, nghiên cứu các sự kiện lịch sử một khái quát, tổng thể, nhằm vạch ra bản chất và quy luật vận động của lịch sử.

- Phương pháp khảo sát, tổng kết thực tiễn: Đây là phương pháp quan trọng, chủ yếu và đặc trưng của khoa học xây dựng Đảng. Thông qua hoạt động thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh được thể hiện trong các báo cáo, các cuộc trao đổi, hội thảo, khảo sát... để đánh giá và rút ra những kinh nghiệm. Nghiên cứu thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn đề ra các giải pháp cần thiết, khả thi, đáp ứng yêu

cầu của mục tiêu lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên.

- Phương pháp quy nạp và diễn dịch: được sử dụng để luận giải và làm rõ những vấn đề cơ bản của luận án xác định từ thực tiễn.

- Phương pháp thống kê, so sánh: được sử dụng nhằm đánh giá, xử lý các số liệu từ các nguồn tổng hợp được.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Thông qua phiếu điều tra, khảo sát để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ở tỉnh Hưng Yên và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, đan xen, kết hợp để phát huy hiệu quả tổng hợp nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu.

Luận án có sự kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài, có tham khảo các báo cáo, các số liệu thống kê có liên quan đến đề tài của các cấp ủy, tổ chức đảng tại địa phương từ năm 2015 đến nay.

## **5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

- Đưa ra khái niệm, làm rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

- Rút ra một số kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

- Đề xuất một số giải pháp mới, khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận án góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho các cấp ủy, tổ chức đảng ở tỉnh Hưng Yên tham khảo đề ra những chủ trương, biện pháp chỉ đạo phát triển kinh tế của địa phương, đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập môn Xây dựng Đảng ở Trường Chính trị tỉnh Hưng Yên, các trung tâm chính trị của tỉnh và tài liệu tham khảo cho công việc này của các trường chính trị tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng.

### **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước

##### ***1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển kinh tế ở địa phương***

World Bank (2006), *Local Economic Development (phát triển kinh tế địa phương): A Primer* (Phát triển kinh tế địa phương: Cẩm nang tổng quan), Washington D.C [186]. Trong tài liệu này, Ngân hàng Thế giới tập trung hệ thống hóa cơ sở lý luận và khung tiếp cận về phát triển kinh tế địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa và phân cấp quản lý ngày càng sâu rộng. Nhóm tác giả cho rằng phát triển kinh tế địa phương là một quá trình mang tính chiến lược, trong đó chính quyền địa phương đóng vai trò trung tâm trong việc phối hợp với khu vực tư nhân, cộng đồng và các chủ thể liên quan nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực tại chỗ, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, tạo việc làm và cải thiện chất lượng sống của người dân.

Kết luận nghiên cứu, nhóm tác giả khẳng định rằng phát triển kinh tế địa phương chỉ đạt được kết quả thực chất khi có sự lãnh đạo thống nhất, chủ động và linh hoạt của chính quyền địa phương, đồng thời biết phát huy vai trò của cộng đồng và doanh nghiệp. Những luận điểm này cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy trong phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt trong bối cảnh các tỉnh, thành phố ở Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

World Bank (2007), *Understanding Your Local Economy: A Resource Guide for Cities* (Hiểu về kinh tế địa phương: Hướng dẫn tài nguyên cho các đô thị), Cities Alliance/World Bank [187]. Trong nghiên cứu này, Ngân hàng Thế giới phối hợp với Cities Alliance trình bày một hướng dẫn thực tiễn nhằm hỗ trợ các nhà lãnh đạo đô thị và cán bộ phát triển kinh tế hiểu rõ và phân tích nền kinh tế tại địa phương một cách có hệ thống. Tài liệu nhấn mạnh tầm

quan trọng của việc nắm bắt cấu trúc, năng lực cạnh tranh và lợi thế so sánh của nền kinh tế địa phương nhằm tạo cơ sở cho hoạch định chiến lược phát triển kinh tế bền vững và hiệu quả.

Trong nghiên cứu này, các tác giả đưa ra phương pháp đánh giá cạnh tranh ở quy mô đô thị/vùng, trong đó nhấn mạnh vai trò của thu thập dữ liệu định lượng và định tính, phân tích ngành nghề chủ lực, và hiểu rõ các động lực thị trường địa phương. Quy trình này giúp nhà quản lý nhận diện các lợi thế tiềm năng của địa phương và xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

Blair, John P. & Carroll, Michael C. (2018), *Local Economic Development: Analysis, Practices, and Globalization* (Phát triển kinh tế địa phương: Phân tích, Thực tiễn và Toàn cầu hóa), SAGE Publications, Los Angeles [24]. Trong cuốn sách này, nhóm tác giả đã cung cấp cách tiếp cận toàn diện giữa lý thuyết kinh tế, công cụ phân tích và kinh nghiệm thực tiễn quốc tế về phát triển kinh tế địa phương. Các tác giả tiếp cận phát triển kinh tế địa phương như một quá trình chủ động của chính quyền địa phương nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng.

Một đóng góp quan trọng của cuốn sách là đã hệ thống hóa các công cụ phân tích phục vụ hoạch định và đánh giá chiến lược phát triển kinh tế địa phương, như phân tích cơ cấu ngành, thị trường lao động địa phương, năng lực cạnh tranh vùng và môi trường đầu tư.

Akyeampong, Emmanuel; Jonas, Steven C.; Driffield, Nigel (2021), *Local Economic Development in an Era of Scarcity: Theory, Practice and Potential* (Phát triển kinh tế địa phương trong kỷ nguyên khan hiếm: Lý thuyết, Thực hành và Tiềm năng), Routledge, London [1]. Trong cuốn sách này, các tác giả tập trung làm rõ cách thức phát triển kinh tế địa phương trong bối cảnh toàn cầu hiện nay đặc trưng bởi nguồn lực hạn chế, cạnh tranh gia tăng, biến động kinh tế và áp lực môi trường.

Trong cuốn sách, nhóm tác giả trình bày một quan điểm đa chiều và mang tính thực tiễn về phát triển kinh tế địa phương. Bên cạnh các mục tiêu

kinh tế như việc làm hay tăng trưởng sản lượng, các tác giả nhấn mạnh tới các yếu tố bền vững, công bằng xã hội và hiệu quả sử dụng nguồn lực hạn chế. Theo đó, phát triển kinh tế địa phương cần chú trọng vào việc tận dụng lợi thế so sánh nội tại của địa phương, tăng cường năng lực quản trị và thể chế, phát triển kỹ năng lao động phù hợp với yêu cầu đổi mới, và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng cũng như khối doanh nghiệp nhỏ - trung bình.

OECD (2022), *Policies for Resilient Local Economies* (Chính sách cho nền kinh tế địa phương có sức chống chịu), OECD Local Economic and Employment Development (LEED) Papers No. 2022/09, OECD Publishing, Paris [119]. Trong nghiên cứu này, OECD xem xét các chính sách hiệu quả nhằm tăng cường khả năng chống chịu của kinh tế các địa phương trước những cú sốc kinh tế, thiên tai và những thay đổi dài hạn trong cơ cấu kinh tế. Tác giả định nghĩa khả năng chống chịu kinh tế địa phương là năng lực của nền kinh tế địa phương ứng phó, phục hồi và thích nghi với các cú sốc, từ suy thoái kinh tế đến thay đổi công nghệ và chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đồng thời vẫn duy trì hoặc chuyển sang lộ trình tăng trưởng bền vững hơn. Tác giả cũng phân tích các biện pháp cụ thể theo từng loại cú sốc như chính sách hỗ trợ việc làm và doanh nghiệp trong thời kỳ suy thoái, đầu tư vào hạ tầng và chuẩn bị/ứng phó trước thiên tai, hoặc các chiến lược thích ứng với xu hướng chuyển đổi công nghệ và xã hội.

Kamnuansilpa, Peerasit & Timofeev, Andrey & Lowatcharin, Grichawat & Laochankham, Sirisak & Vissanu Zumitzavan et al. (2023), Local economic development in Thailand (Phát triển kinh tế địa phương ở Thái Lan), *Journal of International Development*, Vol.35(7), 1852-1873 [84]. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung phân tích quá trình phát triển kinh tế địa phương tại Thái Lan trong bối cảnh mô hình phát triển kinh tế mang tính tập trung và định hướng từ trung ương đã được áp dụng trong thời gian dài. Các tác giả chỉ ra rằng các chính sách phát triển theo hướng “từ trên xuống” (top-down), vốn ưu tiên các khu vực có lợi thế sẵn có, đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng ở một số địa phương, nhưng đồng thời làm gia tăng sự

chênh lệch phát triển giữa các vùng, hạn chế khả năng bứt phá của nhiều địa phương kém phát triển. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất cách tiếp cận phát triển kinh tế địa phương dựa trên đặc thù không gian và nguồn lực nội tại (place-based, bottom-up), trong đó chính quyền địa phương giữ vai trò chủ động trong việc thiết kế và triển khai các sáng kiến phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể.

OECD (2024), *Job Creation and Local Economic Development 2024: The Impact of Generative AI* (Tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương 2024: Tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh), OECD Publishing, Paris [120.]. Trong báo cáo, OECD tập trung phân tích tình hình tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương trong bối cảnh chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ, đặc biệt là sự xuất hiện và lan tỏa của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI). Thông qua việc sử dụng dữ liệu cấp vùng và địa phương tại các quốc gia thành viên, báo cáo làm rõ thực trạng thị trường lao động, năng suất lao động và mức độ chênh lệch phát triển giữa các địa phương sau giai đoạn phục hồi hậu đại dịch Covid-19.

Báo cáo chỉ ra rằng mặc dù nhiều địa phương đã đạt được mức phục hồi tích cực về việc làm, song sự phát triển không đồng đều giữa các vùng vẫn là vấn đề nổi bật. Trên cơ sở đó, báo cáo khuyến nghị chính quyền địa phương cần đóng vai trò chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế gắn với đào tạo kỹ năng, đầu tư hạ tầng số, và hỗ trợ doanh nghiệp, nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi công nghệ góp phần tạo việc làm bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương một cách bao trùm.

Loso Judijanto, Silvia Ekasari & Septina Elida (2024), *Local Economic Development Based on Village Potential: A Literature Review* (Phát triển kinh tế địa phương dựa trên tiềm năng làng/xã: Tổng quan tài liệu), *Journal of Community Dedication* 4(2): 414-426 [99]. Nghiên cứu của Loso Judijanto và các cộng sự sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nhằm hệ thống hóa các công trình khoa học liên quan đến phát triển kinh tế địa phương ở cấp làng/xã, đặc biệt trong bối cảnh khu vực nông thôn có nguồn lực hạn chế nhưng sở

hữu nhiều tiềm năng nội tại chưa được khai thác hiệu quả. Trên cơ sở phân tích các nghiên cứu trước đây, các tác giả cho rằng phát triển kinh tế địa phương ở cấp cơ sở không thể chỉ dựa vào mở rộng sản xuất nông nghiệp truyền thống, mà cần tiếp cận theo hướng khai thác tổng hợp các tiềm năng đặc thù của địa phương một cách bền vững. Các tác giả kết luận rằng phát triển kinh tế địa phương dựa trên tiềm năng làng/xã cần được triển khai thông qua chiến lược dài hạn, có sự hỗ trợ của chính quyền và sự tham gia chủ động của cộng đồng, nhằm chuyển hóa tiềm năng sẵn có thành động lực tăng trưởng thực chất.

Lâm Nghị Phu (2024), *Giải mã nền kinh tế Trung Quốc: Con đường phục hưng dân tộc dưới sự chuyển biến nhanh chóng của cục diện thế kỷ*, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh [124]. Cuốn sách nghiên cứu và giải mã quỹ đạo phát triển của nền kinh tế Trung Quốc dựa trên khung lý thuyết kinh tế học cấu trúc mới và các số liệu thực tế cập nhật đến năm 2024. Tác giả chỉ ra rằng, trong bối cảnh cục diện thế giới biến động chưa từng có trong một thế kỷ, nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức từ các luận điệu tiêu cực bên ngoài cũng như các vấn đề nội tại về kinh tế và xã hội phát sinh trong quá trình cải cách. Thông qua việc chuyển đổi từ các hiện tượng kinh tế đơn giản sang các quy luật sâu sắc, cuốn sách trình bày cách thức xây dựng một hệ thống tri thức kinh tế học tự chủ, giúp Trung Quốc chèo lái thành công qua các biến động toàn cầu và hướng tới mục tiêu phục hưng dân tộc vĩ đại.

Nhóm tác giả (2024), *Lược sử kinh tế Trung Quốc mới (1949-2024)*, Nhà xuất bản Khoa học Kinh tế, Bắc Kinh [115]. Cuốn sách hệ thống hóa chặng đường 75 năm phát triển kinh tế của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, làm nổi bật những thành tựu mang tính bước ngoặt và chưa từng có tiền lệ. Từ một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, đối mặt với tình trạng nghèo đói và thiếu hụt lương thực, Trung Quốc đã trải qua quá trình công nghiệp hóa thần tốc để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đồng thời khẳng định vị thế là quốc gia sản xuất và thương mại đối ngoại hàng đầu. Qua việc giải quyết triệt để bài toán an sinh xã hội (com no áo ấm), Trung Quốc hiện đang tiệm

cận ngưỡng cửa của các quốc gia thu nhập cao và nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu trở thành cường quốc hiện đại hóa. Về mặt phương pháp luận, cuốn sách vận dụng thế giới quan duy vật biện chứng và tư duy lịch sử để phân tích sâu sắc mối tương quan giữa phát triển kinh tế và biến đổi thể chế. Công trình không chỉ đúc kết kinh nghiệm về mô hình “Hiện đại hóa kiểu Trung Quốc”- một hình thái văn minh nhân loại mới mà còn cung cấp nền tảng học thuật quan trọng để hiểu về động lực tăng trưởng bền vững của quốc gia này.

OECD (Series ongoing 2024-2025), *OECD Local Economic and Employment Development (LEED) Papers Series* (Loạt bài báo LEED về phát triển kinh tế và việc làm địa phương), OECD Publishing [121]. Đây là một chuỗi ấn phẩm do Chương trình Phát triển kinh tế và việc làm địa phương của OECD (LEED Programme) biên soạn, nhằm cung cấp ý tưởng đổi mới, kinh nghiệm thực tiễn và các bài học chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và tạo việc làm chất lượng. Loạt bài này bao quát nhiều chủ đề quan trọng đối với kinh tế địa phương, từ việc làm, kỹ năng lao động, doanh nhân/khởi nghiệp, nền kinh tế xã hội, đổi mới sáng tạo cho tới phát triển năng lực địa phương và các ngành cụ thể như văn hóa – sáng tạo. Loạt bài cũng trình bày các trường hợp thực tế, hướng dẫn phương pháp và chỉ số đo lường, giúp các nhà hoạch định chính sách xây dựng các giải pháp phù hợp với bối cảnh riêng của từng vùng. Loạt bài này là tài liệu tham khảo để có thể thiết kế chiến lược phát triển địa phương, đánh giá hiệu quả chính sách và học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong phát triển kinh tế địa phương, cũng như nâng cao nhận thức về vai trò của lãnh đạo trong thực thi chính sách phát triển kinh tế địa phương.

### ***1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế, cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương***

Tường Vĩnh Mục, Vương Thụy (2021), *Nghiên cứu tư tưởng phát triển kinh tế trong một thế kỷ của Đảng Cộng sản Trung Quốc: Nhìn lại và Triển vọng*, Tập san Khoa học Xã hội, số 6 [107]. Bài viết nghiên cứu hệ thống tư tưởng phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong suốt một thế

kỷ, khẳng định đây là kết quả của quá trình Trung Quốc hóa và hiện đại hóa lý luận kinh tế Mác-xít. Tác giả chỉ ra rằng, các nghiên cứu hiện nay tại Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu phong phú, thể hiện rõ tính thời sự, tính toàn diện và tính đại diện trong việc diễn giải các chính sách kinh tế qua từng thời kỳ lịch sử. Tuy nhiên, bài viết cũng nhận diện hạn chế về tính hệ thống và đề xuất phương hướng nghiên cứu mới trong tương lai. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh việc tăng cường nghiên cứu “tính chỉnh thể” của tư tưởng kinh tế dựa trên ba trụ cột: lý luận, lịch sử và thực tiễn. Mô hình nghiên cứu này nhằm tạo ra một cái nhìn xuyên suốt và sâu sắc hơn về cách thức Đảng Cộng sản Trung Quốc vận dụng lý luận vào thực tế để thúc đẩy sự phát triển kinh tế quốc gia bền vững.

Wittwer, S. (2021), *How strong is local politics' grip on local economic development? The case of Swiss small and medium-sized towns* (Mức độ ảnh hưởng của chính trị địa phương đối với phát triển kinh tế địa phương: Trường hợp các đô thị nhỏ và vừa ở Thụy Sĩ), *Urban Affairs Review*, 59(2), 476-505 [185]. Nghiên cứu của Stefan Wittwer tập trung phân tích mức độ ảnh hưởng của chính trị địa phương, đặc biệt là thành phần đảng phái trong bộ máy lãnh đạo địa phương, đối với phát triển kinh tế địa phương trong bối cảnh các đô thị nhỏ và vừa tại Thụy Sĩ. Thụy Sĩ là quốc gia có mức độ phân quyền cao, cho phép chính quyền địa phương chủ động trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển, do đó cung cấp một trường hợp điển hình để đánh giá vai trò của yếu tố chính trị địa phương trong phát triển kinh tế. Các tác giả kết luận rằng chính trị và lãnh đạo địa phương có khả năng định hướng phát triển kinh tế khi địa phương có quyền tự chủ chính sách đủ lớn và khi chiến lược phát triển gắn chặt với điều kiện nội tại.

Quách Thủy Cúc (2022), *Một số suy nghĩ về việc xây dựng tổ chức Đảng cơ sở dẫn dắt chấn hưng nông thôn trong thời đại mới*, *Tạp chí Kinh tế và Công nghệ Nông thôn*, số 33(14) [35]. Bài viết tập trung nghiên cứu vai trò then chốt của công tác xây dựng tổ chức Đảng cơ sở trong việc lãnh đạo và thúc đẩy tiến trình chấn hưng nông thôn của Trung Quốc trong bối cảnh phát

triển mới. Trên cơ sở phân tích các chủ trương, chính sách lớn của Trung ương về chấn hưng nông thôn và tổng kết thực tiễn tại một số địa phương, tác giả khẳng định rằng tổ chức đảng cơ sở là hạt nhân lãnh đạo quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn, giữ vai trò định hướng, tổ chức thực hiện và điều phối các nguồn lực phát triển tại địa phương. Bài viết đề xuất một khung giải pháp mang tính hệ thống nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, tập trung vào ba phương diện chủ yếu. *Thứ nhất*, củng cố sức mạnh tổ chức đảng cơ sở nông thôn, coi đây là hạt nhân chính trị trong lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương, thông qua việc nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy, đổi mới phương thức lãnh đạo và tăng cường năng lực tổ chức thực hiện. *Thứ hai*, nâng cao hiệu quả quản trị nông thôn, gắn xây dựng Đảng với cải thiện năng lực điều hành, thực thi chính sách phát triển kinh tế và quản lý xã hội ở cơ sở. *Thứ ba*, xây dựng, tổng kết và nhân rộng các mô hình điển hình về Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế nông thôn, qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa và động lực thúc đẩy tiến trình chấn hưng nông thôn một cách bền vững.

Trương Trung Quân (2023), *Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác kinh tế*, Tạp chí Kinh tế (Đăng lại trên Cổng thông tin Xây dựng Đảng - Nhân dân Nhật báo điện tử, ngày 10-10-2023) [127]. Bài viết nghiên cứu và khẳng định tầm quan trọng cốt lõi của việc “tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác kinh tế” - một nội dung trọng yếu trong hệ thống tư tưởng kinh tế Tập Cận Bình. Tác giả chỉ ra rằng, sự lãnh đạo của Đảng không chỉ là nền tảng chính trị mà còn là bảo chứng căn bản cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng, bài viết làm rõ kinh tế là nền tảng của chính trị, và ngược lại, chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế.

Ủy ban Đảng cơ quan Ủy ban Phát triển và Cải cách Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Tư tưởng Kinh tế Tập Cận Bình (2023), *Nghiên cứu việc thúc đẩy thực hiện các quyết sách kinh tế của Trung ương Đảng thông qua công tác xây dựng Đảng tại các cơ quan*, Tạp chí Nghiên cứu Xây dựng Đảng

tại các cơ quan, số 1 [173]. Bài viết nghiên cứu vai trò dẫn dắt và bảo chứng của công tác xây dựng Đảng trong việc triển khai các quyết sách kinh tế của Trung ương tại các cơ quan chiến lược. Tác giả khẳng định rằng xây dựng Đảng trong các cơ quan không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn là đòn bẩy thúc đẩy sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, giữa xây dựng Đảng và nghiệp vụ chuyên môn. Qua đó, bài nghiên cứu trình bày một hệ thống các biện pháp thực tiễn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên”, đảm bảo nền kinh tế vận hành ổn định và thực hiện thắng lợi các mục tiêu hiện đại hóa kiểu Trung Quốc trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến phức tạp.

Li, Jianjun; Fan, Zhihao; Han, Xun (2023), “*Strict Party Governance and economic development: Evidence from China*” (Quản trị Đảng nghiêm và phát triển kinh tế: Bằng chứng từ Trung Quốc), *Finance Research Letters*, 58(Part A), 104023 [90]. Trong nghiên cứu này được nhóm tác giả thực hiện trong bối cảnh Trung Quốc chuyển từ tăng trưởng “tốc độ cao” sang giai đoạn phát triển chất lượng cao, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu tự cải cách (self-revolution) của Đảng và cải cách nhà nước - thị trường, trong đó “quản trị Đảng nghiêm” (Strict Party Governance - SPG) được xem là một cơ chế quan trọng. Điểm đóng góp nổi bật của bài viết là xây dựng chỉ số SPG (SPG Index) bằng phương pháp phân tích văn bản từ các nguồn tài liệu chính thống của Đảng như báo cáo, thông cáo, nghị quyết và xã luận, sau đó sử dụng dữ liệu bảng cấp tỉnh để kiểm định mối liên hệ giữa SPG và các kết quả phát triển kinh tế.

Kết quả thực nghiệm cho thấy SPG có tác động tích cực và có ý nghĩa đến “phát triển kinh tế” theo cách tiếp cận đa chiều, không chỉ xét tăng trưởng mà còn bao gồm đổi mới, ô nhiễm và chênh lệch thu nhập. Đáng chú ý, hiệu ứng của SPG mạnh hơn tại các địa phương có tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước cao và mức độ phân quyền tài khóa lớn, hàm ý rằng năng lực điều phối và kỷ luật tổ chức có thể phát huy rõ hơn khi cấu trúc kinh tế - tài khóa tạo điều kiện cho chính quyền địa phương triển khai chính sách.

Trình Ba Huy, Trương Thành Sở (2025), *Quản trị theo chuỗi: Lựa chọn mô hình xây dựng môi trường kinh doanh dưới sự dẫn dắt của Đảng - Dựa trên*

*phân tích thực tiễn của khu phát triển kinh tế và công nghệ*, Tạp chí Nghiên cứu Hiện đại hóa quản trị, số 6 [80]. Bài viết làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là cấp ủy Đảng tại địa phương, trong việc xây dựng và tối ưu hóa môi trường kinh doanh - một nội dung trọng tâm của tiến trình hiện đại hóa kiểu Trung Quốc. Trên cơ sở phân tích thực tiễn tại khu phát triển kinh tế và công nghệ ở địa phương, nghiên cứu chỉ ra rằng việc lựa chọn và vận hành hiệu quả mô hình quản trị phù hợp là điều kiện then chốt để Đảng phát huy vai trò dẫn dắt phát triển kinh tế. Tác giả khẳng định mô hình “Quản trị theo chuỗi” (Chain Governance) là phương thức quản trị hiệu quả để cấp ủy Đảng lãnh đạo, điều phối và tích hợp các nguồn lực phát triển kinh tế địa phương. Qua đó, bài viết làm nổi bật vai trò trung tâm của cấp ủy Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương, đồng thời cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn có giá trị cho việc xây dựng môi trường kinh doanh dưới sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh mới.

## **1.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam**

### ***1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển kinh tế ở địa phương***

Trong thời gian qua, ở trong nước đã có rất nhiều công trình khoa học (sách, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học...) có liên quan đến kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển kinh tế địa phương. Tiêu biểu là:

Bùi Văn Tiến (2012), *Phát triển kinh tế làng nghề ở tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội [160]. Luận án hướng tới xây dựng cơ sở khoa học cho việc phát triển kinh tế làng nghề ở tỉnh Ninh Bình trên nền tảng phân tích thực trạng, nhận diện các lực đẩy - lực cản và đề xuất giải pháp theo hướng bền vững. Nghiên cứu tập trung vào các nội dung kinh tế trọng tâm của làng nghề như hình thức tổ chức sản xuất – kinh doanh, ngành nghề và sản phẩm chủ lực, cùng kết quả và hiệu quả phát triển; giai đoạn khảo sát chủ yếu là 2001 - 2010, đồng thời định hướng giải pháp cho những năm tiếp theo. Tác giả đã kết hợp quan điểm phát triển có sự tham gia với tiếp cận vùng, phân chia không gian tỉnh thành các tiểu vùng để

lý giải sự thích ứng của nghề theo điều kiện tự nhiên - xã hội; qua đó xây dựng khung phân tích gắn quy hoạch, thể chế - chính sách, thị trường, nguồn lực và dịch vụ công với các chỉ tiêu tăng trưởng, hiệu quả và tác động xã hội. Kết quả cho thấy kinh tế làng nghề tăng trưởng khá nhanh (giá trị sản xuất tăng bình quân khoảng 17,1%/năm), góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho cư dân nông thôn. Đáng chú ý, khu vực hộ gia đình là chủ thể tạo ra phần lớn giá trị sản xuất (xấp xỉ 91%), trong khi doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt, định hướng thị trường và tổ chức liên kết.

Lê Hồng Giang (2019), *Đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội [64]. Luận án tập trung đề xuất định hướng đổi mới mô hình phát triển các khu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, coi khu kinh tế là “công cụ thể chế - không gian” để khai thác và chuyển hóa lợi thế so sánh của địa phương thành năng lực cạnh tranh. Trên cơ sở hệ thống hóa khung lý luận về khu kinh tế và mô hình phát triển, nghiên cứu đi sâu đánh giá thực trạng vận hành các khu kinh tế tiêu biểu của tỉnh, gồm khu kinh tế ven biển Vân Đồn và các khu kinh tế cửa khẩu như Móng Cái, Hoàn Kiếm - Đồng Văn, Bắc Phong Sinh; đồng thời nhận diện các nhân tố tác động, chỉ ra những điểm nghẽn và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện (từ quy hoạch, thu hút đầu tư đến cơ chế phối hợp, chất lượng dịch vụ và hiệu quả lan tỏa). Từ kết quả phân tích giai đoạn đến năm 2018 (đặc biệt 2013 - 2018), luận án đề xuất nhóm giải pháp đổi mới đến 2030 theo hướng bền vững và hội nhập: hiện đại hóa quản trị khu kinh tế, tăng cường hợp tác công - tư, xanh hóa sản xuất, nâng chất lượng hạ tầng - dịch vụ, phát triển du lịch và dịch vụ giá trị cao, đồng thời kiến nghị hoàn thiện chính sách để cải thiện môi trường đầu tư và gia tăng hiệu quả phát huy lợi thế so sánh của Quảng Ninh.

Phạm Tiến Đạt (Chủ biên) (2020), *Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn: Luận cứ và khuyến cáo cho Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính [61].

Đề tài đã tập trung luận giải kinh tế tuần hoàn như một hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “khai thác - sản xuất - thải bỏ” sang “thiết kế - tái sử dụng - tái chế”, trong đó nhấn mạnh thể chế và đặc biệt là các công cụ tài chính - ngân sách giữ vai trò then chốt để tạo động lực và huy động nguồn lực xã hội. Nghiên cứu đặt trọng tâm vào việc làm rõ tiềm năng, thực trạng huy động nguồn lực cho kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam thông qua các kênh như chi ngân sách, thuế - phí, tín dụng và thị trường vốn; đồng thời phân tích kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân trong thực thi. Nhóm tác giả đã đề xuất một khung thể chế thúc đẩy kinh tế tuần hoàn gắn với chiến lược tăng trưởng xanh, coi chính sách chi tiêu công và các chương trình môi trường - khí hậu là “môi dẫn” để kéo theo khu vực tư nhân; đồng thời kiến nghị hoàn thiện ưu đãi thuế, phí nhằm khuyến khích sản xuất - tiêu dùng xanh và mở rộng thị trường sản phẩm tái chế.

Tường Mạnh Dũng (2021), *Phát triển kinh tế vùng chuyên canh trong tái cơ cấu nông nghiệp ở tỉnh Hưng Yên*, Nxb Lao động, Hà Nội [38]. Cuốn sách tập trung làm rõ vai trò của kinh tế vùng chuyên canh như một hướng đi quan trọng trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Hưng Yên, nhằm chỉ ra cơ sở lý luận, thực trạng và những điều kiện cần thiết để mô hình này vận hành hiệu quả, lâu dài. Về phương diện lý luận, tác giả đã xây dựng một khung phân tích tương đối hoàn chỉnh về vùng chuyên canh trong bối cảnh tái cơ cấu nông nghiệp, làm rõ khái niệm, đặc điểm, các yếu tố chi phối và bộ tiêu chí đánh giá, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu thực tiễn. Cuốn sách đã kết hợp tiếp cận kinh tế phát triển với khảo sát thực địa và tham vấn chuyên gia; tiến hành điều tra 300 phiếu tại một số xã thuộc các huyện, thành phố của tỉnh, tập trung vào các vùng cây ăn quả chủ lực như nhãn, vải, cây có múi và chuối.

Nguyễn Quang Thuần (2021), *Các giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam [144]. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã hướng tới xây dựng cơ sở khoa học và đề xuất nhóm giải pháp có tính khả thi nhằm thúc đẩy phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong điều

kiện mới, khi khu vực phải đồng thời ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, yêu cầu hội nhập sâu hơn và đòi hỏi tăng cường liên kết vùng trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trên nền tảng hệ thống hóa lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển bền vững theo ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường; qua đó nhận diện các động lực và rào cản chủ yếu chi phối quỹ đạo phát triển vùng. Về mặt phương pháp, đề tài kết hợp phân tích tư liệu chính sách với các kỹ thuật định tính có sự tham gia (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm), cùng thống kê mô tả và phân tích SWOT để hình thành luận cứ cho khuyến nghị. Kết quả cho thấy Tây Nam Bộ đã đạt những tiến bộ nhất định, song còn tồn tại nhiều điểm nghẽn làm suy giảm năng lực cạnh tranh, nổi bật là kết nối thị trường chưa hiệu quả, hạ tầng và dịch vụ hậu cần còn thiếu đồng bộ, khiến khả năng tham gia chuỗi giá trị và xuất khẩu chưa tương xứng tiềm năng.

Nguyễn Anh Tuấn (2022), *Chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh, Nghệ An [165]. Luận án tập trung nghiên cứu chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC) tại tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2015 - 2020, đồng thời đề xuất các giải pháp đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Nghiên cứu bắt đầu bằng việc hệ thống hóa cơ sở lý luận về NNCNC và chính sách liên quan, bao gồm các khái niệm, vai trò, đặc điểm và nội dung của chính sách phát triển NNCNC. Tác giả cũng phân tích kinh nghiệm quốc tế và trong nước về vấn đề này. Phần trọng tâm của luận án là đánh giá thực trạng các chính sách bộ phận tại Nghệ An (chính sách đất đai, hỗ trợ sản xuất, khoa học công nghệ, tín dụng, tổ chức sản xuất và thị trường) trong giai đoạn 2015 - 2020. Luận án cung cấp bức tranh chi tiết về thực trạng các chính sách hỗ trợ phát triển NNCNC tại Nghệ An, chỉ rõ những điểm mạnh như tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận tín dụng, khuyến khích tích tụ đất đai và hình thành các mô hình liên kết sản xuất hiệu quả.

Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ theo hướng liên kết và hội nhập*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn

lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội [163]. Luận án tập trung luận giải định hướng phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ theo hướng tăng cường liên kết và hội nhập, xuất phát từ thực tế du lịch địa phương tuy có tiềm năng nhưng mức đóng góp còn khiêm tốn và năng lực tổ chức thị trường chưa tương xứng. Trên cơ sở khảo sát giai đoạn 2011 - 2019 và xây dựng khuyến nghị đến năm 2030, nghiên cứu đi sâu nhận diện các nhân tố chi phối hiệu quả phát triển du lịch, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của thể chế phát triển ở cấp tỉnh như một “đòn bẩy” quyết định khả năng chuyển hóa tài nguyên thành sản phẩm và dòng khách ổn định. Tác giả đã làm rõ mối liên hệ giữa liên kết vùng, hội nhập thị trường và hiệu lực quản lý nhà nước; qua đó chỉ ra các điểm nghẽn thể chế thường gặp: nhận thức về liên kết chưa đồng đều, mức độ cam kết và điều phối của chính quyền còn hạn chế, cơ chế thúc đẩy hợp tác liên tỉnh thiếu bền chặt, bộ máy chuyên trách và năng lực thực thi - giám sát chính sách chưa theo kịp yêu cầu cạnh tranh điểm đến.

Trịnh Hà Hoàng Linh (2022), *Phát triển kinh tế vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa theo hướng hiện đại*, Luận án tiến sỹ, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội [94]. Luận án đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và hệ giải pháp nhằm thúc đẩy không gian ven biển Thanh Hóa phát triển theo hướng hiện đại hóa đến năm 2030. Trên nền tảng tổng quan nghiên cứu và tiếp cận phân tích - thống kê kết hợp tham vấn chuyên gia, tác giả đánh giá thực trạng phát triển giai đoạn 2010 - 2020, đồng thời đề xuất định hướng phát triển theo ngành, theo lãnh thổ và theo quản trị vùng. Điểm nổi bật của luận án là xây dựng khung nghiên cứu và diễn giải nội hàm “phát triển kinh tế vùng ven biển theo hướng hiện đại” như một quá trình đồng thời hiện đại hóa hoạt động kinh tế, đổi mới các hình thức tổ chức kinh tế theo lãnh thổ/đô thị và nâng cấp năng lực quản lý nhà nước đối với vùng. Về thực tiễn, cuốn sách đã cung cấp luận cứ cho hoạch định chính sách ở cấp tỉnh và địa phương ven biển, định hướng hình thành các cực tăng trưởng gắn với cảng biển, công nghiệp - dịch vụ - du lịch và chuyển đổi số, đồng thời tính đến sức ép biến đổi khí hậu để bảo đảm phát triển bền vững. Trên cơ sở đó tác giả rút

ra năm bài học cốt lõi về tầm nhìn quy hoạch chiến lược, xây dựng thể chế vượt trội và giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích, tạo tiền đề tham khảo giá trị cho chiến lược biên quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

Nguyễn Lê Hương (2024), *Thể chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [83]. Luận án về thể chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên đặt trọng tâm vào việc phân tích vai trò của khung quy định, chính sách và cơ chế thực thi ở cấp tỉnh trong quá trình chuyển dịch sang mô hình công nghiệp ít phát thải và thân thiện môi trường, phù hợp đặc điểm một địa phương công nghiệp hóa nhanh. Trên nền tảng tiếp cận kinh tế chính trị, nghiên cứu hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển công nghiệp xanh và thể chế phát triển, từ đó hình thành khái niệm làm việc về “thể chế thúc đẩy công nghiệp xanh”, xác định các cấu phần, tiêu chí đánh giá và nhóm nhân tố tác động như mức độ đồng bộ của hệ thống văn bản, năng lực phối hợp - kiểm soát của bộ máy quản lý, cũng như nhận thức và nguồn lực đổi mới của doanh nghiệp. Một điểm nổi bật của nghiên cứu đó là đề xuất một khung phân tích có khả năng vận dụng cho quản trị địa phương, cùng hệ giải pháp hoàn thiện thể chế đến 2030, tầm nhìn 2050: hoàn chỉnh chính sách và văn bản hướng dẫn, kiện toàn tổ chức và phối hợp liên ngành, thiết kế cơ chế tài chính khuyến khích công nghệ xanh, phát triển nguồn nhân lực “xanh”, hài hòa lợi ích nhà nước - doanh nghiệp, tận dụng hội nhập để tiếp cận công nghệ sạch, và quy hoạch khu công nghiệp theo định hướng xanh, bền vững.

Nguyễn Thế Vinh (2025), *Phát huy lợi thế so sánh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc*, Nxb Tri thức, Hà Nội [172]. Trong cuốn sách này, tác giả đã tập trung giải quyết khoảng trống lý luận và thực tiễn trong việc nhận diện, đo lường và tổ chức khai thác lợi thế so sánh ở quy mô cấp tỉnh trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tác giả xây dựng một khung tiếp cận theo hướng coi lợi thế so sánh của địa phương mang tính “động”, biến đổi theo thời gian và có thể chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh nếu được dẫn dắt bởi thể chế, hạ tầng và năng lực điều hành; đồng

thời đề xuất hệ tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả phát huy lợi thế so sánh (tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, thu nhập bình quân, độ mở, năng suất lao động, ICOR...), cùng các bước từ nhận dạng, xếp hạng đến lựa chọn ngành và sản phẩm chủ lực. Đóng góp nổi bật của nghiên cứu là cung cấp luận cứ khoa học để định hướng phát triển đến năm 2030 theo trọng tâm công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ - du lịch (nhấn mạnh Tam Đảo), cùng hệ giải pháp về cải cách hành chính, phát triển hạ tầng, nhân lực chất lượng cao, huy động vốn và xúc tiến liên kết - hợp tác, qua đó hỗ trợ địa phương ra quyết sách dựa trên lợi thế so sánh một cách hiệu quả và bền vững.

Hoàng Văn Long (Chủ biên) (2025), *Tác động của kết nối hạ tầng giao thông đường bộ đến phát triển kinh tế bền vững địa phương vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội [97]. Cuốn sách được nhóm tác giả triển khai từ đầu năm 2023 đến giữa năm 2025, tập trung đánh giá tác động của kết nối hạ tầng giao thông đường bộ đối với sự phát triển kinh tế bền vững tại vùng Tây Nam Bộ, với trọng điểm khảo sát chuyên sâu tại Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang và Tiền Giang. Thông qua việc áp dụng các phương pháp định lượng tiên tiến như hồi quy kinh tế lượng kết hợp phân tích thứ bậc (AHP) và logic mờ trên dữ liệu từ 400 hộ dân và 90 chuyên gia, nhóm tác giả đã xây dựng khung đánh giá hiệu suất kết nối toàn diện. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất chiến lược phát triển giao thông đa tầng, ưu tiên cao tốc và liên kết vùng, song song với việc hoàn thiện khung pháp lý minh bạch và đẩy mạnh mô hình đối tác công tư (PPP); nâng năng lực thẩm định và phối hợp quản trị, cùng với việc doanh nghiệp và người dân nâng nhận thức, tuân thủ an toàn và lựa chọn phương thức vận tải phù hợp.

Nguyễn Thị Kim Đoàn (2024), *Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [62]. Cuốn sách đã tiếp cận cơ cấu lại nền kinh tế như một tiến trình tái phân bổ nguồn lực theo hướng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn - đất đai - lao động và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế địa

phương trong một chỉnh thể thống nhất với mục tiêu quốc gia. Nội dung cốt lõi thể hiện ở việc xác lập rõ nội hàm khái niệm trung tâm, chỉ ra phương thức thực hiện (tái cơ cấu ngành, không gian phát triển, thị trường và thể chế), các điều kiện bảo đảm (nhân lực, hạ tầng, quản trị) và bộ công cụ chính sách (đầu tư công định hướng, khuyến khích đổi mới công nghệ, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo). Trên cơ sở đánh giá thực trạng giai đoạn 2016 - 2020, sách chỉ ra thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp và kiến nghị đến 2025, tầm nhìn 2030 nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu gắn đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nguyễn Xuân Thắng (2025), *Mô hình phát triển của tỉnh Bình Dương trong công cuộc đổi mới đất nước và tầm nhìn định hướng đến năm 2050 (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [138]. Cuốn sách đã tái hiện tiến trình chuyển đổi từ một tỉnh có xuất phát điểm nông nghiệp, hạ tầng còn hạn chế thành một trung tâm công nghiệp - dịch vụ năng động hàng đầu cả nước. Tác giả đi sâu phân tích những yếu tố tạo nên thành công của Bình Dương, từ sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả, đến việc xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh năng động, linh hoạt. Đặc biệt, tác giả đã hệ thống hóa và khái quát hóa “mô hình Bình Dương” như một trường hợp điển hình về sự năng động, dám nghĩ dám làm và khả năng thích ứng cao của một địa phương trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cuốn sách không chỉ tái hiện các giai đoạn phát triển, các chính sách then chốt mà còn phân tích sâu sắc mối liên hệ giữa các quyết sách của cấp ủy, chính quyền địa phương với bối cảnh kinh tế - xã hội chung của đất nước và khu vực. Bên cạnh đó, cuốn sách còn đưa ra những dự báo và khuyến nghị chính sách táo bạo nhằm duy trì đà phát triển, giải quyết các thách thức mới nổi như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng với tầm nhìn chiến lược đến năm 2050.

### ***1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế, cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương***

Nguyễn Thị Thơm (2015), *Quá trình Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế hàng hải từ 1996 đến năm 2011*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [140]. Trong luận án, tác giả Nguyễn Thị Thơm tập trung nghiên cứu toàn diện quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam hoạch định và chỉ đạo thực tiễn phát triển kinh tế hàng hải trong giai đoạn quan trọng này. Đóng góp nổi bật của nghiên cứu nằm ở việc hệ thống hóa một cách khoa học các chủ trương, đường lối và sự chỉ đạo của Đảng về kinh tế hàng hải trong giai đoạn 1996-2011, qua đó khẳng định vai trò lãnh đạo mang tính quyết định của Đảng đối với sự phát triển kinh tế biển của đất nước. Đặc biệt, việc đúc kết những kinh nghiệm lịch sử có giá trị lý luận và thực tiễn cao, giúp định hướng cho việc tiếp tục phát triển kinh tế hàng hải một cách linh hoạt, sáng tạo, hướng tới mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

Nguyễn Mạnh Cường (2015), *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội [33]. Dựa trên nghiên cứu về trường hợp tỉnh Ninh Bình, tác giả đã đi sâu phân tích và làm sáng tỏ vai trò then chốt của chính quyền cấp tỉnh trong việc định hướng phát triển du lịch theo mô hình bền vững. Thông qua việc đánh giá thực trạng, tác giả đã nhận diện những rào cản thể chế đang kìm hãm sự phát triển, đặc biệt là những bất cập trong công tác quy hoạch và sự xung đột lợi ích giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với yêu cầu bảo tồn di sản. Luận án đã xây dựng hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế địa phương, trong đó trọng tâm là yêu cầu chuyển đổi tư duy từ “quản lý hành chính” sang mô hình “chính quyền kiến tạo”.

Vũ Quang Ánh (2017), *Thực hiện đường lối của Đảng về phát triển kinh tế nông nghiệp ở một số tỉnh, thành Đồng bằng Sông Hồng (1997-2010)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội [8]. Cuốn sách đã tập trung làm rõ quá trình triển

khai các chủ trương, đường lối của Đảng trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp tại khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Tác phẩm tập trung khảo sát thực tiễn tại các địa phương tiêu biểu như Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình và thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 1997 - 2010. Một điểm nổi bật của cuốn sách là từ việc tổng kết thực tiễn phong phú, nhóm tác giả đã rút ra những kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm này không chỉ có giá trị lý luận sâu sắc mà còn mang ý nghĩa thực tiễn to lớn, không chỉ đối với quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp của Việt Nam nói chung mà còn đặc biệt hữu ích cho việc thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tại Đồng bằng Sông Hồng nói riêng trong bối cảnh hiện nay.

Nguyễn Quốc Khương (2018), *Đảng bộ tỉnh Yên Bái lãnh đạo phát triển kinh tế lâm nghiệp từ năm 2001 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [88]. Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Yên Bái trong phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2001 - 2015, đặt trong bối cảnh đẩy mạnh công cuộc đổi mới, yêu cầu phát triển bền vững và đặc thù địa phương có tỷ lệ đất rừng chiếm phần lớn diện tích tự nhiên. Trên cơ sở vận dụng phương pháp lịch sử - lôgic, kết hợp thống kê, so sánh và khảo sát thực tiễn, luận án đã hệ thống hóa các chủ trương, chính sách về lâm nghiệp của Trung ương và quá trình quán triệt, cụ thể hóa ở Yên Bái qua hai giai đoạn 2001 - 2010 và 2010 - 2015. Đóng góp chính của luận án thể hiện ở việc nhận diện tương đối toàn diện các nhân tố chi phối quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương lâm nghiệp ở cấp tỉnh; tái hiện một cách có hệ thống tiến trình lãnh đạo, chỉ đạo thông qua các nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể; đánh giá khách quan những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác quy hoạch, quản lý và bảo vệ rừng, phát triển thị trường, huy động và sử dụng nguồn lực, đồng thời chỉ ra các nguyên nhân chủ quan và khách quan; từ đó đúc kết những kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho việc tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, bền

vững, gắn với mục tiêu giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Nguyễn Thị Hoa Phượng (2018), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2000 đến năm 2015*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [126]. Tác giả Nguyễn Thị Hoa Phượng đã làm sáng tỏ quá trình hình thành chủ trương và tổ chức chỉ đạo ở cấp tỉnh, đồng thời rút ra kinh nghiệm phục vụ hoạch định chính sách phát triển kinh tế biển trong giai đoạn tiếp theo. Luận án xác định rõ đối tượng nghiên cứu là hoạt động lãnh đạo (chủ trương và sự chỉ đạo) của Đảng bộ tỉnh; triển khai nghiên cứu theo hai chặng 2000 - 2010 và 2010 - 2015, đặt trong bối cảnh chiến lược biển quốc gia và yêu cầu phát triển bền vững. Đáng chú ý, tác giả đã chỉ ra sự chuyển dịch ưu tiên: giai đoạn đầu chú trọng thủy sản và du lịch biển; từ sau 2006 và đặc biệt giai đoạn 2010 - 2015, tỉnh gia tăng trọng tâm vào cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải biển, coi đây là động lực nâng vị thế trung tâm cảng biển. Trên cơ sở đánh giá thành tựu và hạn chế (tầm nhìn chiến lược, liên kết vùng, xử lý quan hệ phát triển - môi trường...), nghiên cứu đóng góp ở ba điểm: hệ thống hóa tư liệu và tiến trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của tỉnh; lý giải các yếu tố tác động và hiệu quả thực thi theo từng lĩnh vực; và khái quát các bài học về nhận thức đúng vai trò kinh tế biển, phân bổ ưu tiên theo giai đoạn, huy động nguồn lực địa phương - Trung ương, gắn tăng trưởng với môi trường và quốc phòng - an ninh, mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

Nguyễn Văn Đức (2018), *Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [63]. Luận án này thực hiện khảo cứu có hệ thống về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân giai đoạn 1997 - 2015. Tác giả đã hệ thống hóa một cách đầy đủ quan điểm, chủ trương của Trung ương và sự vận dụng sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu cũng phục dựng rõ ràng tiến trình lãnh đạo thông qua các chương trình, đề án và công cụ điều hành cụ thể. Bên

cạnh đó, luận án còn đánh giá khách quan những ưu điểm và hạn chế (như quản lý, vốn, hiệu quả của các tổ chức cơ sở đảng, tuân thủ pháp luật, v.v.), đồng thời phân tích sâu sắc các nguyên nhân. Trên cơ sở đó luận án đã đề xuất nhóm giải pháp lãnh đạo nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân, bao gồm: hoàn thiện cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất - kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; củng cố tổ chức Đảng và các đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước; phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân; và tăng cường công tác KTGS, khen thưởng.

Bùi Văn Nghiêm (2018), *Các tỉnh uỷ ở Đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Luận án của tác giả Bùi Văn Nghiêm nghiên cứu vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế, công trình xây dựng một hệ thống lý luận tương đối đầy đủ về nội dung và phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Tác giả đã làm rõ khái niệm tỉnh ủy lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp như một quá trình toàn diện, bao gồm việc ban hành nghị quyết, xây dựng quy hoạch, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ, gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường KTGS. Trên bình diện thực tiễn, luận án hệ thống hóa các cấu phần lãnh đạo then chốt (quy hoạch phát triển, cơ cấu đầu tư, áp dụng việc chuyển giao khoa học công nghệ gắn bảo vệ môi trường sinh thái, huy động các chủ thể xã hội và tăng cường KTGS), đồng thời sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học và ý kiến chuyên gia để nhận diện hạn chế trong hiệu quả phương thức lãnh đạo và đề xuất nhóm giải pháp tăng cường vai trò tỉnh ủy đến năm 2025.

Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2018), *Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2010*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [9]. Luận án tập trung làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 1997-2010. Nội dung nghiên cứu tập trung phân tích bước chuyển biến mang tính chiến lược từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chú trọng an ninh lương thực sang tư duy kinh tế nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Tác giả không chỉ làm rõ thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, mà còn đúc kết các bài học kinh nghiệm quý báu. Những bài học này xoay quanh việc vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, lựa chọn khâu đột phá khoa học - công nghệ, huy động nguồn lực xã hội, gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ môi trường - đảm bảo an sinh xã hội, cùng với việc tăng cường xây dựng Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đình Văn An (2018), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế du lịch từ năm 1991 đến năm 2015*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [2]. Luận án Tiến sỹ của tác giả Đình Văn An là một công trình nghiên cứu tiếp cận từ góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng, tái hiện toàn cảnh quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong phát triển kinh tế du lịch suốt 25 năm (1991-2015). Trong đó, tác giả đi sâu phân tích sự chuyển dịch trong tư duy và hành động của cấp ủy địa phương qua hai giai đoạn chiến lược rõ rệt. Luận án đã cung cấp những luận cứ thực tiễn vững chắc, khẳng định vai trò tiên quyết của tổ chức Đảng trong việc huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa và giải quyết hài hòa mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế biển với việc giữ vững an ninh - quốc phòng. Trên cơ sở phân tích đó, công trình đã đúc kết năm bài học kinh nghiệm cốt lõi liên quan đến xây dựng đội ngũ cán bộ, hoàn thiện thể chế và định hướng phát triển bền vững, mang lại giá trị tham khảo hữu ích cho việc hoạch định chiến lược phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Thị Huyền Trang (2019), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo kinh tế đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2006*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội [161]. Luận án hướng tới việc làm rõ tiến trình Đảng bộ thành phố Hà Nội chỉ đạo và tổ chức phát triển kinh tế đối ngoại trong giai đoạn 1986 - 2006, xem đây là một kênh quan trọng để mở rộng nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng và củng cố vị thế của Thủ đô trong quan hệ kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới. Nghiên cứu đặt vấn đề trong bối cảnh Hà Nội vừa phát huy lợi thế trung tâm chính trị - hành chính, khoa học - dịch vụ, vừa chịu tác động mạnh từ biến động của môi trường bên ngoài và xu thế hội nhập. Tác giả cung cấp các luận cứ xác đáng minh chứng vai trò tiên quyết của Đảng trong việc ban hành các quyết sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sử dụng hiệu quả vốn ODA và thúc đẩy xuất khẩu, đưa khu vực này trở thành đầu tàu kinh tế phía Bắc. Bên cạnh việc khẳng định thành tựu về hạ tầng và khu công nghiệp, luận án thẳng thắn chỉ ra những “điểm nghẽn” về thủ tục hành chính, chất lượng nhân lực và sự thiếu đồng bộ trong liên kết vùng. Công trình rút ra năm bài học cốt lõi về hoàn thiện thể chế, phát triển bền vững và hài hòa lợi ích giữa Trung ương và địa phương, tạo cơ sở tham khảo giá trị cho chiến lược hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới.

Vũ Thị Yên (2020), *Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội [190]. Dưới góc nhìn của Lịch sử Đảng, công trình nghiên cứu của tác giả Vũ Thị Yên đã khắc họa rõ nét quá trình chỉ đạo và định hướng của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với khu vực kinh tế tư nhân trong giai đoạn 18 năm (1997 - 2015), thời điểm gắn liền với sự kiện tái lập tỉnh. Luận án đi sâu phân tích cách thức địa phương cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương thông qua hai chặng đường phát triển tư duy riêng biệt. Giá trị khoa học cốt lõi của luận án nằm ở khả năng tái hiện chân thực tiến trình thay đổi tư duy quản lý của Đảng bộ tỉnh, cung cấp một cái nhìn khách quan về lịch sử kinh tế địa phương. Thông qua đó, tác giả đúc kết những bài học kinh nghiệm sâu sắc về tính chủ động, sự linh hoạt và tinh thần đổi mới trong công tác lãnh đạo, tạo

tiền đề tham khảo hữu ích cho chiến lược phát triển bền vững của địa phương trong bối cảnh hiện nay.

Đặng Thị Minh Nguyệt (2020), Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2015, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [114]. Nghiên cứu này đã khắc họa toàn diện quá trình Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn 2001 - 2015, đánh dấu bước ngoặt chiến lược từ phương thức sản xuất truyền thống sang mô hình “nông nghiệp đô thị” hiện đại. Từ việc đối chiếu chủ trương với kết quả triển khai trên thực địa, luận án khái quát các chuyên biến về năng suất, chất lượng nông sản, mức độ hàng hóa và cải thiện sinh kế nông dân; đồng thời chỉ rõ những bất cập trong tổ chức thực hiện, phối hợp chính sách và mức độ tập trung chỉ đạo ở một số cấp, qua đó phân tích nguyên nhân và rút ra bài học quản trị phù hợp cho các đô thị lớn trong bối cảnh hội nhập.

Nguyễn Văn Thọ (2022), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Thành tựu và kinh nghiệm*, Tạp chí Kinh tế và quản lý, số 1(41)-2022, tr.3-7 [136]. Bài viết này tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN), coi đây là một trụ cột quan trọng trong chiến lược thực hiện hai nhiệm vụ trọng yếu: xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở phân tích quá trình triển khai đường lối, tác giả khái quát những thành tựu chủ yếu trong phát triển lực lượng sản xuất, huy động và phân bổ nguồn lực, hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm cốt lõi về kiên định mục tiêu, linh hoạt trong phương thức, coi trọng tổng kết thực tiễn và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCHN cho giai đoạn tiếp theo.

Bùi Thu Chang (2024), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Luận án đã tiếp cận vấn đề “Đảng Cộng sản Việt Nam

lãnh đạo kinh tế đối ngoại giai đoạn hiện nay” dưới góc độ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động lãnh đạo đối với kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trên nền tảng phân tích khái niệm, nội dung, vai trò và đặc điểm của kinh tế đối ngoại, công trình xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo, trong đó nhấn mạnh việc đề ra đường lối, chiến lược, nghị quyết; lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa thành chính sách, pháp luật; tổ chức thực hiện, KTGS và tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận. Luận án khảo sát thực trạng Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại trong giai đoạn hiện nay, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo. Đóng góp nổi bật của nghiên cứu là xây dựng một khung phân tích tương đối hệ thống về Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại dưới góc độ khoa học Xây dựng Đảng; làm rõ yêu cầu giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng XHCN trong mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế đối ngoại đến năm 2030, góp phần bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc gia trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Nguyễn Bích Ngọc (2025), *Đảng lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp phát triển kinh tế du lịch từ năm 1998 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Tác giả đã tập trung khảo cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lãnh đạo phát triển kinh tế du lịch giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2020. Trên cơ sở hệ thống hóa các văn kiện của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ địa phương, kết hợp số liệu thống kê và tư liệu lưu trữ, công trình làm rõ sự vận dụng sáng tạo quan điểm, chủ trương của Trung ương vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, đặc biệt trong việc cụ thể hóa đường lối phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, tiến tới ngành kinh tế mũi nhọn. Nghiên cứu phân tích sự chuyển biến trong nhận thức và tư duy lãnh đạo qua các nhiệm kỳ, từ việc từng bước đưa du lịch tham gia thị trường hóa đến xây dựng quy hoạch tổng thể, đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực du

lịch và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế du lịch. Đồng thời, luận án đánh giá khách quan những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đúc kết các kinh nghiệm lãnh đạo có giá trị tham khảo cho các địa phương có điều kiện tương đồng. Đóng góp nổi bật của công trình là phục dựng tương đối toàn diện tiến trình Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lãnh đạo phát triển kinh tế du lịch trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, bổ sung cứ liệu khoa học cho nghiên cứu lịch sử Đảng ở địa phương, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế du lịch bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Phan Thị Minh Hiền (2026), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Nghiên cứu này tập trung làm rõ cơ chế Đảng lãnh đạo trong điều kiện vùng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và yêu cầu chuyển đổi sang mô hình phát triển hài hòa kinh tế, xã hội, môi trường. Về mặt lý luận, tác giả đã xây dựng khái niệm “các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững”, nhấn mạnh chuỗi hoạt động từ quán triệt đường lối, ban hành quyết định, đến KTGS việc thực hiện ở hệ thống chính trị và nhân dân, nhằm bảo đảm tính bền vững đa chiều. Đồng thời, tác giả hệ thống hóa phương thức lãnh đạo như lãnh đạo bằng nghị quyết, tuyên truyền - vận động, công tác tổ chức và cán bộ, nêu gương đảng viên, KTGS; trong đó nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng nghị quyết và năng lực tổ chức thực thi để chuyển tải chủ trương vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp. Về mặt thực tiễn, luận án cung cấp luận cứ dựa trên khảo sát diện rộng tại 12 tỉnh (600 phiếu, xử lý bằng phần mềm thống kê), nhận diện cả ưu điểm trong quy hoạch, cơ cấu lại ngành, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số, lẫn hạn chế về tính dự báo, giải pháp đột phá và hiệu lực giám sát. Trên cơ sở kết hợp khung khái niệm về phương thức lãnh đạo với dữ liệu khảo sát, tác giả đề xuất định hướng và giải pháp tăng cường vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững đến giai đoạn sau năm 2025.

### **1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu**

#### ***1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu luận án kế thừa***

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, các nghiên cứu liên quan đến kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển kinh tế địa phương nói chung và Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế, cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương nói riêng đã được tiếp cận từ nhiều góc độ phong phú và đa dạng, đạt được nhiều kết quả lý luận và thực tiễn quan trọng, trong đó có thể kể đến là:

*Thứ nhất*, về phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã góp phần hình thành và làm rõ hệ thống khái niệm, phạm trù và khung tiếp cận liên quan đến phát triển kinh tế địa phương và vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với phát triển kinh tế địa phương. Các nghiên cứu quốc tế của Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và nhiều học giả đã xác lập quan niệm phát triển kinh tế địa phương như một quá trình mang tính chiến lược, trong đó chính quyền địa phương giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định tầm nhìn, điều phối nguồn lực và tạo lập môi trường thể chế thuận lợi cho tăng trưởng bền vững.

Đối với các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế, đặc biệt là các công trình của Trung Quốc và Việt Nam, nhiều tác giả đã làm rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc định hướng chiến lược, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với ổn định CTXH và định hướng phát triển bền vững. Các nghiên cứu đã khẳng định rằng sự lãnh đạo của Đảng không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, mà còn ở năng lực tổ chức thực hiện, KTGS và điều chỉnh chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

*Thứ hai*, về phương diện thực tiễn, các công trình đã cung cấp các luận chứng sinh động, phản ánh cách thức các cấp ủy đảng địa phương lãnh đạo phát triển kinh tế. Thông qua nghiên cứu trường hợp ở nhiều quốc gia cũng như ở Việt Nam, các công trình đã phản ánh sinh động cách thức các cấp ủy

đảng cụ thể hóa đường lối, nghị quyết của Trung ương vào điều kiện thực tiễn địa phương; đồng thời, chỉ ra những thành tựu nổi bật như thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế phổ biến như chất lượng quy hoạch chưa đồng bộ, liên kết vùng còn yếu, năng lực tổ chức thực hiện và phối hợp chính sách chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới. Đặc biệt, một số nghiên cứu đã phác thảo khá rõ nét một số khía cạnh trong bức tranh phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên, như về khía cạnh kinh tế nông nghiệp.

*Thứ ba*, về phương diện định hướng giải pháp, các công trình nghiên cứu đã đề xuất nhiều nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với phát triển kinh tế. Nổi bật là các gợi mở về: 1) Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng gắn với nâng cao năng lực hoạch định chiến lược và điều hành phát triển; 2) Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, gắn với phân cấp, phân quyền hợp lý; 3) Hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường đầu tư – kinh doanh nhằm khai thác hiệu quả lợi thế so sánh và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới; 4) Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển bền vững. Những định hướng này cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh trong bối cảnh mới hiện nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các công trình nghiên cứu đã công bố vẫn còn một số khoảng trống cần tiếp tục làm rõ:

*Trước hết*, các nghiên cứu cấp ủy lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương chủ yếu tập trung vào từng lĩnh vực hoặc giai đoạn lịch sử cụ thể như: về nông nghiệp, du lịch hay kinh tế biển... chưa làm rõ một cách đầy đủ nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy cấp tỉnh đối với sự phát triển tổng thể kinh tế địa phương.

*Bên cạnh đó*, hiện nay chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về sự lãnh đạo của tỉnh ủy Hưng Yên đối với

phát triển kinh tế của tỉnh trong bối cảnh cả nước đã sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, với quy mô không gian, dân số và yêu cầu quản trị mới.

*Ngoài ra*, vẫn còn thiếu những nghiên cứu kết hợp chặt chẽ giữa phân tích lý luận với đánh giá thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên sau khi mở rộng không gian phát triển, nhằm đề xuất các giải pháp có tính khả thi cao và phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay, gắn với mục tiêu tăng trưởng và phát triển nhanh, bền vững trong “kỷ nguyên mới”.

Từ những khoảng trống đó, luận án lựa chọn tập trung nghiên cứu vai trò, nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế trong bối cảnh mới, qua đó góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả, tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

### ***1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu***

Trên cơ sở nhận diện những khoảng trống nghiên cứu, có thể thấy đề tài luận án là hướng nghiên cứu mới, không trùng lặp với những công trình nghiên cứu đã được công bố. Nghiên cứu sinh đi chọn vấn đề này làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ, đáp ứng được yêu cầu về lý luận và thực tiễn, gắn liền với chức trách, nhiệm vụ được giao.

Luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

*Một là*, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế: Nghiên cứu làm rõ hơn khái niệm về Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ (BTV) Tỉnh ủy Hưng Yên, từ đó chỉ ra chức năng, nhiệm vụ, vai trò của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy Hưng Yên; đồng thời làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò kinh tế của tỉnh Thái Bình. Đặc biệt, luận án chú trọng xây dựng cơ sở lý luận về phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên, Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế; chỉ ra chủ thể, đối tượng lãnh đạo; nghiên cứu và đề cập một cách cơ bản, có hệ thống nội dung, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế.

*Hai là*, phân tích đánh giá một cách khách quan thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh. Đặc biệt, luận án quan tâm khảo sát, phân tích và đánh giá những ưu điểm, hạn chế về nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh; phân tích nguyên nhân, rút ra một số kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

*Ba là*, dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh, đề xuất phương hướng và các giải pháp đồng bộ, khả thi, trong đó có những giải pháp mới, mang tính đột phá nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

## Tiểu kết chương 1

Việc làm rõ bức tranh tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án không chỉ giúp định vị những khoảng trống tri thức mà còn là cơ sở quan trọng để xác định hướng tiếp cận, đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của luận án.

Chương 1 *Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ* “Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay” đã tổng hợp các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan trên các khía cạnh: 1) Các công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển kinh tế ở địa phương; 2) Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế, cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương. Kết quả nghiên cứu của những công trình trên có giá trị tham khảo tốt để thực hiện nhiệm vụ của luận án; cung cấp cơ sở lý luận để xây dựng khung lý thuyết của luận án; gợi mở những ý tưởng đề xuất các phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng lãnh đạo, tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế những năm tới.

Mặc dù, đã có nhiều công trình đề cập đến cấp ủy đảng lãnh đạo phát triển các khía cạnh, lĩnh vực trong kinh tế địa phương tuy nhiên các chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đã thực hiện sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh (trong đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên) và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

## **Chương 2**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY HUNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH HIỆN NAY**

#### **2.1. Tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên**

##### ***2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Hưng Yên***

###### ***\* Điều kiện tự nhiên***

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sáp nhập tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Sau khi sáp nhập tỉnh Hưng Yên có diện tích tự nhiên là 2.514,8 km<sup>2</sup>, có dân số là 3.567.943 người [11].

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, Phía Bắc Đông Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh; phía Tây Nam của tỉnh giáp tỉnh Ninh Bình; phía Tây Bắc tỉnh giáp thành phố Hà Nội, phía Đông Bắc của tỉnh giáp thành phố Hải Phòng; phía Đông của tỉnh giáp Biển Đông.

Địa hình của tỉnh Hưng Yên bằng phẳng, không có đồi núi, nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam; vùng đất cao nhất so với mặt nước biển là 6m (phía Bắc tỉnh), vùng đất thấp nhất so với mặt nước biển trung bình 2m (Thái bình cũ). Tỉnh Hưng Yên có đất đai màu mỡ, được hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp phù sa. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, nhiều nắng và mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình mùa hè 23,2 độ C, mùa đông 16 độ C; lượng mưa trung bình hàng năm 1450-1650mm, tập trung vào mùa mưa, từ tháng 5 đến tháng 10. Số giờ năm bình quân trong năm 1730 giờ [32, tr321, 595].

Tỉnh Hưng Yên có nhiều con sông chảy qua thuận lợi cho tưới tiêu và giao thông nội thủy như: có hai sông lớn là sông Hồng, sông Thái Bình cùng nhiều con sông vừa và nhỏ khác chảy trên địa bàn: sông Luộc, sông Kẻ Sặt,

sông Kim Ngưu, sông Nghĩa Trụ, sông Trà Lý, sông Kiên Giang, sông Tiên Hưng, sông Diêm Hộ... Ngoài các con sông chảy qua địa phận, tỉnh Hưng Yên còn có bờ biển dài khoảng 50km với 4 cửa sông: Thái Bình, Ba Lạt, Trà Lý, Diêm Hộ. Biển của Hưng Yên có các bãi ngang rộng và hàng chục ngàn km vuông lãnh hải. Hàng năm, phù sa các con sông bồi đắp lấn dần ra biển, nhân dân địa phương thường quai đê, lấn biển không ngừng mở rộng diện tích đất canh tác.

Ngoài sông ngòi và biển, Hưng Yên còn có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt quốc gia chạy qua và nằm gần các cảng hàng không lớn như: đường quốc lộ số 5; đường cao tốc Hà Nội – Hải phòng; đường quốc lộ 38, đường quốc lộ 39 và đường quốc lộ số 10; đường sắt Hà Nội – Hải Phòng chạy qua Hưng Yên 22km. Hưng Yên gần cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng hàng không Cát Bi Hải Phòng. Có thể nói vị trí địa lý, điều kiện thổ nhưỡng, sông ngòi, bờ biển thuận lợi đã và đang tạo cho Hưng Yên những điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế công nghiệp, xây dựng công nghệ cao; du lịch, dịch vụ hiện đại; nông, lâm, ngư nghiệp xanh, sạch; kinh tế biển bền vững; phát triển kinh tế đô thị, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

*\* Điều kiện kinh tế*

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Vùng Thủ đô và cả nước, nằm giữa tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và gần các tuyến giao thông quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế của tỉnh và các khu vực lân cận. Với vị trí địa lý thuận lợi, đặc địa nói trên, Hưng Yên trở thành trung tâm liên kết vùng, tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng có cơ cấu hợp lý, hiện đại, bền vững:

*Trước hết*, tỉnh Hưng Yên tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp nền tảng; công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường, phát thải carbon thấp. Xây dựng, phát triển hệ sinh thái

công nghiệp đồng bộ, hiện đại; ưu tiên phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; hình thành các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ. Để tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển, tính đến tháng 6 năm 2025 tỉnh Hưng Yên đầu tư phát triển 01 khu kinh tế; 23 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 5.891,4 ha; 74 cụm công nghiệp đã được thành lập với tổng diện tích 3.931,2 ha.

*Thứ hai*, phát triển các ngành dịch vụ mà tỉnh có thế mạnh và điều kiện phát triển, nhất là du lịch, vận tải, logistics, thương mại, khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, bất động sản, thông tin, truyền thông, giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, thể thao, vui chơi, nghỉ dưỡng... định hướng phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao;

*Thứ ba*, phát triển nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, sản xuất chuyên canh, quy mô lớn và giá trị gia tăng cao; phát triển các vùng trồng hoa, cây cảnh, đặc sản, cây trồng, vật nuôi và nông sản mà tỉnh Hưng Yên có thế mạnh.

*Thứ tư*, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Cải cách, xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu quả, toàn diện trên các mặt thể chế, chính sách; thủ tục hành chính... Bên cạnh đó, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh bảo đảm thông thoáng, thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

*\* Điều kiện chính trị*

Theo Nghị quyết 202/2025/QH15, tỉnh Hưng Yên mới gồm 104 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 93 xã và 11 phường. Việc sắp xếp được tiến hành

công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân. Cùng với việc xây dựng chính quyền địa phương hai cấp và thành lập tỉnh Hưng Yên mới, Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ba cấp: Tỉnh uỷ - đảng bộ cấp trên cơ sở - và tổ chức cơ sở đảng. Hiện nay, Đảng bộ tỉnh có 104 đảng bộ cấp xã - đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh uỷ; có 4 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh uỷ được lập ở các cơ quan đảng cấp tỉnh và UBND tỉnh; lập ở cơ quan công an tỉnh và bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Hệ thống chính trị của tỉnh được sắp xếp, kiện toàn, củng cố phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đang từng bước đi vào ổn định. Đảng bộ tỉnh chú trọng lãnh đạo sắp xếp, kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT, nhất là xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh. Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước của các cấp chính quyền, nâng cao năng lực tổ chức, điều hành và quản lý nhà nước về kinh tế.

*\* Điều kiện văn hóa, xã hội*

Hưng Yên nằm ở trung tâm nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam, vùng Đồng bằng sông Hồng. Hưng Yên có 900 di tích lịch sử văn hoá; 216 di tích được xếp hạng quốc gia, có các cụm du lịch nổi tiếng: Đa Hoà - Dạ Trạch; đền Chủ Đổng Tử thờ đức thánh Chủ Đổng Tử; đền Phượng Hoàng; hương cảng Phố Hiến; Bãi Sậy; Chùa Nôm, chùa Chuông, Chùa Keo, đền Đổng Xâm, đền Tiên La, đền Đổng Bằng, làng Nguyên Xá [32, tr321,595]. Những di sản văn hoá phong phú trên đây tạo điều kiện để tỉnh Hưng Yên đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân địa phương và du khách mọi miền đất nước.

Sau sáp nhập tỉnh, Hưng Yên hiện có 3.567.943 người, xếp vào tốp những tỉnh đông dân và mật độ dân số cao trong số 34 thành phố cả nước. Sự gia tăng dân số này mang lại nguồn lao động dồi dào, nhưng cũng đòi hỏi tỉnh phải đầu tư mạnh mẽ hơn nữa vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, và y tế để đáp ứng

nhu cầu của người dân. Hiện tỉnh đang triển khai mạnh các chương trình giảm nghèo bền vững, hỗ trợ dân tộc thiểu số, và mở rộng hệ thống hạ tầng: “Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được quan tâm phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, giải trí của Nhân dân. Các chủ trương, chính sách phát triển toàn diện con người Hưng Yên ngày càng đầy đủ, thực chất. Chỉ số phát triển con người (HDI), tầm vóc, thể lực người dân từng bước được nâng cao. Tuổi thọ trung bình và nhiều chỉ số sức khỏe cao hơn so với mức bình quân cả nước. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên... Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và ở mức thấp hơn bình quân cả nước, đến cuối năm 2025 ước tính còn 0,9%” [11].

*\* Điều kiện quốc phòng, an ninh, đối ngoại*

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và ở trung tâm tam giác tăng trưởng Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; đồng thời Hưng Yên thuộc Vùng Thủ đô, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Tỉnh Hưng Yên, một mặt là “phên dậu” của Thủ đô Hà Nội, bảo vệ Thủ đô Hà Nội ở hướng Đông, Đông Nam của thành phố; mặt khác, Hưng Yên lại là “cửa ngõ” để Thủ đô mở ra biển từ phía Đông, Đông Nam của thành phố, với hệ thống giao thông quốc gia thuận lợi, hiện đại, phát triển vào bậc nhất trong vùng.

Trong nhiều năm vừa qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương đã chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương theo hướng từng bước hiện đại. Lực lượng quân sự và công an tỉnh Hưng Yên được tổ chức lại theo mô hình chính quyền hai cấp và trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy và phối hợp tác chiến. Tỉnh tiếp tục củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tỉnh cũng tăng cường xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: “Tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo đảm

yêu cầu chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới... chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần quan trọng hỗ trợ thúc đẩy thương mại, đầu tư” [11].

### ***2.1.2. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên – khái quát quá trình thành lập, tổ chức bộ máy, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ***

*2.1.2.1. Quá trình thành lập Đảng bộ tỉnh:* Theo Quyết định số 311-QĐ/TW ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập Đảng bộ tỉnh Hưng Yên. Theo đó Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (mới) là đảng bộ trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ tỉnh Hưng Yên và Đảng bộ tỉnh Thái Bình. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Bộ Chính trị chỉ định 70 đồng chí tham gia BCH Đảng bộ tỉnh; chỉ định 22 đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tham gia BTV Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 [11]; chỉ định 5 đồng chí ủy viên BTV Tỉnh ủy tham gia Thường trực Tỉnh ủy, gồm: Bí thư Tỉnh ủy; Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Phó bí thư - Chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Bí thư - Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Bí thư - Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh.

*2.1.2.2. Hệ thống tổ chức của Đảng bộ:* Hệ thống tổ chức của Đảng bộ được sắp xếp, kiện toàn gắn với việc thành lập chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình thành tỉnh Hưng Yên (mới). Sau khi Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ tỉnh Hưng yên và Đảng bộ tỉnh Thái Bình, hiện nay Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (mới) có: i) 104 đảng bộ cấp xã, trong đó có 93 đảng bộ xã, 11 đảng bộ phường. Các đảng bộ xã, phường hiện nay đều là đảng bộ cấp trên cơ sở, trực thuộc Tỉnh ủy; ii) 4 đảng bộ cấp trên cơ sở khác, trực thuộc Tỉnh ủy: Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng bộ UBND tỉnh; Đảng bộ quân sự tỉnh; Đảng bộ công an tỉnh. Có 108 tổ chức cơ sở đảng được lập ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị kinh tế nhà nước, trực thuộc các đảng bộ cấp trên cơ sở. Mặc dù số lượng đơn vị hành chính cấp xã giảm đáng kể, nhưng quy mô,

địa bàn và tính chất hoạt động của các đảng bộ xã, phường lại mở rộng, yêu cầu cao hơn; đồng thời số lượng đảng viên của Đảng bộ tỉnh tăng lên mạnh mẽ, tính đến ngày 3 tháng 10 năm 2025, toàn Đảng bộ có hơn 182.000 đảng viên.

*2.1.2.3. Đội ngũ đảng viên của Đảng bộ Tỉnh Hưng Yên* tính đến tháng 10 năm 2025 có 182.000 đảng viên hoạt động ở 93 đảng bộ xã, 11 đảng bộ phường và 4 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh uỷ và 1 Đảng bộ, Bộ đội biên phòng chuyển từ Đảng bộ tỉnh Thái Bình trước đây về trực thuộc Tỉnh uỷ. Trong số 182.000 đảng viên của Đảng bộ có 13.560 đảng viên mới được kết nạp.

Nhiệm vụ của Đảng bộ. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định mục tiêu: Đảng bộ lãnh đạo HTCT, các tổ chức và lực lượng xã hội, cán bộ và nhân dân tỉnh Hưng Yên: “Xây dựng nền kinh tế năng động và phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh và kinh tế biển mạnh. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần” [11]. Trên tinh thần đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên phấn đấu đến năm 2035, Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I. Năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; có kinh tế biển phát triển mạnh.

### ***2.1.3 Tỉnh uỷ Hưng Yên - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và vai trò***

*2.1.3.1. Tỉnh uỷ Hưng yên - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò và cơ cấu, tổ chức bộ máy*

*\* Khái niệm*

Điều 9 khoản 2, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, năm 2011 quy định: “2. Cơ quan lãnh đạo

cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu, hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)” [52, tr.17]. Cấp ủy cấp tỉnh gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy. Theo quy định trên đây của Điều lệ Đảng, có thể khái niệm: *Tỉnh ủy Hưng Yên là tên gọi tắt của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội, do Đại hội đại biểu Đảng bộ bầu ra, hoặc do Trung ương chỉ định.*

*\* Chức năng của Tỉnh ủy Hưng Yên*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương thì “Cấp ủy cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HTCT cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương” [27]. Căn cứ theo quy định trên đây, Tỉnh ủy Hưng Yên có chức năng chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, chức năng lãnh đạo. Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai nhiệm kỳ đại hội đại biểu của Đảng bộ. Thực hiện chức năng này, Tỉnh ủy lãnh đạo trực tiếp, mọi mặt hoạt động của Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo HTCT và các lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương. Cụ thể là: Tỉnh ủy lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Tỉnh ủy lãnh đạo, KTGS thực hiện các nhiệm vụ

chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự và đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

*Thứ hai*, chức năng tham mưu, đề xuất, kiến nghị. Tỉnh ủy có chức năng tham mưu, đề xuất, kiến nghị với BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương, nhất là những chủ trương, nghị quyết lãnh đạo của Trung ương đối với Đảng bộ tỉnh.

*\* Nhiệm vụ, quyền hạn của Tỉnh ủy Hưng Yên*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, theo đó, Tỉnh ủy Hưng Yên có 14 nhiệm vụ, luận án khái quát thành 7 nhóm nhiệm vụ cụ thể như sau:

(1). Lãnh đạo thực hiện: i) Cụ thể hóa và thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ; ii) Chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, BCT, BBT; iii) Quyết định chương trình làm việc và chương trình KTGS toàn khóa và hàng năm của Tỉnh ủy; iv) Ban hành quy chế làm việc của Tỉnh ủy và Quy chế làm việc của UBKT Tỉnh ủy.

(2). Lãnh đạo xây dựng HTCT vững mạnh: i) Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và quản lý biên chế theo thẩm quyền; ii) Lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; iii) Lãnh đạo MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH trong việc giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

(3). Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức: i) Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong HTCT; ii) Quyết định công tác cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ; iii) Thực hiện tự

phê bình, phê bình, chất vấn trong tổ chức đảng; iv) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; v) Lãnh đạo công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vi) Xem xét, cho ý kiến về những công việc BTV Tỉnh ủy đã giải quyết giữa hai kỳ họp của Tỉnh ủy, quyết định những vấn đề quan trọng khác do BTV Tỉnh ủy trình; vii) Quyết định những vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của Tỉnh ủy.

(4) Căn cứ vào những định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy: i) Chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương; ii) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập Đại hội đảng bộ tỉnh; iii) Chuẩn bị nội dung và triệu tập hội nghị đại biểu đảng bộ giữa nhiệm kỳ (nếu có).

(5) Lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu ở địa phương: i) Lãnh đạo phát triển KT-XH: xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển KT-XH; cho chủ trương những vấn đề chiến lược, lớn, quan trọng, nhạy cảm về KT-XH, ngân sách, phát hành trái phiếu địa phương; ii) Lãnh đạo công tác quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội; iii) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao. (7) Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Tỉnh ủy...

*\* Vai trò của Tỉnh ủy Hưng Yên*

*Một là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước được thực hiện thắng*

lợi trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy xây dựng và ban hành chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với thực tiễn địa phương để lãnh đạo nhân dân thực hiện, qua đó hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*Hai là*, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo chính trị, nhân tố quyết định mọi thắng lợi phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương.

Đảng bộ tỉnh, thường xuyên và trực tiếp là Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, là hạt nhân lãnh đạo, nhân tố quyết định mọi thành công trên các lĩnh vực hoạt động của nhân dân địa phương. Vì vậy, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định nhất. Nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ tỉnh được tiến hành thường xuyên và nghiêm túc trong toàn hệ thống tổ chức của Đảng bộ và đội ngũ đảng viên. Công tác xây dựng Đảng bắt đầu từ các đơn vị cơ sở của Đảng bộ - các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; kể đến là các đảng bộ cấp trên cơ sở. Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy vừa là người lãnh đạo, vừa gương mẫu, đi đầu trong công tác xây dựng Đảng, từ đó chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc nghiêm túc làm theo. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh thì các tổ chức thành viên của HTCT tất yếu sẽ vững mạnh theo, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở địa phương cùng phát triển.

*Ba là*, Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai nhiệm kỳ đại hội, trên cơ sở nghị quyết Đại hội

Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch hành động toàn khóa để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội Đảng bộ. Trong các chương trình, kế hoạch hành động này, Tỉnh ủy xác định rõ nội dung, số lượng các nghị quyết chuyên đề cần ban hành để đưa nghị quyết của Đại hội Đảng bộ vào cuộc sống; BTV Thành ủy và Thường trực Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

*Bốn là*, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của HTCT tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong bối cảnh mới. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố quyết định chất lượng việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT. Tỉnh ủy lãnh đạo định hướng chính trị cho các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội ở địa phương hoạt động tuân theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của HTCT và các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị kinh tế nhà nước trực thuộc quản lý của tỉnh là chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tỉnh ủy. Tỉnh ủy căn cứ vào chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, các Quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ của HTCT, căn cứ vào Hiến pháp, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương; luật cán bộ, công chức, viên chức; luật về MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, luật về các tổ chức xã hội;... ban hành chủ trương, nghị quyết theo thẩm quyền về xây dựng tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của HTCT địa phương theo phân cấp quản lý. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy HTCT địa phương được quyết định bởi năng lực lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ của Tỉnh ủy theo nguyên tắc: “Thực hiện Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị, ở Trung ương trực tiếp là Bộ Chính trị, ở địa phương trực tiếp

là ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh” [54, tr.48]. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của HTCT địa phương cũng được quyết định bởi năng lực lãnh đạo, quản lý của các tỉnh, thành ủy, thường xuyên và trực tiếp là BTV tỉnh, thành ủy theo nguyên tắc: “Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong HTCT” [55, tr.55].

*Năm là*, Tỉnh ủy góp phần xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trực tiếp là sự lãnh đạo của BCHTW, BCT, BBT đối với Đảng bộ tỉnh. Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương cấp tỉnh - người trực tiếp tổ chức thực hiện sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương - nên hiểu rất rõ điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở; nắm vững những mặt mạnh và mặt còn hạn chế, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, để từ đó tham mưu, kiến nghị với Trung ương hoàn thiện đường lối, chính sách, pháp luật. Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, nêu rõ: Tỉnh ủy có chức năng “... đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương” [27].

*\* Cơ cấu tổ chức bộ máy của Tỉnh ủy Hưng Yên*

Về cơ quan lãnh đạo, theo quy định của Điều lệ Đảng, cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai nhiệm kỳ đại hội là BCH Đảng bộ tỉnh (Tỉnh ủy); BTV Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai kỳ họp của Tỉnh ủy; Thường trực Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo, được BTV Tỉnh ủy ủy quyền lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những công việc hàng ngày của Tỉnh ủy. Căn cứ vào quy định của Ban Bí thư và điều kiện cụ thể của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên mới, Đảng bộ được thành lập trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ tỉnh Hưng Yên và Đảng bộ tỉnh Thái Bình, nên tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030, Bộ Chính trị khoá XIII chỉ định 70 đồng chí đảng viên tiêu

biểu của Đảng bộ tham gia BCH Đảng bộ tỉnh; chỉ định 22 đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tham gia BTV Tỉnh uỷ; chỉ định 5 đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh uỷ tham gia Thường trực Tỉnh uỷ. Các đồng chí uỷ viên BTV Tỉnh uỷ khác được BTV Tỉnh uỷ phân công đảm nhiệm các chức danh Trưởng Ban xây dựng đảng, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Quân sự tỉnh...

*Ủy ban Kiểm tra và Chủ nhiệm UBKT tỉnh uỷ*, theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy định số 22 – QĐ/TW của BCHTW, thì UBKT tỉnh uỷ được BCH đảng bộ tỉnh khoá mới bầu ra, sau khi Đại hội đại biểu nhiệm kỳ bầu BCH đảng bộ. Tuy nhiên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đảng bộ tỉnh Hưng yên và Thái Bình, nên BCHĐB và UBKT Tỉnh uỷ sẽ do Trung ương chỉ định. Tháng 10 năm 2025, Ban Bí thư chỉ định 11 đồng chí đảng viên tiêu biểu của Đảng bộ uỷ tham gia UBKT Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2025-2030; chỉ định Thường trực UBKT gồm: 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra; chỉ định 06 đồng chí Ủy viên UBKT giữ chức Phó Chủ nhiệm UBKT. Theo đó, Thường trực UBKT Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2025-2030 có 7 đồng chí.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Tỉnh uỷ. Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của BCT về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh được: “thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan UBKT, ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính; trường chính trị, cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố” [27]. Theo đó, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ Hưng Yên nhiệm kỳ 2025-2030 gồm: (1) Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Cơ quan Ủy ban kiểm tra; Ban Nội chính và Văn phòng Tỉnh uỷ. (2) Các đơn vị sự nghiệp Tỉnh uỷ gồm: i) Cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của Đảng bộ tỉnh; ii) Trường chính trị tỉnh... Về cơ cấu tổ chức và nhân sự các cơ quan tham mưu, giúp việc và các đơn vị sự nghiệp của Tỉnh

ủy được tổ chức và biên chế theo quy định của Ban Bí thư, sau Đại hội đại biểu lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030, đến nay các cơ quan này được biên chế đủ theo quy định.

### *2.1.3.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ*

#### *\*Khái niệm Ban thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên*

Điều 20 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, khoá XI, quy định: BTV tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, do hội nghị tỉnh ủy bầu ra, trong số các ủy viên tỉnh ủy. Trong điều kiện bình thường, BTV tỉnh ủy được hội nghị BCHĐB tỉnh lần thứ nhất, sau đại hội đảng bộ bầu ra. Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã cụ thể hoá hơn nữa những quy định của Điều lệ Đảng: “2. BTV cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và KTGS việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương;...” [13]. Từ những chỉ dẫn nói trên, có thể khái niệm: BTV Tỉnh ủy Hưng Yên là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của Tỉnh ủy, được hội nghị đầu tiên của Tỉnh ủy, sau đại hội bầu ra, hoặc được Trung ương chỉ định; gồm những đảng viên tiêu biểu của Đảng bộ tỉnh, trong số những Tỉnh ủy viên, thực hiện lãnh đạo tập thể, phân công cá nhân phụ trách. BTV Tỉnh ủy Hưng Yên là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCHTW, BCT, BBT, trực tiếp và thường xuyên là Tỉnh ủy. Số lượng ủy viên BTV tỉnh ủy thực hiện theo quy định của Trung ương, không vượt quá 1/3 số lượng ủy viên BCHĐB tỉnh. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (tháng 10 năm 2025), BCT chỉ định 22 đồng chí đảng viên tham gia BTV Tỉnh ủy, trong số 70 ủy viên BCHĐB tỉnh.

*\* Chức năng của BTV Tỉnh uỷ*

Là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của BCHĐB tỉnh, BTV tỉnh uỷ có những chức năng cơ bản giống như chức năng của tỉnh uỷ, tuy nhiên vẫn có những khác biệt nhất định, tuy nhỏ. Căn cứ theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy định số 10-QĐ/TW của BCT khoá XII, BTV Tỉnh uỷ Hưng yên có chức năng sau:

*Một là*, chức năng lãnh đạo. Thực hiện chức năng này, BTV Tỉnh uỷ lãnh đạo đảng bộ thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, chỉ thị, nghị quyết của tỉnh uỷ và của Trung ương giữa hai kỳ hội nghị BCHĐB tỉnh. Sự lãnh đạo của BTV Tỉnh uỷ mang tính trực tiếp và thường xuyên hơn so với Tỉnh uỷ.

*Hai là*, chức năng KTGS. Thực hiện chức năng này, BTV Tỉnh uỷ không chỉ lãnh đạo, chỉ đạo, quyết định, kết luận những nội dung công tác KTGS mà còn thường xuyên và trực tiếp tổ chức thực hiện các cuộc KTGS theo Quy định số 22- QĐ/TW ngày 22/7/2021 của BCHTW.

*Ba là*, chức năng tham mưu. Thực hiện chức năng này, BTV Tỉnh uỷ: i) Đề xuất, kiến nghị với BCT, BBT những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương, trước khi thông qua và được sự nhất trí của tỉnh uỷ; ii) Đề xuất, kiến nghị với Tỉnh uỷ những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với địa phương và đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề đặt ra.

*\* Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ tỉnh uỷ*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của BCT về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh có 14 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn lãnh đạo bao quát toàn diện các mặt công tác ở địa phương, luận án khái quát những nhiệm vụ, quyền hạn của BTV Tỉnh uỷ Hưng Yên theo năm nhóm nhiệm vụ, quyền hạn:

*Một là*, lãnh đạo, chỉ đạo, KTGS việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nghị quyết của Tỉnh uỷ và chủ trương, nghị quyết của

Trung ương về các lĩnh vực đời sống xã hội. Thực hiện thí điểm những mô hình mới theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy và sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

*Hai là*, lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng; Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và thống nhất quản lý biên chế, cán bộ của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể thuộc HTCT trong tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp tỉnh; Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Quyết định triệu tập hội nghị Tỉnh ủy, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, kế hoạch công tác, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị Tỉnh ủy thảo luận, xem xét, quyết định.

*Ba là*, ban hành chủ trương, nghị quyết, kết luận của BTV Tỉnh ủy về những vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực KT-XH ở địa phương. Quyết định hoặc cho chủ trương định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phòng, chống tội phạm.

*Bốn là*, lãnh đạo định hướng các hoạt động công tác nội chính, công tác tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; lãnh đạo, chỉ đạo công tác tài chính và quản lý tài sản của đảng bộ.

*Năm là*, BTV Tỉnh ủy quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị; thực hiện những nhiệm vụ do Trung ương và Tỉnh ủy giao. Ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của BTV Tỉnh ủy và KTGS thực hiện.

## **2.2. Kinh tế và phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên**

### ***2.2.1. Kinh tế của tỉnh Hưng Yên - khái niệm, cơ cấu, đặc điểm kinh tế của tỉnh***

#### ***2.2.1.1. Khái niệm kinh tế***

Nhìn một cách khái quát, toàn bộ đời sống xã hội loài người không ngừng vận động, phát triển trong môi trường tự nhiên không ngừng biến đổi.

Sự vận động của đời sống xã hội diễn ra mối quan hệ chặt chẽ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người. Nội dung cốt lõi của đời sống vật chất của con người là hoạt động sản xuất nhằm tạo ra tư liệu sinh hoạt nuôi sống con người và hoạt động sản xuất ra chính con người. Hoạt động sản xuất vật chất để tạo ra tư liệu sinh hoạt cho con người, được gọi là hoạt động kinh tế. Với nghĩa như vậy, Từ điển Bách khoa Việt Nam quan niệm: “KINH TẾ 1. Tổng thể các hoạt động của một cộng đồng người một nước, liên quan đến toàn bộ quá trình hay một phần của tổng quá trình bao gồm các quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm xã hội. 2. Tổng thể những mối quan hệ trong quá trình sản xuất của một hình thái KT-XH nhất định, trong tổ chức và hoạt động của cơ cấu hạ tầng của xã hội, bao gồm các ngành kinh tế - kỹ thuật, các loại hình sản xuất tương ứng. Nền KT quốc dân của một nước bao gồm các ngành, các vùng lãnh thổ, các cơ sở và các loại hình sản xuất, và bao trùm các khâu của nền sản xuất xã hội (sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng) trên toàn bộ lãnh thổ của đất nước” [162, tr584]. Tán thành với luận giải trên đây, luận án quan niệm *Kinh tế là thuật ngữ phản ánh quá trình sản xuất vật chất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng xã hội, được thực hiện trong các quan hệ kinh tế khách quan, diễn ra trong cộng đồng người của một quốc gia, tạo thành nền kinh tế quốc dân ở hình thái kinh tế xã hội xác định*. Khái niệm kinh tế nói trên chỉ ra những nội hàm chính sau đây: *Một là*, theo nghĩa chung nhất, kinh tế là lĩnh vực hoạt động sản xuất vật chất của con người, hoạt động này tuân theo một quá trình khách quan: sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm.

*Hai là*, để tiến hành các hoạt động sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng sản phẩm, người ta phải tiến hành các hoạt động đó trong các mối quan hệ kinh tế xác định. Ở mỗi nước, trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể, hoạt động kinh tế diễn ra trong một hình thái kinh tế - xã hội xác định, trong đó quy định những quan hệ tổng quát cho hoạt động sản xuất vật chất như: i) Người lao động sử dụng công cụ sản xuất tác động vào tư liệu lao động (vật tư) để tạo ra

sản phẩm; ii) Sản xuất xã hội bắt buộc người ta phải quan hệ chặt chẽ với nhau trong các mối quan hệ trọng yếu: quan hệ sở hữu; quan hệ quản lý sản xuất; quan hệ phân phối sản phẩm; trong các mối quan hệ đó ai là người có quyền sở hữu tư liệu sản xuất - công cụ sản xuất, tư liệu lao động - thì người đó có quyền quyết định phân phối sản phẩm. Đồng thời với các quan hệ sản xuất, khi xã hội phân chia giai cấp và nhà nước ra đời, để bảo đảm cho hoạt động sản xuất xã hội diễn ra thuận lợi, quá trình sản xuất xã hội còn chịu sự chi phối mạnh mẽ, tất yếu của các qui định pháp luật, các chính sách kinh tế, chính sách xã hội của nhà nước. Tất cả các quan hệ phức tạp, nhiều chiều nói trên bảo đảm cho hoạt động sản xuất xã hội tiến hành thuận lợi được phản ánh khái quát dưới các khái niệm hình thái KT-XH, chế độ kinh tế, thể chế kinh tế... Trong mỗi hình thái KT-XH lại có các chế độ kinh tế đặc trưng của nó.

Ba là, các hoạt động sản xuất xã hội tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng xã hội cực kỳ phong phú, do đó người ta đã phân chia hoạt động sản xuất thành các ngành kinh tế lớn như: ngành nông, lâm, ngư nghiệp; ngành công nghiệp, xây dựng; ngành du lịch và dịch vụ; ở mỗi ngành sản xuất lớn này, người ta lại phân thành các ngành hàng cụ thể. Sự phân chia tỷ lệ đóng góp của các ngành sản xuất lớn nói trên cho nền kinh tế tính theo GDP, được gọi chung là cơ cấu ngành kinh tế.

### **\*Kinh tế của tỉnh Hưng Yên**

Từ những luận giải khái niệm kinh tế nói trên, có thể khái niệm *Kinh tế của tỉnh Hưng Yên là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân Việt Nam, gồm tổng thể các hoạt động sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng xã hội diễn ra trên địa bàn tỉnh, quan hệ chặt chẽ với thị trường trong nước và quốc tế.* Khái niệm “kinh tế của Tỉnh Hưng Yên” nói trên chỉ rõ những nội hàm chủ yếu: 1) Là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân Việt Nam - nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. 2) Là hoạt động sản xuất vật chất và hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất được biểu hiện ở các hoạt động cụ thể như: i) sản xuất ra các sản phẩm hàng hoá phục vụ sản xuất và tiêu dùng xã hội; ii) hoạt

động tài chính; iii) hoạt động lưu thông hàng hoá. 3) Là hoạt động trao đổi, phân phối, tiêu dùng xã hội, biểu hiện cụ thể ở các quan hệ: i) hoạt động mua, bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trên thị trường - thương mại; ii) các hoạt động phân chia lợi nhuận, trả tiền công cho người lao động, phân chia ngân sách cho phúc lợi và cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội... iii) hoạt động tiêu dùng cho sản xuất và phục vụ đời sống cộng đồng dân cư địa phương. 4) Hoạt động kinh tế của tỉnh Hưng Yên chủ yếu diễn ra trên địa bàn tỉnh, do người địa phương thực hiện là chính, nhưng do kinh tế của tỉnh Hưng Yên là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân Việt Nam, nên có quan hệ với thị trường cả nước và quốc tế, được không ít người dân của các địa phương khác và công dân nước ngoài đến sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

Trong bốn mươi năm đổi mới vừa qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN để từng bước xây dựng nền kinh tế của tỉnh lớn mạnh như ngày nay. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030, Đảng bộ tỉnh đã đánh giá khái quát về nền kinh tế của tỉnh Hưng Yên trên những nội dung chủ yếu:

*Thứ nhất*, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh toàn diện, hiện đại: “phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số” [11].

*Thứ hai*, cơ cấu kinh tế và đầu tư kinh tế chuyển dịch theo hướng hợp lý, hiệu quả: “Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Thương mại, dịch vụ phát triển nhanh cùng với đẩy mạnh xây dựng các hạ tầng hỗ trợ. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, tạo chuyển biến rõ nét diện mạo của nông nghiệp, nông thôn” [11].

*Thứ ba*, cơ chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế không ngừng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển: Tỉnh Hưng Yên đã “tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ và triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch; tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế”. Trên thực tế, tỉnh Hưng Yên đã triển khai nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích các loại hình doanh nghiệp phát triển, nhất là mở rộng, nâng tầm khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực, tập trung nhiều vào các dự án hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất [11].

#### ***2.2.1.2. Cơ cấu kinh tế của tỉnh Hưng Yên***

Cơ cấu, hiểu một cách khái quát, là sự tổ chức các bộ phận, các thành phần bên của một sự vật thành một chỉnh thể bằng các mối liên hệ hữu cơ, chặt chẽ: “Cách tổ chức các thành phần nhằm thực hiện chức năng của chỉnh thể” [162, tr207]. Cơ cấu kinh tế của một nước, một địa phương là “tổng thể các ngành, các lĩnh vực, các bộ phận kinh tế... có quan hệ hữu cơ, tương đối ổn định hợp thành” [162, tr610]. Theo đó, cơ cấu kinh tế của tỉnh Hưng Yên, cần tập trung phát triển và hoàn thiện cơ cấu thành phần kinh tế; cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu đầu tư.

#### ***\* Cơ cấu thành phần kinh tế của tỉnh Hưng Yên***

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của tỉnh Hưng Yên có cơ cấu nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế cùng tồn tại, phát triển lâu dài, ổn định và bình đẳng trước pháp luật.

*Một là*, thành phần kinh tế nhà nước. Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế địa phương, hoạt động trọng các lĩnh vực quan trọng, then chốt như: quản lý tài nguyên, kết cấu hạ tầng giao thông, cấp thoát

nước, điện lực, lâm nghiệp; bảo vệ môi trường... Đây là lực lượng bảo đảm ổn định KT-XH, duy trì các cân đối lớn và định hướng sự phát triển chung của nền kinh tế tỉnh Hưng Yên. Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 chỉ rõ, sự phát triển kinh tế của tỉnh đã bảo đảm: “Tài nguyên, đất đai được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn; ô nhiễm môi trường từng bước được xử lý; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường. Công tác giải phóng mặt bằng được chỉ đạo quyết liệt, có nhiều sáng tạo” [11]. Thành công nói trên có vai trò quan trọng của thành phần kinh tế nhà nước.

*Hai là*, thành phần kinh tế tập thể. Thành phần kinh tế tập thể hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp: sản xuất lương thực, thực phẩm; dịch vụ nông nghiệp, thủy lợi; chế biến nông - lâm, thủy sản và du lịch cộng đồng. Nhiều hợp tác xã kiểu mới đã hình thành, tham gia liên kết theo chuỗi giá trị với doanh nghiệp và hộ sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới: “Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, tạo chuyển biến rõ nét diện mạo của nông nghiệp, nông thôn” [11].

*Ba là*, thành phần kinh tế tư nhân. Kinh tế tư nhân được xác định: “là một động lực quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương” [11]. Đây là khu vực phát triển năng động nhất, đóng góp lớn vào tăng trưởng GRDP, thu ngân sách và giải quyết việc làm. Kinh tế tư nhân hoạt động mạnh trong các ngành: công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, thương mại - dịch vụ, vận tải, du lịch và công nghiệp hỗ trợ. Nhiều doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa và lớn đã xuất hiện, tạo động lực quan trọng cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

*Bốn là*, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Khu vực FDI ngày càng trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh, với các ngành chủ lực như: sản xuất ô tô, xe máy, linh kiện điện tử, điện lạnh, dệt may, da

dày, công nghiệp hỗ trợ, chế biến thực phẩm. Khu vực này đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và tạo việc làm cho lao động địa phương. “Thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực, tập trung nhiều vào các dự án hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường... Đến cuối tháng 6/2025, tỉnh Hưng Yên có 1 khu kinh tế, 23 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 5.891,4 ha” [11].

*\* Các ngành kinh tế của tỉnh Hưng Yên*

*Một là*, ngành kinh tế công nghiệp - xây dựng. Theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, đến năm 2030 ngành kinh tế công nghiệp, xây dựng của tỉnh chiếm tỉ trọng 60% trong cơ cấu GRDP. Đây là ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đóng góp lớn nhất vào GRDP của tỉnh. Ngành kinh tế công nghiệp – xây dựng tập trung chủ yếu vào cơ khí chế tạo, điện tử, công nghiệp hỗ trợ (sản xuất linh kiện điện tử, chế biến gỗ và giấy, may mặc, hóa chất, sản xuất vật liệu xây dựng). Để thúc đẩy ngành công nghiệp - xây dựng phát triển theo hướng hiện đại, Hưng Yên tập trung phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, theo Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, đến tháng 6 năm 2025, tỉnh Hưng Yên có 01 khu kinh tế; 23 khu công nghiệp và 74 cụm công nghiệp.

*Hai là*, ngành kinh tế nông - lâm, ngư nghiệp. Theo Báo cáo chính trị của Đại hội đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, đến năm 2030, ngành kinh nông - lâm ngư nghiệp của Hưng Yên chiếm 8% trong cơ cấu GRDP. Tuy vậy, ngành kinh tế này được định hướng phát triển theo hướng xanh, sạch, ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn trở thành một trong năm trụ cột thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững ở địa phương. Các đơn vị kinh tế sản xuất nông - lâm, ngư nghiệp tập trung vào trồng cây lương thực, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi và đánh bắt thủy - hải sản.

*Ba là*, ngành kinh tế du lịch - dịch vụ. Ngành du lịch - dịch vụ của tỉnh Hưng Yên, định hướng phát triển đến năm 2030, chiếm 27,5% trong cơ cấu

GRDP của tỉnh. Các đơn vị kinh tế ngành du lịch - dịch vụ ở địa phương đang phát triển mạnh như: thương mại, vận tải - logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng, y tế - giáo dục, viễn thông và dịch vụ công. Du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh đang được đầu tư theo hướng: gắn phát triển kinh tế với văn hoá - xã hội “Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao” [11].

*\*Cơ cấu đầu tư của tỉnh Hưng Yên*

*Một là*, đầu tư từ ngân sách nhà nước. Nguồn vốn này tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH như: giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, chuyển đổi số và phát triển đô thị. Đầu tư công giữ vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng và môi trường thuận lợi cho thu hút các nguồn lực đầu tư khác. Tỷ trọng vốn đầu tư công trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm, nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng đối với các công trình mang tính chiến lược và an sinh xã hội. Theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, quy mô GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 600.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.100.000 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng vốn đầu tư so với GRDP đạt 47,6% [11].

*Hai là*, đầu tư của khu vực tư nhân trong nước. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng nhanh, đóng góp lớn vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Các doanh nghiệp tư nhân tập trung đầu tư vào công nghiệp cơ khí, điện tử, chế biến, chế tạo; sản xuất vật liệu xây dựng; thương mại - dịch vụ; bất động sản; logistics và xây dựng đô thị. Sự gia tăng của khu vực này góp phần mở rộng quy mô sản xuất, tạo việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - xây dựng, du lịch - dịch vụ, nông - lâm ngư nghiệp xanh, sạch công nghệ cao.

*Ba là*, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Vốn FDI chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu đầu tư, đặc biệt tại các khu công nghiệp. Hiện tại, tỉnh Hưng Yên đã thu hút mạnh nguồn đầu tư FDI vào các lĩnh vực: sản xuất, lắp

ráp điện thoại, linh kiện điện tử; sản xuất ô tô, xe máy; sản xuất thép, vật liệu xây dựng; cơ khí và công nghiệp hỗ trợ; may mặc, chế biến thực phẩm... và các ngành có giá trị xuất khẩu lớn. Đầu tư FDI đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

### *2.2.1.3. Đặc điểm kinh tế của tỉnh Hưng Yên*

*Một là, kinh tế của tỉnh Hưng Yên có cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển công nghiệp, xây dựng công nghệ cao; du lịch, dịch vụ hiện đại; nông nghiệp xanh và bền vững*

Sự phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên những năm gần đây đang chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng: ngành công nghiệp, xây dựng ứng dụng công nghệ cao phát triển nhanh, dự kiến đến năm 2030, chiếm tỷ trọng 60% trong cơ cấu GRDP; tiếp đến là phát triển ngành du lịch, dịch vụ hiện đại, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu GRDP, 27,5%; phát triển nền nông nghiệp sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, nhưng giảm tỷ trọng trong cơ cấu GRDP xuống còn 8%. Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đánh giá: “Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Thương mại, dịch vụ phát triển nhanh cùng với đẩy mạnh xây dựng các hạ tầng hỗ trợ. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới” [11]. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói trên là đòi hỏi khách quan, phù hợp với quy luật công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh, liên kết vùng của một tỉnh nằm ở trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh cũng đặt ra yêu cầu Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hưng Yên phải đổi mới tư duy phát triển nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững, hạn chế tác động môi trường.

*Hai là, sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các khu vực còn lớn*

Sau khi sáp nhập tỉnh Hưng Yên với tỉnh Thái Bình, tỉnh Hưng Yên mới có không gian kinh tế mở rộng, trở thành tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc bộ, được phân thành ba vùng tương đối rõ rệt: vùng đô thị, vùng đồng bằng và vùng đồng bằng ven biển. Ở ba vùng nói trên trình độ phát triển KT-XH không đồng đều: khu vực đô thị như Hưng Yên, Phố Nôi, Phố Hiến, Vinhomes, Ecopark, Thái Bình... có tốc độ tăng trưởng cao dựa trên phát triển công nghiệp, xây dựng và du lịch - dịch vụ có năng xuất lao động cao; trong khi các vùng nông thôn đồng bằng và vùng đồng bằng ven biển (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông - lâm, ngư nghiệp năng xuất lao động thấp; hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ, nguồn nhân lực và tiếp cận thị trường còn gặp nhiều khó khăn. Đặc điểm này đòi hỏi Tỉnh uỷ và chính quyền tỉnh phải có chính sách điều phối phát triển vùng phù hợp, chú trọng đầu tư cho những khu vực còn khó khăn, bảo đảm phát triển hài hòa và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền.

*Ba là, công nghiệp, xây dựng phát triển nhanh, mạnh ở phía bắc của tỉnh*

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Vùng đồng bằng Bắc Bộ, liền kề Thủ đô, có mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển thuận lợi đi qua địa bàn và gần cảng hàng không quốc gia đã kết nối chặt chẽ tỉnh Hưng Yên với các tỉnh, thành phố khác trong vùng... nhờ đó, tỉnh Hưng Yên nằm trong nhóm các địa phương Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có thu hút FDI mạnh nhất: “Trong giai đoạn 2021 - 2025 thu hút được 912 dự án đầu tư với tổng số vốn tương đương 24,5 tỷ USD, chiếm gần 60% tổng số vốn đăng ký lũy kế đến ngày 30/6/2025”[11]. Để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài phát triển các ngành sản xuất công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, tỉnh Hưng Yên đã chú trọng xây dựng nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Theo Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, đến tháng 6 năm 2025: “tỉnh Hưng Yên có 1 khu kinh tế, 23 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 5.891,4 ha, tỷ lệ lấp

đầy 64,9%; có 74 cụm công nghiệp đã được thành lập với tổng diện tích 3.931,2 ha” [11]. Sự phát triển của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tạo động lực quan trọng cho thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, sự mở rộng nhanh của ngành công nghiệp cũng kéo theo các thách thức về hạ tầng, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nhu cầu nhà ở và đời sống công nhân, cũng như yêu cầu nâng cao năng lực quản lý nhà nước để bảo đảm phát triển công nghiệp bền vững.

*Bốn là, phát triển ngành kinh tế nông nghiệp xanh và kinh tế biển bền vững*

Mặc dù Đảng bộ và chính quyền tỉnh định hướng phát triển ngành kinh tế nông, lâm ngư nghiệp giảm tỷ trọng trong GRDP, nhưng đây vẫn là ngành sản xuất tạo nguồn sinh kế chủ yếu của người nông dân sống ở khu vực nông thôn đồng bằng và đồng bằng ven biển tỉnh Hưng Yên. Phát triển kinh tế nông nghiệp của Hưng Yên hiện nay đang hướng vào phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, gắn với hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn và tăng cường liên kết theo chuỗi, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và các ngành dịch vụ vận tải, thương mại, tài chính. Sau sáp nhập với tỉnh Thái Bình (tháng 7/2025), tổng diện tích trồng lúa của tỉnh đạt khoảng 175.000 ha, sản lượng lúa trung bình đạt 1,166 triệu tấn/năm, năng suất trung bình hơn 66 tạ/ha, với tiềm năng, lợi thế đó, tỉnh Hưng Yên phấn đấu trở thành trung tâm nông nghiệp hàng đầu của đồng bằng sông Hồng. Phát triển kinh tế nông nghiệp xanh và kinh tế biển bền vững đã tạo ra cơ cấu kinh tế đa dạng, góp phần ổn định xã hội, bảo vệ môi trường.

*Năm là, kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn ở Hưng Yên đang phát triển nhanh*

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, liền kề Thủ đô Hà Nội, là một trong những tỉnh có tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh nhất trong vùng và trên phạm vi cả nước. Tại các khu đô thị Hưng Yên, Thái Bình, Phố Nối, Phố Hiến, Vinhomes, Ecopark, và các đô thị vệ tinh xung quanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, ngành kinh tế du lịch, dịch vụ

phát triển rất nhanh theo định hướng: trở thành ngành kinh tế quan trọng, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng, đa dạng, thân thiện với môi trường, có thương hiệu, mang bản sắc văn hóa của Phố Hiến - Hưng Yên và của vùng Đồng bằng sông Hồng, nhất là du lịch văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, sinh thái, nghỉ dưỡng... đưa Hưng Yên trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, có khả năng cạnh tranh cao. Đồng thời, tỉnh đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công và trong các ngành kinh tế, phát triển kinh tế số gắn với công nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử và dịch vụ thông minh. Song song, các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, du lịch sinh thái ở các khu đô thị lớn, tỉnh Hưng Yên chú trọng phát triển kinh tế biển bền vững, nhất là ở các khu vực đồng bằng ven biển. Đây là xu thế tất yếu, nhưng đòi hỏi năng lực quản trị hiện đại, công nghệ cao và nguồn nhân lực chất lượng tốt để đáp ứng yêu cầu mới của phát triển kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số và tăng trưởng xanh. Sự phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn của tỉnh đến năm 2030 được định hướng: “Phát triển nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực” [11].

### ***2.2.2. Phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên - khái niệm, nội dung, vai trò, đặc điểm***

#### ***2.2.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên***

##### ***\* Khái niệm phát triển***

Phát triển là một phạm trù triết học chỉ tính chất của những biến đổi đang diễn ra trong thế giới. Phát triển là một thuộc tính phổ biến của vật chất. Phát triển là một trong những nguyên lý phổ biến của thế giới khách quan. Mọi sự vật và hiện tượng trên thế giới không tồn tại trong trạng thái bất biến, mà không ngừng vận động trải qua các trạng thái: xuất hiện (sinh), hình thành đầy đủ (thành), biến đổi (di) và diệt vong (diệt). Phạm trù phát triển phản ánh tính chất chung ấy của những biến đổi trong thế giới hiện thực. Nhưng sự vận động, biến

đổi diễn ra trong thế giới hiện thực theo chiều hướng nào? Chúng có lặp lại nguyên vẹn những trạng thái đã trải qua để trở lại điểm xuất phát? Luận án quan niệm: *Phát triển là sự vận động, biến đổi của sự vật, sự việc, hiện tượng trong thế giới hiện thực tuân theo những quy luật khách quan, làm cho các sự vật, sự việc, hiện tượng đó không ngừng biến đổi về lượng và chất, trên cơ sở kế thừa những thuộc tính ưu trội vốn có của các sự vật hiện tượng đó.*

*\*Khái niệm phát triển kinh tế*

Khái niệm “Phát triển kinh tế”, cũng như khái niệm “Tăng trưởng kinh tế” là những khái niệm phổ biến được sử dụng rộng rãi trong các khoa học kinh tế, trong đời sống CT-XH. Khái niệm phát triển kinh tế không chỉ nói về sự thay đổi cơ cấu của nền kinh tế, nói về tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân... của một nền kinh tế cụ thể, mà còn chứa đựng những quan điểm, chủ trương, chính sách của các đảng cầm quyền và các nhà nước hiện đại về những vấn đề kinh tế. Từ điển Bách khoa Việt Nam quan niệm: “PHÁT TRIỂN KINH TẾ” quá trình biến đổi nền kinh tế quốc dân bằng một sự gia tăng sản xuất và nâng cao mức sống của dân cư. Đối với các nước đang phát triển thì phát triển kinh tế là quá trình nền kinh tế chậm phát triển thoát khỏi lạc hậu, đói nghèo, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá; là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự thay đổi cơ cấu kinh tế, thể chế kinh tế, văn hoá, pháp luật, thậm trí về kỹ năng quản lý, phong cách và tập tục” [162]. Khái niệm phát triển kinh tế nói trên đề cập những nội hàm sau: i) Phát triển kinh tế nói chung, cho mọi quốc gia, là quá trình biến đổi nền kinh tế bằng gia tăng sản xuất, dịch vụ và mức sống của dân cư; ii) Đối với những nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thì phát triển kinh tế là quá trình làm cho nền kinh tế thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thông qua thay đổi cơ cấu kinh tế, thể chế kinh tế, quản lý kinh tế; thay đổi pháp luật, văn hoá.

*\* Khái niệm tăng trưởng kinh tế*

Khái niệm “Tăng trưởng kinh tế”, cũng như khái niệm “Phát triển kinh tế”

là khái niệm phổ biến, được sử dụng với tần suất cao trong khoa học kinh tế, chính trị và đời sống xã hội. Từ điển kinh tế học cho rằng tăng trưởng kinh tế là “Sự gia tăng của sản lượng tiềm năng theo thời gian của một nền kinh tế. Khả năng thực sự của nền kinh tế trong việc sản xuất ra nhiều hàng hoá và dịch vụ hơn, phụ thuộc vào: (a) Sự gia tăng số lượng và chất lượng hàng đầu tư của nó (tích lũy vốn). (b) Sự gia tăng số lượng và chất lượng lực lượng lao động của nó. (c) Sự gia tăng số lượng và chất lượng tài nguyên thiên nhiên của nó. (d) Sự sử dụng có hiệu quả đầu vào nhân tố này sao cho tối đa hoá được phần đóng góp của chúng vào quá trình mở rộng sản lượng do năng xuất tăng lên. (e) Phát triển và áp dụng vào sản xuất các kỹ thuật và sản phẩm mới (tiến bộ kỹ thuật)... (f) Mức tổng cầu. Tổng cầu cần đủ cao để bảo đảm sử dụng hết năng lực sản xuất tăng thêm của nền kinh tế” [113, tr488]. Nội hàm khái niệm tăng trưởng kinh tế nhấn mạnh sự gia tăng về lượng và chất của sản xuất hàng hoá, dịch vụ trong nền kinh tế; sự gia tăng tổng sản phẩm trong nước và thu nhập bình quân đầu người cùng với những điều kiện kinh tế kỹ thuật bảo đảm cho sự gia tăng đó. Từ khái niệm tăng trưởng kinh tế, khoa học kinh tế mở rộng và phát triển khái niệm này thành nhiều khái niệm khác như: tăng trưởng cân đối; tăng trưởng kép; tăng trưởng ngoại sinh; tăng trưởng nhờ xuất nhờ xuất khẩu ...

*\* Khái niệm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên*

Từ những luận giải trên, có thể định nghĩa khái niệm *phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên là hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương làm cho kinh tế của tỉnh không ngừng gia tăng sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng xã hội dựa trên cơ sở hiện đại hoá lực lượng sản xuất, nâng cao năng xuất lao động, đổi mới mô hình tăng trưởng bảo đảm cho người dân có thu nhập ngày càng cao, cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc.* Khái niệm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên nói trên thể hiện những nội hàm chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, chủ thể phát triển kinh tế ở tỉnh là Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh, bao gồm tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân, các dân

tộc và tôn giáo, các cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn, (bao gồm cả các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và các cộng đồng người nước ngoài đang làm ăn và sinh sống trên địa bàn tỉnh). Trong các chủ thể tham gia phát triển nền kinh tế của tỉnh nói trên, mỗi tổ chức, mỗi lực lượng trong đó, căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình sẽ có các vai trò cụ thể như: i) Đảng bộ tỉnh là người lãnh đạo phát triển kinh tế, các cơ quan nhà nước giữ vai trò tổ chức, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế và quản lý về mặt nhà nước; các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội, cán bộ, đảng viên, nhân dân làm chủ quá trình phát triển sản xuất dưới sự lãnh đạo của đảng bộ và quản lý của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

*Thứ hai*, đối tượng phát triển kinh tế của tỉnh là xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý; đổi mới mô hình tăng trưởng; gia tăng sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng xã hội.

Trên phạm vi cả nước nói chung, ở các tỉnh, thành phố nói riêng đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bảo đảm nền kinh tế nước ta đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, người dân có thu nhập trung bình cao, phấn đấu đến năm 2045 - dấu mốc 100 năm nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời, phát triển - trở thành nước phát triển, có nền tảng khoa học - công nghệ phát triển hiện đại, năng suất lao động cao và người dân có thu nhập cao. Đại hội của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 chỉ rõ, đến năm 2030, trong cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh, ngành kinh tế nông nghiệp - lâm, ngư nghiệp đạt 8% trong cơ cấu GRDP; ngành kinh tế công nghiệp và xây dựng đạt 60% (GRDP); ngành du lịch, dịch vụ đạt 27,5% (GRDP). Về đầu tư, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước khoảng 1.100.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 47,6% so với GRDP bình quân. Đây là cơ cấu kinh tế hợp lý ở một tỉnh có tất cả các thế mạnh phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, xây dựng; nông nghiệp, ngư nghiệp; du lịch và dịch vụ.

*Thứ ba*, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh là: xây dựng nền kinh tế của tỉnh có thể chế kinh tế ngày càng hoàn thiện, có cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện

đại bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội. Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Hưng Yên khoá I, nhiệm kỳ 2025-2030, chỉ rõ mục tiêu phát triển tổng quát của nền kinh tế tỉnh đến năm 2030 là: “Xây dựng nền kinh tế năng động và phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xã hội hài hoà; bản sắc văn hoá được bảo tồn, phát triển; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh và kinh tế biển mạnh” [5].

#### *2.2.2.2. Nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay*

*Một là, phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bền vững*

Thực hiện tái cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiện đại và bền vững: (1) Theo định hướng trên đây, đến năm 2030, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ trọng 60% trong cơ cấu GRDP; ngành du lịch và dịch vụ tăng lên 27,5%; ngành nông - lâm, ngư nghiệp giảm xuống, còn 8%. Đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế đô thị, kinh tế biển, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các khu vực nông thôn, đô thị và miền biển. Quan điểm chỉ đạo phát triển các ngành kinh tế của tỉnh là “lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính... Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực” [11]. (2) Phát triển cơ cấu đầu tư hợp lý; ưu tiên đầu tư cho những ngành kinh tế trọng điểm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho nền kinh tế của tỉnh đến năm 2030 ước đạt 1,100.000 tỷ đồng [11].

*Hai là, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.*

Các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển ổn định, tồn tại lâu dài và bình đẳng trước pháp luật. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể hợp thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế, kinh tế tư nhân là một động lực phát triển quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương. Tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch; thu hút mạnh

FDI và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao; đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và phát triển ổn định.

*Ba là, phát triển các ngành kinh tế theo hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và năng xuất lao động cao.*

Chú trọng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các ngành kinh tế; thúc đẩy phát triển các ngành mũi nhọn như: sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện; sản xuất máy vi tính, ô tô, xe máy, máy động lực, công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô, phụ tùng máy móc, chế biến thực phẩm; dịch vụ, du lịch và NNCNC tăng cường liên kết ngành và phát triển chuỗi giá trị để tạo động lực lan tỏa trong toàn nền kinh tế. Đảng bộ tỉnh xác định một trong bốn nhóm giải pháp chủ yếu để phát triển KT-XH có tăng trưởng nhanh và bền vững là: “Phát triển nền công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường; (ii) Phát triển nền nông nghiệp sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; (iii) Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao” [11].

*Bốn là, phát triển và hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại.*

Ban hành cơ chế chính sách của tỉnh nhằm thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá hàng hoá, dịch vụ. Cụ thể hoá chính sách tài chính của Nhà nước về đất đai cho phù hợp với điều kiện đô thị hoá nhanh, mạnh ở Hưng Yên hiện nay; thực hiện đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất thông qua các tổ chức thẩm định giá độc lập, chuyên nghiệp, bảo đảm xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường. Thúc đẩy nhanh việc

hình thành đồng bộ các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ, cả thị trường xuất, nhập khẩu ở địa phương, nghiên cứu phát triển những thị trường mới, nhất là thị trường dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ cao; phát triển đồng bộ thị trường tài chính; thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước ở địa phương và quản lý nợ công...

Phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ và hiện đại. Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, dịch vụ, logistics, hạ tầng số và hạ tầng nông thôn; bảo đảm tính liên thông, kết nối vùng. Hình thành các trung tâm kinh tế động lực như: phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế; khu du lịch, khu đô thị hiện đại; qua đó tạo nền tảng vật chất và không gian phát triển cho kinh tế của tỉnh. “phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng số và hệ thống giao thông” [11].

*Năm là, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội hoàn thiện chính sách lao động, việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống thực tế của người dân.*

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát huy lợi thế so sánh, năng lực cạnh tranh, đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, xây dựng các yếu tố nền tảng đưa Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ và các ngành sản xuất lắp ráp, gia công, sang mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào phát triển các ngành sản xuất hàng hoá, dịch vụ sử dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, tiêu thụ năng lượng thấp và tạo ra giá trị gia tăng lớn, năng xuất lao động cao: “chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số” [11].

Tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm tạo giá trị gia tăng lớn cho nền kinh tế, cuối cùng phải hướng tới mục tiêu nâng cao mức

sống thực tế của người dân. Do vậy, đồng thời với thúc đẩy tăng trưởng phải thực hiện tốt hiện tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động. Chăm lo đào tạo nghề cho người lao động, thực hiện ưu đãi về thuế, đất đai cho đào tạo nghề; khắc phục bất hợp lý về tiền công, tiền lương, trợ cấp xã hội phù hợp điều kiện kinh tế của địa phương, gắn tiền lương với hiệu quả sản xuất, kinh doanh; cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong các đơn vị kinh tế có sử dụng người lao động.

### *2.2.2.3. Biện pháp phát triển kinh tế*

*Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương, các tổ chức của hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội tích cực tham gia phát triển kinh tế của tỉnh.*

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên và lâu dài của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Để phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh phải ra sức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các tổ chức trong HTCT tỉnh, các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội và mỗi người dân nhận thức rất rõ về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ và của Tỉnh uỷ về nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương, để từ đó mỗi tổ chức làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; mỗi thành phần kinh tế, lực lượng xã hội và người dân phát huy hết sức mạnh của tổ chức mình đóng góp cho sự phát triển chung.

*Hai là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh*

Trên phạm vi cả nước, Đảng ta xác định tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Với tinh thần đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên vận dụng sáng tạo và cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể chế kinh tế thị

trường định hướng XHCN cho phù hợp điều kiện cụ thể của địa phương. Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách kinh tế tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn như: chính sách ưu đãi về thuế, vốn, cho thuê đất, khai thác tài nguyên để thu hút các nhà đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm của tỉnh, nhất là các ngành sản xuất có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng lớn, năng xuất lao động cao, ít gây tác hại môi trường và tiêu thụ năng lượng thấp. Báo cáo chính trị của Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ nhất chỉ rõ, chính quyền tỉnh phải: “tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ và triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch; tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế” [11].

*Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế*

Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về kinh tế là nhiệm vụ chiến lược để phát triển KT-XH ở các địa phương. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đổi mới giáo dục nghề nghiệp; thu hút nhân lực trong các lĩnh vực then chốt như công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, du lịch, NNCNC. Đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng những cán bộ, công chức có tri thức, năng lực quản trị vào các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị kinh tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách, xây dựng chính quyền số và tăng cường hiệu quả thực thi chính sách phát triển kinh tế. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định một trong ba đột phá chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh là: “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh.” [11].

*Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư*

Phát huy những lợi thế của chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính công ở cấp tỉnh và cấp xã; rà soát, sửa đổi, bổ sung những thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, bảo đảm thông thoáng, tiện lợi phục doanh nghiệp và người dân; ứng dụng mạnh mẽ số hoá nền hành chính.

Cùng với đẩy mạnh cải cách hành chính, phải nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư của nền kinh tế. Thực hiện minh bạch thông tin về cơ chế, chính sách của địa phương, ngăn chặn độc quyền nhà nước; kiểm soát, ngăn chặn, xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường vào những ngành, lĩnh vực sản xuất và địa bàn đạt hiệu quả cao, có sức lan toả lớn. Ban hành các chính sách bảo vệ nhà đầu tư, bảo vệ quyền sở hữu và quyền tài sản; không hình sự hoá các mối quan hệ kinh tế và dân sự.

*Năm là, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh*

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện đại là đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế tỉnh Hưng Yên đang chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển ngành kinh tế công nghiệp, xây dựng dựa trên công nghệ cao, hiện đại; ngành du lịch, dịch vụ có tính kết nối cao với các tỉnh, thành phố trong vùng, với cả nước và quốc tế; ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thuỷ hải sản xanh, bền vững. Các khu công nghiệp được đầu tư xây dựng nhanh, đồng bộ và có sự kết nối giữa hạ tầng điện, cấp thoát nước, giao thông, dịch vụ tài chính, ngân hàng, hải quan với hạ tầng thông tin, hạ tầng số hoá; hạ tầng sinh hoạt và giải trí cho người lao động. Để phát triển kinh tế ở địa phương với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể thiếu những hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thiết yếu nói trên.

*Sáu là, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương, các tổ chức của HTCT, các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội tích cực tham gia phát triển kinh tế của tỉnh*

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên và lâu dài của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Để phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh phải ra sức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các tổ chức trong HTCT tỉnh, các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội và mỗi người dân nhận thức rất rõ về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của của Đại hội đại biểu Đảng bộ và của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương, để từ đó mỗi tổ chức làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; mỗi thành phần kinh tế, lực lượng xã hội và người dân phát huy hết sức mạnh của tổ chức mình đóng góp cho sự phát triển chung.

#### *2.2.2.4. Vai trò phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên*

*Một là, phát triển kinh tế là cơ sở quan trọng để khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ*

Kinh tế phát triển nhanh, bền vững tạo nền tảng vững chắc để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền tỉnh, góp phần xây dựng HTCT vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng trưởng kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất dồi dào cho phép Tỉnh ủy ban hành và triển khai các nghị quyết chuyên đề về phát triển KT-XH, xây dựng Đảng, cải cách hành chính, tư pháp, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh và phát triển nông nghiệp xanh, công nghệ cao, hiện đại. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững là tiền đề để nâng cao mức sống của nhân dân, là minh chứng sống động nhất khẳng định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với các lĩnh vực đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực KT-XH, càng được khẳng định và cụ thể hóa thành các mục tiêu, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế về mặt nhà nước để tổ chức thực hiện đem lại hiệu quả thiết thực trong thực tiễn.

*Hai là, phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất quan trọng để đầu tư phát triển các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội địa phương*

Tăng trưởng kinh tế làm gia tăng nguồn thu ngân sách, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của tỉnh, giảm dần sự phụ thuộc vào hỗ trợ từ Trung ương. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất xác định: “Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030: Khoảng 65.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa khoảng 57.000 tỷ đồng” [11]. Đây là cơ sở để tỉnh đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, điện, nước, công nghệ thông tin, cũng như đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và phúc lợi xã hội. Những lĩnh vực này có ý nghĩa nền tảng, tác động lâu dài đến năng lực cạnh tranh và tốc độ phát triển của tỉnh. Trong bối cảnh địa giới hành chính mở rộng, nhu cầu đầu tư hạ tầng nhằm kết nối các vùng, tái cấu trúc không gian phát triển càng trở nên cấp thiết, đòi hỏi nền kinh tế phải phát triển mạnh để đáp ứng. Phát triển kinh tế là tiền đề vật chất quan trọng nhất để thực hiện các chính sách phát triển văn hoá - giáo dục, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Đảng bộ tỉnh đặt mục tiêu: “Đến năm 2030, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,79; tuổi thọ bình quân đạt 76,8 năm; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40,5%. 95% trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó trường công lập đạt 100%. Đến năm 2030: Đạt tỷ lệ trên 15 bác sĩ và trên 43 giường bệnh/1 vạn dân” [.....]

*Ba là, phát triển kinh tế thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Phát triển kinh tế đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thúc đẩy sự hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thu hút các dòng vốn đầu tư từ trong nước và nước ngoài để hình thành các trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ, trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ; xây dựng các khu công nghệ thông tin, cụm công nghiệp liên kết. Mở rộng của các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, gắn với phát triển kinh tế đô thị: khuyến khích phát triển dịch vụ cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như cung cấp lương thực, thực phẩm cho công nghiệp chế biến; dịch vụ đào tạo, chăm sóc

sức khoẻ. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại; đẩy mạnh đầu tư các khu đô thị, trường đại học, du lịch sinh thái.

Cùng với quá trình đô thị hóa nhanh đã tạo ra nhiều việc làm mới với giá trị gia tăng cao đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, nâng cao năng suất lao động xã hội. Quá trình chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế sản xuất bằng công nghệ hiện đại, trên nền tảng số đã thúc đẩy công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Từ nhu cầu thực tiễn phải có việc làm trong môi trường sản xuất công nghệ cao, buộc người lao động phải nỗ lực học tập nâng cao tri thức, kỹ năng lao động, ý thức kỷ luật để được tuyển dụng đã trực tiếp góp phần hình thành đội ngũ những người lao động công nghiệp hiện đại. Đây là tiền đề để tỉnh Hưng Yên tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và quốc tế.

*Bốn là, phát triển kinh tế góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị*

Phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất, kỹ thuật, tri thức, kỹ năng lao động trong môi trường công nghiệp hiện đại đã trực tiếp góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng - an ninh, bảo đảm khả năng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh con người. Đối với tỉnh Hưng Yên - tỉnh nằm ở trung tâm của vùng đồng bằng Bắc Bộ có vị trí chiến lược kết nối nhiều địa phương với Thủ đô Hà Nội - việc giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội luôn là yêu cầu đặc biệt quan trọng. Kinh tế phát triển tạo ra nhiều việc làm, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội... Từ đó hạn chế các nguy cơ gây mất ổn định xã hội, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường: “Tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo đảm yêu cầu chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội được tăng cường” [11].

*Năm là, phát triển kinh tế tạo điều kiện để mở rộng hợp tác, liên kết vùng, thu hút đầu tư, nâng cao vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước*

Với vai trò là trung tâm liên kết vùng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô, phát triển kinh tế giúp Hưng Yên mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và thương mại; đồng thời nâng cao sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nền kinh tế năng động, có hạ tầng tốt và nguồn nhân lực chất lượng cao đã và sẽ tiếp tục thu hút nhiều dự án đầu tư FDI, tạo hệ sinh thái kinh doanh cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tỉnh phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, ngành kinh tế mũi nhọn, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển theo xu thế của thời đại.

### **2.3. Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế – khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò**

#### **2.3.1. Khái niệm Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế**

Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ (Nguyễn Hoàng Phê chủ biên) xuất bản năm 1995, giải thích: “*lãnh đạo là đề ra chủ trương đường lối và tổ chức động viên thực hiện*”. Theo cách giải thích về khái niệm “lãnh đạo” trên đây thì lãnh đạo là một quá trình gồm hai khâu chính: *Một là*, xác định quan điểm, chủ trương, đường lối, nghĩa là xác định các nội dung, nhiệm vụ, yêu cầu và mục tiêu của việc cần làm trong một thời kỳ hay một giai đoạn cụ thể; xác định các nguyên tắc, biện pháp tiến hành để định hướng đối tượng lãnh đạo hành động theo quan điểm, đường lối đã xác định. *Hai là*, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối đã xác định. Đây là khâu có tính quyết định hiệu lực và hiệu quả của sự lãnh đạo nhằm thực hiện mục tiêu đề ra.

Trong thực tế hoạt động cách mạng, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã luận bàn khá nhiều về khái niệm lãnh đạo. Trong cuốn sách “Sửa đổi lối làm việc” viết năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành hẳn một chương để bàn về cách lãnh đạo. Theo

Người, lãnh đạo đúng là một quá trình công tác gồm các khâu gắn bó chặt chẽ với nhau, người viết: “*Lãnh đạo đúng nghĩa là: 1. Quyết định mọi vấn đề một cách đúng...; 2. Tổ chức thực hiện cho đúng...; Tổ chức kiểm soát...*” [102, tr.285]. Với tư là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Nhà nước và xã hội. Vì vậy, sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền có sự khác biệt với hoạt động quản lý của Nhà nước, đối tượng lãnh đạo của Đảng.

V.I.Lênin, khi phê phán cách lãnh đạo ôm đồm, thiếu khoa học của một số cán bộ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Nga đã nêu rõ cần phải phân định giữa lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ mà lãnh đạo đề ra, Người viết: “Không nên tự mình làm tất cả, làm quá sức mà vẫn không kịp, làm một lúc hàng hai chục việc mà không việc nào ra trò”, bởi vì “Những người cộng sản ở nước ta chưa hiểu rõ nhiệm vụ lãnh đạo của mình là như thế nào” [89, tr.293]. Người cũng rất đúng khi chỉ ra rằng người lãnh đạo phải phân định rõ giữa nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Nga - nhiệm vụ của người lãnh đạo, với nhiệm vụ của Chính quyền xô - viết, đối tượng lãnh đạo, trong mối quan hệ giữa Đảng và Chính quyền.

Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế là tổng thể các hoạt động của tỉnh uỷ tác động có định hướng, có mục đích vào HTCT và xã hội, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế trên địa bàn. Tỉnh uỷ là cơ quan đề ra quan điểm, chủ trương, nghị quyết về lãnh đạo phát triển kinh tế, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc triển khai và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết đó. Xét về bản chất, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế là quá trình tiến hành các hoạt động chính trị, tư tưởng, tổ chức để tác động, định hướng, nêu gương dẫn dắt các tổ chức, các lực lượng xã hội ở địa phương có vai trò, trách nhiệm phát triển kinh tế trên địa bàn. Xét về nội dung, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế là quá trình Tỉnh uỷ xác định nội dung, phương thức lãnh đạo đối với lĩnh vực này sao cho có hiệu quả nhất. Từ những luận giải trên đây, có thể định nghĩa: *Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế là tổng thể các hoạt động của Tỉnh uỷ trong việc đề ra chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc và các tổ chức*

*của HTCT, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết và KTGS việc thực hiện bảo đảm cho kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững gắn với tiến bộ, công bằng xã hội..* Khái niệm trên đây về Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thể hiện những nội dung chính sau:

*Một là*, chủ thể lãnh đạo phát triển kinh tế ở tỉnh là Tỉnh ủy, thường xuyên và trực tiếp là BTV Tỉnh ủy. Tỉnh uỷ lãnh đạo Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ, nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về nhiệm vụ phát triển KT-XH ở tỉnh.

*Hai là*, đối tượng lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh uỷ là các đảng bộ và tổ chức đảng trực thuộc; các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh; các tổ chức khác trong HTCT; cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân địa phương; các đơn vị sự nghiệp, thành phần kinh tế và lực lượng xã hội khác có liên quan. Ngoài ra, còn các lực lượng chuyên môn, chuyên trách tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển KT-XH ở địa phương.

*Ba là*, mục tiêu lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh uỷ là làm cho nền kinh tế của tỉnh luôn tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân trên cơ sở hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng xuất lao động ở tất cả các ngành kinh tế. Khu vực đô thị và nông thôn đều có hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đáp ứng tốt yêu cầu phát triển KT-XH bền vững; môi trường tự nhiên và môi trường xã hội xanh, sạch, lành mạnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự.

### ***2.3.2. Nội dung Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế***

Đến nay đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực trọng yếu, trong đó đáng chú nhất là đề tài khoa học cấp Nhà nước: “*Đặc điểm, nội dung, phương thức*

*lãnh đạo của Đảng trong một số lĩnh vực trọng yếu*”, đề tài đã được nghiệm thu và in thành sách với nhan đề: *Sự lãnh đạo của Đảng trong một số lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội nước ta*. Các tác giả của công trình nghiên cứu nói trên đã đưa ra quan niệm về nội dung lãnh đạo của Đảng đối với một số lĩnh vực trọng yếu như lĩnh vực công tác tư tưởng, lý luận; lĩnh vực kinh tế; lĩnh vực văn học - nghệ thuật...: Đối với lĩnh vực kinh tế, nội dung lãnh đạo của Đảng được xác định: Đảng “Xây dựng chiến lược phát triển KT-XH của đất nước; Đảng quyết định đường lối và những chủ trương lớn về kinh tế; Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước vững mạnh đủ sức quản lý có hiệu quả nền kinh tế quốc dân; lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và lao động có tay nghề cao” [92, tr.130-140]. Đối với lĩnh vực văn học nghệ thuật, nội dung lãnh đạo được xác định: “Giữ vững định hướng tư tưởng cho hoạt động sáng tác và cảm thụ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo, phổ biến và tiếp nhận các sản phẩm; Tạo sự gắn bó giữa văn nghệ sĩ, công chúng và các cơ quan quản lý văn học, nghệ thuật; Chăm sóc tài năng văn học, nghệ thuật; Đánh giá đúng, khách quan các tác phẩm văn học - nghệ thuật” [92, tr.207-214]. Theo những nghiên cứu trên đây, đối với mỗi lĩnh vực đời sống xã hội cụ thể, nội dung lãnh đạo của Đảng có sự khác biệt nhất định, xuất phát từ đặc điểm của lĩnh vực cần lãnh đạo. Từ những luận giải nói trên, có thể quan niệm *nội dung lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên là những công việc Tỉnh ủy phải làm để nền kinh tế của tỉnh phát triển đạt được mục tiêu đề ra*. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy và nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên qua các giai đoạn, có thể xác định những nội dung lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên giai đoạn hiện nay và những năm sắp tới như sau:

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh*

Tỉnh ủy quán triệt và thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh về phát

triển kinh tế địa phương để xây dựng, ban hành nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế. Nội dung nghị quyết lãnh đạo phải làm rõ: quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo thực hiện các nội dung phát triển kinh tế. Theo đó, nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh uỷ phải xác định rõ quan điểm, mục tiêu chung và các chỉ tiêu cần đạt được trong phát triển kinh tế; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung, biện pháp phát triển kinh tế. Chỉ rõ định hướng phát triển và hoàn thiện thể chế kinh tế và cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, hiệu quả. Khẳng định những nhóm ngành kinh tế cần có chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển như: sản xuất chip, thiết kế vi mạch, lắp ráp điện tử, sản xuất máy tính, ô tô, xe máy, thiết bị thông tin, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và các ngành dịch vụ sử dụng công nghệ cao...; khuyến khích thu hút các ngành sản xuất tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hạn chế đầu tư các ngành, nghề sản xuất kinh doanh công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Chú trọng ban hành chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư có dự án đầu tư cấp thiết đối với nền kinh tế của tỉnh; khuyến khích hình thức đầu tư trực tiếp FDI, hạn chế hình thức đầu tư tài chính vào các ngành, nghề đầu tư có điều kiện.

*Hai là, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế*

Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc, mà thường xuyên và trực tiếp là các cấp uỷ, BTV cấp uỷ, chi bộ đảng quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế. Các cấp uỷ, BTV cấp uỷ cấp dưới trên cơ sở quán triệt nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế, ban hành chủ trương, nghị quyết lãnh đạo của cấp mình đối với chính quyền cùng cấp và lãnh đạo, cơ quan đơn vị thuộc quyền thực hiện. Trước hết, các cấp uỷ, BTV cấp uỷ HĐND và UBND tỉnh, lãnh đạo các cơ quan chính quyền, căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể hoá nghị quyết của Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ thành nghị quyết của HĐND; thành

chương trình, kế hoạch, các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế của UBND tỉnh để thực hiện. Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp uỷ trực thuộc khác, nhất là các cấp uỷ xã, phường tổ chức thực hiện nghị quyết phát triển kinh tế của Tỉnh uỷ ở cơ sở.

*Ba là, Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động*

*Thứ nhất*, để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế ở địa phương, Tỉnh uỷ lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế thành nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch của chính quyền để thực hiện. Trong đó, chính quyền tỉnh phải ban hành các cơ chế, chính sách cho từng nội dung phát triển kinh tế cụ thể, nhất là chính sách ưu đãi thu hút đầu tư những ngành, nghề sản xuất bằng công nghệ cao, sản xuất xanh, sạch, ít gây ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; chính sách về thuế, phí, thuê đất và sử dụng đất; chính sách về bảo vệ tài nguyên, môi trường ở tỉnh; ban hành cơ chế về giá, về đấu thầu các hạng mục công trình, các chương trình phát triển...

*Thứ hai*, lãnh đạo UBND tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐND về phát triển kinh tế; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn của UBND cùng với nhà đầu tư, tổ chức thực hiện các khâu, các bước của quá trình phát triển sản xuất như: cấp phép đầu tư, tổ chức thành lập tổ chức kinh tế, xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, mua sắm máy móc, thiết bị... và tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh. Đồng thời, UBND tỉnh, trực tiếp là các sở, ngành chuyên môn, thực hiện quản lý nhà nước các hoạt động kinh tế trên địa bàn tỉnh.

*Thứ ba*, lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong các cơ quan chính quyền, nhất là chính quyền cấp tỉnh, cấp chính quyền có thẩm quyền lớn trong ban hành cơ chế, chính sách kinh tế ở địa phương; có thẩm quyền quyết định những vấn đề về thu hút đầu tư, về tổ chức sản xuất kinh

doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế. Cải cách hành chính là một trong những giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

*Bốn là*, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh.

Tỉnh uỷ muốn lãnh đạo phát triển kinh tế thành công, thì Tỉnh uỷ trước hết phải xây dựng được tổ chức bộ máy chính quyền cùng cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu xây dựng và quản lý nền kinh tế, bởi vậy, Tỉnh uỷ phải tập trung lãnh đạo:

(1) Kiện toàn, củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND và HĐND tỉnh. Lãnh đạo xây dựng chính quyền tỉnh thực sự vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả để làm tốt các chức năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế và quản lý nhà nước về các hoạt động kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Đây được xem là nội dung lãnh đạo có ý nghĩa quyết định trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế.

(2) Chỉ đạo xây dựng các sở, ban, ngành của HĐND, UBND trực tiếp tham mưu, quản lý các hoạt động kinh tế có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế của Thành phố. Các, sở ngành của UBND tỉnh có vai trò hết sức quan trọng trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển kinh tế ở địa phương như: tham mưu xây dựng văn bản quản lý; xây dựng cơ chế, chính sách kinh tế ở địa phương; thực hiện quản lý nhà nước theo chuyên ngành kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ, cũng như những nhiệm vụ được theo yêu cầu. Chính vì vậy, thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các sở ngành là nội dung lãnh đạo quan trọng của Tỉnh uỷ đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế.

(3) Chỉ đạo các cơ quan chính quyền tỉnh đẩy mạnh cải cách hành chính trong phát triển kinh tế nhằm tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi cho phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Thực tế cho thấy, nếu chỉ kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền tỉnh gọn là chưa đủ, mà phải có cơ chế vận hành tổ chức bộ máy tốt, thì bộ máy mới phát huy được hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế đó chính là xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

(4) Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và đội ngũ công chức chính quyền có đủ phẩm chất, năng lực, kỹ năng công tác trên lĩnh vực kinh tế. Để có đội ngũ cán bộ, công chức và các cơ quan chuyên trách có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện các chương trình phát triển kinh tế và quản lý nhà nước về hoạt động kinh tế, thì Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ phải quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn chọn, sử dụng đội cán bộ đúng đắn. Công tác tạo nguồn, lựa chọn nguồn để sử dụng cần xem xét trên hai phương diện vừa có kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, vừa có phẩm chất đạo đức, lối sống phù hợp công việc của người cán bộ, công chức làm công tác quản lý kinh tế. Cán bộ quản lý kinh tế phải là những người yêu nghề, tận tụy với công việc, có năng lực chuyên môn sâu, am hiểu pháp luật trong nước và quốc tế về lĩnh vực đảm nhiệm theo chức trách, nhiệm vụ phân công.

(5) Chú trọng lãnh đạo phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề nhằm cung cấp cho nền kinh tế của tỉnh nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ hiện đại, dựa trên số hoá, tự động hoá. Đội ngũ kỹ sư công nghệ, cử nhân tài chính, thương mại đủ sức làm việc trong môi trường quốc tế cạnh tranh và làm chủ các công cụ sản xuất tinh vi, hiện đại không ngừng được cải tiến, đổi mới.

*Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế ở địa phương*

MTTQ Việt Nam là nơi tập hợp, đoàn kết các lực lượng xã hội thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu xây dựng Tổ quốc giàu mạnh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH không chỉ là lực lượng xã hội quan trọng tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, mà còn thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế. Vì vậy, Tỉnh ủy, một mặt lãnh đạo MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, mặt khác, Tỉnh ủy lãnh đạo MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH phối hợp chặt chẽ với chính quyền tỉnh, với các tổ chức kinh tế, các lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, các đơn vị sự nghiệp trong phát triển kinh tế.

*Sáu là, Tỉnh ủy lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế*

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ chính trị trung tâm, hết sức quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Song lãnh đạo phát triển kinh tế luôn luôn là nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp của Tỉnh ủy, liên quan đến toàn bộ hoạt động của HTCT, các tổ chức và lực lượng xã hội và sinh kế của mỗi người dân. Mỗi chủ trương, quyết sách lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy đều liên quan trực tiếp, hoặc gián tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp, thu nhập của người dân, môi trường đầu tư phát triển và môi sinh của cộng đồng dân cư... Do vậy, Tỉnh ủy phải chú trọng lãnh đạo các chủ thể tham gia phát triển kinh tế địa phương thường xuyên sơ kết, tổng kết công tác của tổ chức mình trong tham gia phát triển kinh tế, thực hiện chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy. Qua tổng kết, các chủ thể tham gia phát triển kinh tế rút ra những kinh nghiệm quý, những điển hình tốt để phát huy và nhân rộng; thấy được những hạn chế, yếu kém để khắc phục, tránh lặp lại sai lầm, khuyết điểm. Về phía Tỉnh ủy, qua lãnh đạo công tác tổng kết phát triển

kinh tế, rút ra được những kinh nghiệm có tính phổ biến, nâng thành lý luận lãnh đạo chỉ đạo công tác xây dựng kinh tế địa phương.

### ***2.3.3. Phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế***

Cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở nước ta hiện nay khẳng định: Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội “bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, KTGS và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của HTCT” [12, tr.88-89]. Trên tinh thần đó, sách “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng”, do Trần Đình Nghiêm chủ biên, cũng cho rằng: “Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác... mà Đảng sử dụng nhằm làm cho đường lối chủ trương, chính sách của Đảng được thực hiện có hiệu quả cao nhất trong cuộc sống”.

Phương thức lãnh đạo và nội dung lãnh đạo của Đảng có quan hệ mật thiết với nhau, khi đã xác định được nội dung lãnh đạo đúng thì cần phải tìm ra phương thức lãnh đạo phù hợp mới có thể làm cho nội dung lãnh đạo được thực hiện tốt trong thực tiễn. Trong thực tế, giữa nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo không có sự phân biệt rạch ròi, sự khác nhau giữa chúng chỉ là tương đối. Tuy nhiên, chúng ta cần làm rõ sự khác nhau giữa nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo để có giải pháp tác động phù hợp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Thực tế đã chứng minh: khi có đường lối đúng, có tổ chức hợp lý mà không có phương thức lãnh đạo phù hợp thì hiệu quả lãnh đạo thấp, thậm chí còn làm vô hiệu hóa cả chủ trương đúng của Đảng và của các cấp ủy Đảng.

Từ những vấn đề nêu trên có thể quan niệm: *Phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế là tổng thể các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà Tỉnh ủy sử dụng để tác động vào HTCT, nhất là các tổ chức đảng, chính quyền, tác động vào các ngành, các cấp, các lực lượng xã hội ở địa phương nhằm thực hiện tốt nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.*

Khái niệm trên cho thấy, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn*

Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng chủ trương, nghị quyết và những định hướng lớn về HTCT, các tổ chức kinh tế, các lực lượng xã hội thực hiện là phương thức lãnh đạo phổ biến, quan trọng nhất của Tỉnh ủy. Trên cơ sở những chủ trương, nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ, nghị quyết của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về những vấn đề trọng tâm về phát triển kinh tế trước khi đưa ra HĐND tỉnh bàn bạc, thảo luận ra nghị quyết thực hiện. Đồng thời, cho ý kiến về hoạt động của UBND Thành phố và các sở, ngành của UBND liên quan đến phát triển kinh tế để các cơ quan này hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế được thực hiện thắng lợi ở địa phương. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề phức tạp về phát triển kinh tế, Thường trực Tỉnh ủy sẽ cho ý kiến định hướng giải quyết trước khi HĐND Thành phố xem xét, quyết định và UBND Thành phố thực hiện.

*Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của HTCT, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế*

Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức và lực lượng xã hội, cán bộ đảng viên và nhân dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng là một trong những phương thức lãnh đạo phổ biến, gắn liền với hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng từ khi ra đời đến nay. Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ chính trị trung tâm của Tỉnh ủy. Sau khi Tỉnh ủy ban hành chủ trương, nghị quyết lãnh đạo đúng, thì việc trước tiên Tỉnh ủy cần phải làm là tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức của HTCT, các lực lượng xã hội và nhân dân thấy rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển kinh tế, nắm vững những quan điểm, chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế ở địa phương để nhân dân đồng tình ủng hộ và ra sức tham gia thực hiện các chủ trương, nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh ủy. Mặt khác, thông qua công tác tư tưởng của đảng bộ, Tỉnh ủy tiến hành tổng kết thực tiễn, góp phần phát triển và hoàn thiện lý luận về phát triển KT-XH ở địa phương, cung cấp những căn cứ khoa học và thông tin, tư liệu khách quan phục vụ quá trình lãnh đạo của Tỉnh ủy trên lĩnh vực kinh tế. Xét đến cùng, sự nghiệp phát triển KT-XH của Tỉnh là sự nghiệp của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, thường xuyên và trực tiếp là Tỉnh ủy và BTV Tỉnh ủy.

*Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ.*

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ là một phương thức lãnh đạo phổ biến và rất quan trọng của Đảng. Thông qua công tác tổ chức, Tỉnh ủy chăm lo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp ủy đảng trực thuộc, của HĐND và UBND tỉnh, của các cơ quan quản lý đơn vị kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy của chính quyền cùng cấp, nhờ đó mà thực hiện các nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế.

Thông qua công tác cán bộ, Tỉnh ủy đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí những cán bộ có phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, giàu kinh nghiệm công tác quản lý nhà nước về kinh tế, quản trị doanh nghiệp bố trí vào các cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế, các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ trực tiếp tham gia phát triển kinh tế. Bằng cách đó, Tỉnh ủy lãnh đạo HTCT, các tổ chức kinh tế, các đơn vị sự nghiệp công lập, các lực lượng xã hội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế ở địa phương.

*Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên*

Đảng lãnh đạo Nhà nước và các lĩnh vực đời sống xã hội bằng các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức và lực lượng xã hội là phương thức lãnh đạo được rút ra từ thực tiễn cách mạng phong phú của Đảng ta. Phương thức lãnh đạo này chỉ ra rằng, để lãnh đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy phải chăm lo xây dựng các tổ chức đảng - các cấp ủy, chi bộ đảng hoạt động trong các cơ quan nhà nước, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế; các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và các lực lượng trong tỉnh để thông qua các tổ chức đảng này, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, nội dung phát triển kinh tế. Đồng thời, để lãnh đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các tổ chức nói trên để tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân và gương mẫu chấp hành chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế. Trên thực tế, tất cả những vị trí quan trọng trong các cơ quan chính quyền, đoàn thể, của các tổ chức KT-XH, từ cấp Tỉnh đến cấp cơ sở, đều do đảng viên của đảng bộ nắm giữ. Những đảng viên này lại chịu sự quản lý, giáo dục trực tiếp của các tổ chức đảng được lập ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức CT-XH, các tổ chức kinh tế và lực lượng xã hội khác. Vì vậy, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên hoạt động trên lĩnh vực KT-XH, cụ thể

là nhiệm vụ phát triển kinh tế, tự nó đã làm nên sức mạnh lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế trên địa bàn Tỉnh.

*Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng KTGS các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy*

Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng KTGS các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, nghị quyết lãnh đạo của Tỉnh ủy là phương thức lãnh đạo rất quan trọng, hiệu lực và hiệu quả. Từ rất sớm Đảng ta đã khẳng định: “Lãnh đạo mà không KTGS thì coi như không có lãnh đạo”. Tỉnh ủy KTGS các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế dưới nhiều hình thức khác nhau, có thể thực hiện KTGS theo chương trình, kế hoạch; KTGS thường xuyên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát theo chuyên đề. Thông qua KTGS các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết lãnh đạo của Đảng, Tỉnh ủy phát hiện những nhân tố mới trong lãnh đạo phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho những nhân tố đó phát triển, đồng thời uốn nắn, ngăn ngừa những lệch lạc, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đảm bảo cho nghị quyết của Tỉnh ủy được thực hiện thắng lợi trong thực tiễn.

#### ***2.3.4. Vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong phát triển kinh tế***

Hưng Yên nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, trung tâm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, do đó sự phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên không chỉ có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhân dân trong tỉnh, mà còn có vai trò lan toả ảnh hưởng, kết nối vùng và thúc đẩy các tỉnh, thành phố khác trong khu vực cùng phát triển. Sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế của tỉnh giữ vai trò quyết định thắng lợi, được thể hiện trên những điểm chính sau đây:

*Một là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố quyết định nền kinh tế của tỉnh phát triển theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt chất lượng, hiệu quả.*

Tỉnh ủy lãnh đạo giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng đối với toàn bộ nội dung phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, bảo đảm sự phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Theo đó, Tỉnh ủy lãnh đạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng bền vững với tiến bộ và công bằng xã hội trong mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh. Tỉnh ủy lãnh đạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích giữa nhà nước (do chính quyền tỉnh đại diện) với doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với người lao động; giữa khu vực đô thị và nông thôn... trong quá trình phát triển kinh tế. Tỉnh ủy lãnh đạo bảo đảm sự hài hòa xã hội, hướng đến xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành địa phương có đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội văn minh, hiện đại, sạch, đẹp mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

*Hai là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy bảo đảm những nội dung phát triển kinh tế của tỉnh đạt được mục tiêu đề ra*

Có thể nói không có lĩnh vực hoạt động nào lại rộng lớn, phức tạp và liên quan đến tất cả các lực xã hội và người dân như lĩnh vực phát triển kinh tế ở địa phương. Để những nội dung phát triển kinh tế của tỉnh diễn ra thuận lợi, đạt mục tiêu đặt ra, phải tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc, bảo đảm phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, không gây xáo trộn xã hội, không phát sinh những điểm nóng chính trị.

Về những nội dung phát triển kinh tế, trước hết, Tỉnh ủy lãnh đạo hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở địa phương: i) Hoàn thiện thể chế đi trước một bước tạo cơ sở chính trị, pháp lý cho thu hút đầu tư, kinh doanh sản xuất phát triển; ii) Tỉnh ủy lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế; chuyển dịch cơ cấu đầu tư phát triển. Tỉnh ủy lãnh đạo bảo đảm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo đúng hướng hợp lý, hiện đại: ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP, đứng thứ hai là ngành kinh tế du lịch và dịch vụ; đứng sau cùng là ngành kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phải hướng đến các ngành kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm môi trường; phát triển nền nông nghiệp xanh, kinh tế biển bền vững. Toàn bộ nền kinh tế của tỉnh được phát triển dựa trên hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, nguồn nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu phát triển. Toàn bộ những vấn đề rộng lớn, phức tạp nói trên phải được Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ.

*Ba là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế*

Phát triển kinh tế không phải là việc riêng của Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh, mà là nhiệm vụ của toàn bộ HTCT tỉnh, của các tổ chức kinh tế, các lực lượng xã hội và nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, với vai trò người lãnh đạo phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, chỉ có Tỉnh ủy mới có đủ uy tín, sức mạnh, thẩm quyền tập hợp, đoàn kết, dẫn dắt, lãnh đạo tất cả các tổ chức và lực lượng xã hội thành một khối đoàn kết, thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau hướng vào mục tiêu chung: phát triển nền kinh tế của tỉnh Hưng yên có tăng trưởng bền vững, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, nhân dân có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Tỉnh ủy bảo đảm cho mỗi tổ chức và lực lượng thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của tổ chức của mình, theo đó: chính quyền tỉnh làm tốt chức năng tổ chức thực hiện các nội dung phát triển kinh tế và quản lý nhà nước về hoạt động phát triển kinh tế; MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH làm tốt chức năng tuyên truyền, vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, đồng thời làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức ở địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế; các tổ chức kinh tế, nhà đầu tư, quản trị doanh nghiệp làm tốt vai trò sản xuất kinh doanh theo pháp luật.

Các lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan bảo vệ pháp luật giữ gìn, bảo vệ môi trường đầu tư, kinh doanh an ninh, an toàn, tuân theo pháp luật.

*Bốn là, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ là nhân tố bảo đảm phát triển kinh tế của tỉnh gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh và giữ vững ổn định chính trị*

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, ở cửa ngõ phía đông và đông nam của Thủ đô, đồng thời là phen dậu của trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá - xã hội quốc gia. Do đó, Hưng Yên có vị trí hết sức quan trọng về an ninh quốc phòng. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng là đòi hỏi khách quan của đất nước nói chung, của Hưng Yên nói riêng. Sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế của tỉnh là nhân tố quyết định bảo đảm phát triển kinh tế luôn gắn chặt với nhiệm vụ quốc phòng an ninh và giữ vững ổn định chính trị. Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương phải giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: i) Phát triển kinh tế phải mở rộng diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, nhưng không xâm phạm đến các công trình phòng thủ quốc gia, trên bộ và trên biển; ii) Phát triển các ngành kinh tế có thể đáp ứng yêu cầu lương dụng, thời bình sản xuất hàng hoá dân dụng, thời chiến có thể chuyển sang sản xuất hàng hoá quân dụng, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; iii) Phát triển kinh tế giải quyết hài hoà các mối quan hệ lợi ích: Nhà nước - doanh nghiệp - người dân, không để xảy ra mâu thuẫn sâu sắc về lợi ích của sự phát triển, từ đó giữ vững ổn định chính trị. Chỉ có tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương thì mới có thể giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, quan trọng nói trên.

## **Tiểu kết chương 2**

Chương 2 luận án nghiên cứu, xem xét những vấn đề lý luận, thực tiễn về sự lãnh đạo Tỉnh uỷ Hưng Yên đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế ở địa phương, đạt được những kết quả cụ thể sau:

*Thứ nhất*, luận án trình bày khái quát tỉnh Hưng Yên hiện nay; làm rõ chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ, qua đó thấy rõ bối cảnh thực tế sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với phát triển kinh tế ở địa phương.

Thứ hai, làm rõ những khái niệm công cụ quan trọng liên quan trực tiếp đến đề tài luận án. Luận án chú trọng làm rõ nội hàm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay với bảy nội dung chủ yếu. Luận án đề cập khái quát khái niệm lãnh đạo và Đảng lãnh đạo làm cơ sở trình bày khái niệm trung tâm của luận án.

Thứ ba, luận án trình bày khái niệm trung tâm của luận án: Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay và làm rõ nội hàm của khái niệm này.

Sau khi trình bày khái niệm, luận án phân tích làm rõ: chủ thể lãnh đạo phát triển kinh tế là Tỉnh uỷ, thường xuyên và trực tiếp là các BTV Tỉnh uỷ; đối tượng và các lực lượng tham gia vào quá trình lãnh đạo là các tổ chức của HTCT tỉnh, các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc, các lực lượng xã hội và nhân dân tham gia phát triển kinh tế. Luận án tập trung phân tích làm rõ sáu nội dung và năm phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh uỷ Hưng Yên hiện nay. Những nội dung và phương thức lãnh đạo đó vừa nhấn mạnh cái chung, vừa thể hiện cái riêng trong sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương. Những kết quả nghiên cứu của chương 2 sẽ trực tiếp phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu ở chương 3, chương 4 của luận án.

### Chương 3

## TỈNH ỦY HUNG YÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

### 3.1. Thực trạng Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh

#### 3.1.1. Ưu điểm

*3.1.1.1. Ưu điểm về nội\_dung lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh*

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh, đã tạo nền tảng chính trị - thể chế vững chắc cho điều hành phát triển trong bối cảnh nhiều biến động*

Trong những năm qua, công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật, đặc biệt ở tư duy chiến lược, khả năng lượng hóa mục tiêu, tính hệ thống trong thiết kế chính sách và năng lực cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình hành động, tạo nền tảng chính trị - thể chế vững chắc cho điều hành phát triển trong bối cảnh nhiều biến động.

Trước hết, mục tiêu tổng quát được xác định rõ ràng, có tầm nhìn và phù hợp với lợi thế của tỉnh. Tỉnh ủy xác định, định hướng xây dựng Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững, gắn với đổi mới sáng tạo và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Cách định vị này thể hiện tư duy phát triển cân bằng giữa công nghiệp hóa với ổn định xã hội và bền vững, phù hợp vị trí cửa ngõ vùng Thủ đô và yêu cầu nâng cao năng suất của nền kinh tế.

Hệ mục tiêu cụ thể được lượng hóa tương đối đầy đủ, tạo cơ sở cho quản trị theo kết quả và phân công trách nhiệm. Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra các chỉ tiêu định lượng đến năm 2025 về tăng trưởng GRDP, cơ cấu kinh tế, thu ngân sách, xuất khẩu và giảm nghèo. Việc lượng hóa mục tiêu theo nhóm tăng trưởng - cơ cấu - nguồn lực - an sinh cho thấy tư duy quản trị đã vượt

khởi cách tiếp cận thuần túy tăng GDP, chuyển sang tiếp cận phát triển bao trùm và bền vững hơn, đồng thời tạo “hệ quy chiếu” cho điều hành, giám sát và đánh giá.

Phương hướng và các khâu đột phá được lựa chọn tương đối trùng, phản ánh khả năng nhận diện đúng các điểm nghẽn của phát triển. Tỉnh ủy xác định các đột phá về thực hiện quy hoạch, thu hút đầu tư theo quy hoạch, ưu tiên dự án quy mô lớn, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; đồng thời tập trung phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số và các địa bàn trọng điểm. Cách tiếp cận này thể hiện logic phát triển nhất quán: quy hoạch làm nền tảng, đầu tư có chọn lọc và hạ tầng đi trước một bước để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Một điểm mạnh nổi bật là năng lực cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình hành động và tổ chức thực hiện đồng bộ. Sau Đại hội, Tỉnh ủy kịp thời ban hành chương trình hành động và tổ chức quán triệt nghị quyết rộng khắp trong HTCT. Điều này giúp thu hẹp khoảng cách giữa hoạch định và thực thi, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động từ tỉnh đến cơ sở.

Chất lượng mục tiêu và giải pháp được kiểm chứng bằng kết quả thực hiện. Giai đoạn 2021 - 2025, tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 9,17%/năm, quy mô kinh tế tăng mạnh so với năm 2020; thu hút đầu tư, tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu ngân sách đều đạt mức cao. Những kết quả này cho thấy mục tiêu đã tạo được kỳ vọng phát triển đủ mạnh để huy động nguồn lực xã hội, còn các giải pháp trọng tâm có khả năng chuyển hóa thành kết quả thực tế. Đồng thời, các chỉ tiêu xã hội như giảm nghèo cũng được cải thiện rõ rệt, phản ánh sự quan tâm đến an sinh trong tổng thể mục tiêu phát triển [11].

Cuối cùng, công tác xây dựng mục tiêu và giải pháp thể hiện nỗ lực cân bằng giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển. Tỉnh ủy không giới hạn phát triển kinh tế ở tăng GRDP, mà đặt trong mối liên hệ với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển hạ tầng, cải cách hành chính, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Đây là cách tiếp cận phù hợp với yêu cầu phát

triển bền vững và nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế địa phương trong dài hạn.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), việc Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế được đánh giá cao, với 90,08% ý kiến cho rằng thực hiện tốt. Kết quả này cho thấy Tỉnh ủy đã xác định tương đối rõ mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu và phương hướng phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Việc xây dựng mục tiêu và giải pháp phát triển kinh tế có tính định hướng dài hạn, đồng thời được cụ thể hóa theo từng giai đoạn, đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để các cấp, các ngành thống nhất hành động và tổ chức thực hiện hiệu quả.

*Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tổ chức thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đã phát huy được nguồn lực lớn, tạo chuyển biến rõ về đầu tư, kết cấu hạ tầng và động lực tăng trưởng*

Thời gian qua, công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế thể hiện ưu điểm nổi bật ở chỗ không dừng lại ở ban hành nghị quyết, mà hình thành được cơ chế đồng bộ đưa nghị quyết vào cuộc sống thông qua chuỗi công cụ quán triệt - cụ thể hóa - tổ chức thực hiện – KTGS và xử lý vướng mắc. Nhờ đó, tỉnh huy động được nguồn lực lớn, tạo chuyển biến rõ về đầu tư, kết cấu hạ tầng và động lực tăng trưởng.

Trước hết, tính nghiêm túc trong tổ chức thực hiện được thể hiện ngay từ khâu quán triệt và thống nhất nhận thức. Trên cơ sở Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 15/12/2020, các cấp ủy trực thuộc đã xây dựng kế hoạch quán triệt nghị quyết gắn với nhiệm vụ của địa phương, đơn vị; đến ngày 31/01/2021, 13/13 đơn vị cấp huyện và đảng ủy trực thuộc cơ bản hoàn thành việc quán triệt tại cơ sở theo đúng kế hoạch của Tỉnh ủy. Việc hoàn thành

quán triệt đúng hạn có ý nghĩa quan trọng trong hình thành đồng thuận chính trị, giảm độ trễ chính sách và hạn chế tình trạng “trên nóng - dưới lạnh”.

Một ưu điểm rõ nét là cơ chế cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình hành động làm khung triển khai thống nhất. Ngày 07/01/2021, BCHĐB tỉnh ban hành Chương trình hành động số 01-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu. Cách làm này giúp các cấp ủy trực thuộc có căn cứ để phân rã mục tiêu, lượng hóa nhiệm vụ, xác định dự án trọng điểm và kiểm soát tiến độ, qua đó chuyển nghị quyết định hướng thành chương trình có cấu trúc thực thi.

Phương thức lãnh đạo và tổ chức thực hiện cho thấy sự chuyển dịch theo hướng điều hành bằng dự án và xử lý điểm nghẽn. Một minh chứng điển hình là công tác giải phóng mặt bằng: nếu trước năm 2021 năng lực giải phóng mặt bằng chỉ đạt khoảng 300 - 500 ha/năm, thì sau khi tăng cường chỉ đạo thống nhất và huy động đồng bộ các cấp, kết quả được nâng lên khoảng 1.000 ha/năm, tạo điều kiện triển khai các dự án giao thông, khu công nghiệp và đô thị. Điều này cho thấy vai trò quyết định của tổ chức thực hiện nghiêm túc trong việc biến định hướng phát triển thành dự án khả thi.

Hiệu lực tổ chức thực hiện nghị quyết được kiểm chứng rõ qua kết quả huy động nguồn lực. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh thu hút 912 dự án đầu tư với tổng vốn khoảng 24,5 tỷ USD; tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 269.993 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 636.304 tỷ đồng, gấp 1,67 lần giai đoạn 2016 - 2020 [11]. Những kết quả này phản ánh sự phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy trong chuẩn bị quỹ đất, giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục và đồng hành cùng doanh nghiệp.

Công tác KTGS và kỷ luật được gắn chặt với lãnh đạo thực hiện nghị quyết, đóng vai trò là cơ chế bảo đảm thực thi. Năm 2023, cấp ủy các cấp đã thi hành kỷ luật 15 tổ chức đảng và 355 đảng viên; ủy ban kiểm tra các cấp kỷ luật 102 đảng viên, trong đó có 43 cấp ủy viên [157]. Việc tăng cường KTGS góp

phần nâng kỷ luật thực thi, hạn chế sai phạm và củng cố niềm tin của doanh nghiệp, người dân đối với môi trường thể chế địa phương.

Nhìn chung, kết quả tổng hợp nhiệm kỳ cho thấy Hưng Yên hoàn thành vượt 12/19 nhóm chỉ tiêu và đạt 7/19 nhóm chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020–2025 [11]. Điều này phản ánh hiệu quả tương đối toàn diện của công tác tổ chức thực hiện nghị quyết ở các cấp ủy trực thuộc, đồng thời cho thấy vai trò quan trọng của tính đồng bộ, kỷ luật và phương thức điều hành theo dự án trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế được phát huy khá rõ, thể hiện qua 89,26% ý kiến đánh giá thực hiện tốt. Điều này phản ánh sự nghiêm túc trong công tác quán triệt, triển khai nghị quyết và sự thống nhất tương đối cao giữa chủ trương của Tỉnh ủy với hành động của các cấp ủy cơ sở. Nhờ đó, các nghị quyết phát triển kinh tế không dừng lại ở định hướng mà từng bước được chuyển hóa thành chương trình, kế hoạch và kết quả cụ thể trong thực tiễn.

*Ba là, Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động với tinh thần chuyển hóa vai trò lãnh đạo của Đảng thành năng lực điều hành của chính quyền theo hướng “kiến tạo phát triển”*

Giai đoạn vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên, công tác chỉ đạo chính quyền tỉnh thực hiện các chủ trương, nghị quyết và chương trình phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đạt được nhiều kết quả tích cực. Điểm nổi bật là khả năng chuyển hóa vai trò lãnh đạo của Đảng thành năng lực điều hành của chính quyền theo hướng “kiến tạo phát triển”.

Trước hết, Tỉnh ủy đã tạo lập được “trục chỉ đạo” tương đối rõ, buộc chính quyền vận hành theo kỷ luật mục tiêu và trách nhiệm kết quả. Thông

qua hệ thống kế hoạch điều hành (kế hoạch phát triển KT-XH, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xúc tiến đầu tư...), chính quyền tỉnh hình thành chuỗi thực thi thống nhất từ tỉnh đến sở, ngành và địa phương. Hiệu lực chỉ đạo được phản ánh qua kết quả huy động nguồn lực: tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 636.304 tỷ đồng; tỉnh thu hút 912 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm lớn [11].

Gắn phát triển kinh tế với cải cách hành chính được triển khai theo hướng có đo lường và đánh giá, tạo chuyển biến rõ về chất lượng điều hành. Năm 2024, chỉ số PAR Index của Hưng Yên đạt 89,84 điểm, xếp 14/63, tăng 12 bậc so với năm 2023 [153]. Việc cải thiện đồng thời các chỉ số cải cách và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp cho thấy tác động lan tỏa từ chỉ đạo chính trị của Tỉnh ủy đến năng lực phục vụ của bộ máy chính quyền, qua đó củng cố nền tảng thể chế cho phát triển kinh tế bền vững.

Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương được xác định là một đột phá điều hành. Hưng Yên lần đầu tiên vào Top 10 PCI, với PCI năm 2024 đạt 70,18 điểm, xếp 10/63 [153]. Quá trình tăng hạng liên tục từ năm 2020 cho thấy sự chuyển biến trong tư duy điều hành: chính quyền từng bước chuyển từ quản lý hành chính sang phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp. Đây là minh chứng cho vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy trong việc “neo” trọng tâm phát triển vào cải thiện môi trường đầu tư và củng cố niềm tin thị trường.

Chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số được đưa vào chuỗi nhiệm vụ điều hành gắn với phát triển kinh tế. Việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 cùng các kết quả triển khai như tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến, ký số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 100% cho thấy nỗ lực tái cấu trúc quy trình hành chính theo hướng số hóa [154]. Dưới góc độ kinh tế thể chế, chuyển đổi số góp phần giảm chi phí giao dịch, tăng tính minh bạch và dự báo của thủ tục, qua đó nâng hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền.

Tinh gọn bộ máy được đặt trong tổng thể mục tiêu nâng cao hiệu lực điều hành phát triển. BTV Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 373-KH/TU (12/12/2024) về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, hướng tới giảm tầng nấc trung gian, tăng tốc ra quyết định và nâng cao năng lực phối hợp liên ngành. Cách tiếp cận này không chỉ nhằm tinh giản biên chế mà còn làm rõ trách nhiệm và giảm các “điểm nghẽn” trong thực thi chính sách kinh tế.

Hiệu lực chỉ đạo - điều hành của chính quyền dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy thể hiện rõ qua năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khó, đặc biệt là giải phóng mặt bằng. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã giải phóng trên 10.700 ha đất phục vụ các dự án phát triển KT-XH [11]. Kết quả này phản ánh sự tăng cường năng lực điều hành, phối hợp và vận động của hệ thống chính trị, đồng thời cho thấy vai trò quyết định của Tỉnh ủy trong tạo quyết tâm chính trị và cơ chế chỉ đạo xuyên suốt cho phát triển.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), việc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đạt kết quả tích cực, với 87,32% đánh giá thực hiện tốt. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý, điều hành của chính quyền được phối hợp tương đối chặt chẽ. Việc gắn phát triển kinh tế với cải cách hành chính đã góp phần cải thiện chất lượng phục vụ của bộ máy nhà nước, giảm chi phí thủ tục và tạo môi trường thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

***Bốn là,** Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo nền “năng lực nhà nước” đủ mạnh để xử lý các nhiệm vụ kinh tế phức tạp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh*

Những năm qua, công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong xây dựng tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền và cán bộ quản lý doanh nghiệp thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật, trước hết ở tư duy coi

công tác cán bộ là “đột phá của đột phá”, gắn chuẩn hóa đội ngũ với tinh gọn tổ chức và nâng cao hiệu lực thực thi, qua đó tạo nền “năng lực nhà nước” đủ mạnh để xử lý các nhiệm vụ kinh tế phức tạp.

Trước hết, Tỉnh ủy xác định rõ công tác cán bộ là khâu đột phá và cụ thể hóa bằng nghị quyết, đề án làm khuôn khổ chính trị cho lựa chọn, đào tạo và sử dụng cán bộ. Trong nhiệm kỳ, BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 08/02/2022 về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ có năng lực, uy tín nổi trội, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Cách tiếp cận này cho thấy tỉnh nhìn nhận năng lực điều hành và chất lượng cán bộ là nguồn lực cạnh tranh mềm quyết định hiệu quả phát triển trong bối cảnh cạnh tranh liên tỉnh ngày càng gay gắt.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai theo hướng lượng hóa mục tiêu và chuẩn hóa theo vị trí việc làm. Kế hoạch đào tạo đến năm 2025 đặt mục tiêu cử khoảng 37.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng; đồng thời yêu cầu 100% cán bộ trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý phải được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ. Việc chuẩn hóa điều kiện trước bổ nhiệm góp phần nâng chất đội ngũ, giảm rủi ro về năng lực và tăng khả năng xử lý các vấn đề kinh tế phức tạp như đầu tư, đất đai, môi trường và chuyển đổi số.

Bên cạnh đào tạo chuyên môn, tỉnh chú trọng bồi dưỡng các năng lực có tác động trực tiếp tới môi trường đầu tư, đặc biệt là văn hóa công vụ và kỹ năng chuyển đổi số. Năm 2025, tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng văn hóa công vụ cho hàng trăm công chức, viên chức, đồng thời triển khai đào tạo kỹ năng chuyển đổi số gắn với tháo gỡ vướng mắc trong thực thi. Sự dịch chuyển từ “nâng trình độ” sang “nâng năng lực phục vụ và năng lực số” góp phần giảm chi phí giao dịch, tăng tính minh bạch và nâng hiệu quả phối hợp liên ngành.

Một điểm đáng chú ý là chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo được đặt trong tổng thể thực hiện các nhiệm vụ đột phá của

nhiệm kỳ. Trong các lĩnh vực nhạy cảm như đầu tư, giải phóng mặt bằng, quy hoạch và chuyển đổi số, cơ chế này góp phần giảm tâm lý e ngại trách nhiệm, tạo động lực đổi mới và tăng tốc xử lý công việc.

Tinh gọn tổ chức bộ máy được triển khai như điều kiện nâng cao hiệu lực điều hành kinh tế. Từ cuối năm 2024, toàn tỉnh đã giảm nhiều đầu mối cơ quan tham mưu, chuyên môn ở cả cấp tỉnh và cấp dưới. Việc giảm đầu mối, nếu gắn với chuẩn hóa quy trình, giúp tăng tốc phối hợp liên ngành và giảm độ trễ trong giải quyết thủ tục đầu tư, dự án [153].

Cùng với đó, công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được chú trọng nhằm bảo đảm tính liên tục trong điều hành phát triển kinh tế. Ở khu vực doanh nghiệp, tỉnh triển khai các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, qua đó gián tiếp nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ quản lý doanh nghiệp – yếu tố then chốt để nâng năng suất và khả năng tham gia chuỗi giá trị.

Nhìn chung, công tác xây dựng tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ của Tỉnh ủy Hưng Yên giai đoạn vừa qua đã tạo nền tảng nhân lực – tổ chức quan trọng cho phát triển kinh tế, góp phần nâng hiệu lực thực thi chính sách và năng lực cạnh tranh của địa phương trong giai đoạn mới.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), công tác lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ quản lý doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế được triển khai tương đối đồng bộ, với 85,79% ý kiến cho rằng thực hiện tốt. Kết quả này phản ánh nỗ lực của Tỉnh ủy trong chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ gắn với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế. Việc từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đã góp phần tăng năng lực tham mưu, quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế ở địa phương.

*Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế ở địa phương, tạo được sự đồng thuận, giảm “ma sát thực thi” và hỗ trợ xử lý những nhiệm vụ kinh tế khó ở cơ sở*

Thời gian qua, Tỉnh ủy Hưng Yên đã phát huy khá hiệu quả vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội và xã hội - nghề nghiệp trong thực hiện chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế. Điểm mạnh cốt lõi là việc huy động tốt nguồn lực xã hội và giám sát xã hội nhằm hỗ trợ cho điều hành kinh tế của chính quyền, qua đó tạo đồng thuận, giảm “ma sát thực thi” và hỗ trợ xử lý những nhiệm vụ kinh tế khó ở cơ sở.

Trước hết, vai trò tập hợp, vận động quần chúng của MTTQ và các đoàn thể được phát huy như một đòn bẩy nguồn lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới và hạ tầng cơ sở. Thông qua vận động xã hội, Nhân dân đã hiến trên 1,7 triệu m<sup>2</sup> đất thổ cư, gần 70 ha đất nông nghiệp và hơn 1 triệu ngày công để mở rộng đường giao thông nông thôn. Nguồn lực xã hội hóa này góp phần giảm chi phí đầu tư công, rút ngắn tiến độ xây dựng hạ tầng và cải thiện điều kiện tiếp cận thị trường của khu vực nông thôn.

Cùng với đó, hệ thống Mặt trận và các tổ chức thành viên đóng vai trò quan trọng trong củng cố nền tảng an sinh xã hội, qua đó nâng cao sức chống chịu của hộ gia đình và chất lượng mức sống. Chương trình “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” và các hoạt động vận động quỹ đã hỗ trợ hàng nghìn hộ dân xây mới, sửa chữa nhà ở; riêng giai đoạn 2021–2024 có trên 1.500 hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở được hỗ trợ từ Quỹ “Vì người nghèo”. Đây là kênh huy động xã hội hiệu quả, góp phần giảm nghèo bền vững và ổn định sinh kế [11].

Các tổ chức CT-XH còn tham gia trực tiếp thúc đẩy phát triển sinh kế và kinh tế tập thể theo nhóm đối tượng. Tiêu biểu là Hội Nông dân với Quỹ Hỗ trợ nông dân có quy mô trên 152 tỷ đồng, hỗ trợ hàng trăm dự án và hàng nghìn hộ vay vốn, đồng thời thúc đẩy các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác và

liên kết sản xuất gắn tiêu thụ. Cách tiếp cận này giúp hộ nông dân tiếp cận vốn, kỹ thuật và tổ chức lại sản xuất theo hướng tập thể, qua đó nâng hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm rủi ro thị trường.

Trong lĩnh vực công nghiệp và lao động, vai trò của công đoàn và các tổ chức nghề nghiệp góp phần nâng cao năng suất và ổn định quan hệ lao động. Phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, đặc biệt Chương trình “1 triệu sáng kiến”, đã ghi nhận 12.824 sáng kiến tại Hưng Yên, làm lợi trên 100 tỷ đồng. Các hoạt động chăm lo đời sống công nhân cũng góp phần ổn định lực lượng lao động, giảm chi phí biến động nhân sự cho doanh nghiệp.

Một điểm tiến bộ là việc đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo hướng số hóa và chuẩn hóa quy trình. Đến tháng 9/2025, 100% Ủy ban MTTQ cấp xã và các tổ chức CT-XH đã vận hành nền tảng số, cập nhật báo cáo định kỳ và tham gia Ban Chỉ đạo chuyên đổi số. Việc số hóa giúp tăng tính kịp thời, minh bạch và nâng cao năng lực điều phối hoạt động ở cơ sở [154].

Cuối cùng, thông qua giám sát xã hội và tham gia rà soát chính sách ở cơ sở, MTTQ và các đoàn thể góp phần củng cố kỷ cương, hạn chế rủi ro “lệch thực thi”, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như rà soát hộ nghèo, phân bổ nguồn lực hỗ trợ sản xuất. Qua đó, vai trò của các tổ chức này ngày càng được định hình rõ như một cấu phần quan trọng trong hệ thống quản trị phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với MTTQ và các tổ chức CT-XH trong thực hiện chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế được đánh giá rất cao, với 91,72% ý kiến nhận định thực hiện tốt - mức cao nhất trong 06 nội dung. Điều này cho thấy Tỉnh ủy đã phát huy khá hiệu quả vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội và huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế. Sự tham gia tích cực của MTTQ và các đoàn thể góp

phần quan trọng vào việc đưa chủ trương phát triển kinh tế đến với Nhân dân và doanh nghiệp, giảm “ma sát” trong quá trình thực hiện.

*Sáu là, Tỉnh uỷ lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế, tạo thành một “chu trình học hỏi chính sách”, vừa kiểm định tính đúng đắn của chủ trương trong thực tiễn, vừa tạo cơ sở điều chỉnh công cụ và phân bổ nguồn lực*

Trong những năm qua, công tác lãnh đạo của Tỉnh uỷ Hưng Yên đổi mới với sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế thể hiện bước chuyển rõ từ “ban hành nghị quyết” sang “lãnh đạo bằng tổ chức thực thi, theo dõi - đánh giá và điều chỉnh chính sách dựa trên kết quả”. Về bản chất, sơ kết, tổng kết trở thành một “chu trình học hỏi chính sách”, vừa kiểm định tính đúng đắn của chủ trương trong thực tiễn, vừa tạo cơ sở điều chỉnh công cụ và phân bổ nguồn lực.

Trước hết, tổng kết nhiệm kỳ được triển khai theo hướng đánh giá dựa trên mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể, qua đó hình thành “kỷ luật mục tiêu” trong chỉ đạo phát triển kinh tế. Báo cáo chính trị tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020–2025 cho thấy Hưng Yên hoàn thành vượt 12/19 nhóm chỉ tiêu và đạt 7/19 nhóm chỉ tiêu đề ra [11]. Trên cơ sở đó, các kết quả kinh tế chủ yếu được lượng hóa rõ như: GRDP bình quân đạt 9,17%/năm; quy mô nền kinh tế ước đạt 328.283 tỷ đồng, gấp 1,73 lần năm 2020; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp – dịch vụ [11]. Cách tổng kết dựa trên dữ liệu này làm tăng tính thuyết phục và tạo nền tảng để nhận diện các điểm nghẽn cần xử lý trong giai đoạn tiếp theo.

Công tác sơ kết, tổng kết không chỉ thực hiện ở cuối kỳ mà được sử dụng như công cụ điều chỉnh chính sách trong quá trình. Thông qua cơ chế phối hợp giữa hệ thống tuyên giáo và các cơ quan nhà nước, tỉnh đã tổ chức sơ kết việc triển khai các chủ trương, chương trình phát triển kinh tế, đồng thời tăng cường nắm bắt dư luận xã hội. Giai đoạn 2021 - 2022, Ban Tuyên

giáo Tỉnh ủy tiếp nhận hàng nghìn báo cáo từ mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội và tổ chức các cuộc khảo sát xã hội học với hàng nghìn phiếu điều tra, qua đó cung cấp thông tin phục vụ điều chỉnh chính sách và xử lý kịp thời các vấn đề bức xúc phát sinh trong quá trình thực thi [11].

Sơ kết, tổng kết được gắn chặt với công tác KTGS và thi hành kỷ luật Đảng, qua đó tăng tính răn đe và khả năng “tự hiệu chỉnh” của hệ thống thực thi. Năm 2023, qua kiểm tra, các cấp ủy đã phát hiện và xử lý nhiều tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, trong đó có các vụ việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế nhạy cảm như đầu tư, đất đai, đấu thầu [152]. Việc gắn tổng kết với KTGS giúp kết luận tổng kết không chỉ phản ánh thành tích mà còn chỉ rõ rủi ro hệ thống, góp phần nâng cao kỷ luật và liêm chính trong điều hành kinh tế.

Nội dung tổng kết cũng làm rõ mối liên hệ giữa các đột phá chiến lược và kết quả phát triển kinh tế. Giai đoạn 2021 - 2025, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 636.304 tỷ đồng; công tác giải phóng mặt bằng thu hồi 10.702 ha để triển khai các dự án [11]. Đến giữa năm 2025, tỉnh có 23 khu công nghiệp với tổng diện tích gần 5.900 ha và 74 cụm công nghiệp hơn 3.900 ha, cùng hàng nghìn dự án đầu tư còn hiệu lực [154]. Những dữ liệu này vừa là kết quả tổng kết, vừa là căn cứ để đánh giá tính hợp lý của chiến lược công nghiệp hóa và yêu cầu nâng chất giai đoạn sau.

Cuối cùng, công tác sơ kết, tổng kết ngày càng mở rộng kênh tham vấn và phản hồi xã hội, thông qua khảo sát xã hội học, tập huấn báo cáo viên và cơ chế tổng hợp dư luận định kỳ. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính đồng thuận xã hội, giảm chi phí thực thi chính sách và hỗ trợ quản trị rủi ro xã hội trong quá trình phát triển kinh tế địa phương.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế của Tỉnh ủy được triển khai tương đối nghiêm túc, với 84,15% ý kiến đánh giá thực hiện tốt. Mặc dù tỷ lệ này thấp hơn một số nội dung khác, song vẫn phản ánh sự quan tâm

của Tỉnh ủy trong việc đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và điều chỉnh chủ trương, giải pháp cho phù hợp với thực tiễn. Công tác sơ kết, tổng kết góp phần nâng cao tính khoa học và thực tiễn trong lãnh đạo phát triển kinh tế, tránh tình trạng chủ trương ban hành nhưng chậm được rà soát, điều chỉnh.

*3.1.1.2. Ưu điểm về phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh*

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn đã tạo lập được khung định hướng ổn định, nâng cao tính dự đoán của môi trường kinh tế và chuyển hóa lãnh đạo chính trị thành quản trị phát triển theo kết quả*

Trong những năm qua, Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua chủ trương, nghị quyết và các định hướng lớn thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật, đặc biệt ở khả năng tạo lập khung định hướng ổn định, nâng cao tính dự đoán của môi trường kinh tế và chuyển hóa lãnh đạo chính trị thành quản trị phát triển theo kết quả.

Trước hết, lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết đã tạo “khung cam kết phát triển” tương đối ổn định – yếu tố nền tảng để doanh nghiệp và người dân hình thành kỳ vọng đầu tư, tiêu dùng và đào tạo kỹ năng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định rõ mục tiêu xây dựng Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững, gắn với đổi mới sáng tạo và bảo đảm quốc phòng – an ninh. Định hướng lớn này được quán triệt kịp thời và tương đối đồng bộ thông qua Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 15/12/2020 của BTV Tỉnh ủy, qua đó thống nhất nhận thức và giảm độ trễ chính sách trong toàn hệ thống chính trị.

Một ưu điểm cốt lõi khác là các nghị quyết và định hướng lớn được lượng hóa bằng hệ thống chỉ tiêu nhiệm kỳ, tạo nền tảng cho quản trị theo kết quả. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ cho thấy Hưng Yên hoàn thành vượt 12/19 nhóm chỉ tiêu và đạt 7/19 nhóm chỉ tiêu đề ra [11]. Việc đánh giá theo nhóm

chỉ tiêu không chỉ phản ánh mức độ hoàn thành mục tiêu, mà còn cho phép phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa chủ trương lớn và kết quả kinh tế, đồng thời tạo cơ sở khoa học cho điều chỉnh chính sách trong chu trình tiếp theo.

Phương thức lãnh đạo bằng nghị quyết còn thể hiện tính hệ thống trong lựa chọn ưu tiên phát triển. Các định hướng lớn của Tỉnh ủy được triển khai theo một “mạch ưu tiên” khá rõ: quy hoạch làm nền tảng, thu hút đầu tư phù hợp quy hoạch, phát triển hạ tầng để giảm chi phí logistics và mở rộng không gian công nghiệp - đô thị, từ đó tạo dư địa tăng trưởng. Sự liên thông giữa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 là minh chứng cho việc chuyển hóa định hướng của Đảng thành kế hoạch phát triển cụ thể của chính quyền, bảo đảm tính thống nhất giữa lãnh đạo - quản lý - điều hành.

Một điểm mạnh quan trọng khác là nghị quyết và định hướng lớn tạo “tính chính danh” chính trị cho việc triển khai các quyết sách kinh tế khó, liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại không gian sản xuất và chuyển đổi nghề. Khi các quyết sách này có nền tảng nghị quyết và được quán triệt đồng bộ, khả năng huy động đồng thuận xã hội và phối hợp liên ngành được nâng cao, qua đó giảm chi phí xung đột, hạn chế khiếu kiện kéo dài và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Bên cạnh đó, lãnh đạo bằng nghị quyết giúp thống nhất “ngôn ngữ chính sách” trong toàn hệ thống, hạn chế tình trạng phân mảnh mục tiêu giữa các ngành và địa phương. Việc tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội XIX bằng hình thức trực tuyến, với phân công rõ nội dung nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch triển khai, cho thấy nỗ lực chuẩn hóa thông điệp và tạo sự nhất quán ngay từ đầu nhiệm kỳ. Sự thống nhất này góp phần giảm chi phí phối hợp, tăng tốc độ xử lý công việc và nâng cao tính dự đoán của môi trường đầu tư.

Cuối cùng, kết quả tổng kết nhiệm kỳ đóng vai trò là “bằng chứng hậu nghiệm” cho hiệu lực thực tiễn của các định hướng lớn trong bối cảnh nhiều bất định giai đoạn 2020 - 2022. Các chỉ tiêu như quy mô GRDP năm 2025 ước đạt 328.283 tỷ đồng, gấp 1,73 lần năm 2020, và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt trên 74.432 tỷ đồng cho thấy năng lực duy trì tăng trưởng và tích lũy nguồn lực của tỉnh trong điều kiện khó khăn [11]. Điều này khẳng định phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế bằng chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên có hiệu lực thực tiễn và giá trị định hướng rõ rệt.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), việc Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế bằng chủ trương, nghị quyết và những định hướng lớn được đánh giá rất cao, với 91,31% ý kiến cho rằng thực hiện tốt - mức cao nhất trong 05 phương thức. Kết quả này cho thấy Tỉnh ủy đã phát huy tốt vai trò hoạch định chiến lược, xác định rõ mục tiêu, phương hướng và các định hướng lớn về phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Việc ban hành kịp thời các nghị quyết, chương trình hành động và định hướng phát triển dài hạn đã tạo “khung định hướng” thống nhất, giúp các cấp, các ngành và các chủ thể kinh tế có cơ sở rõ ràng để triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

*Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đã tạo được sự đồng thuận xã hội, làm giảm “ma sát chính sách” trong các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm*

Trong thời gian qua, phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên thông qua tuyên truyền, vận động, thuyết phục đóng vai trò như “lớp keo kết dính” giữa chủ trương, nghị quyết với hành động thực tiễn của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân. Nếu nghị quyết tạo khung định hướng, thì tuyên truyền - vận động tạo đồng thuận xã hội, qua đó

làm giảm “ma sát chính sách” trong các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm như đất đai, giải phóng mặt bằng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cải cách hành chính.

Trước hết, công tác tuyên truyền, quán triệt được tổ chức bài bản ngay từ đầu nhiệm kỳ, góp phần thống nhất nhận thức và giảm độ trễ chính sách từ tỉnh đến cơ sở. BTV Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 09-KH/TU (15/12/2020) về quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, yêu cầu các cấp ủy gắn tuyên truyền với xây dựng chương trình hành động và kế hoạch thực hiện. Cách làm này giúp chuyển tuyên truyền từ phổ biến văn bản sang “chuỗi hành động tổ chức”, tăng tính nhất quán thông điệp và hiệu lực triển khai trong bối cảnh nhiều biến động giai đoạn 2020 - 2022.

Cùng với đó, Tỉnh ủy phát huy tương đối tốt cơ chế phối hợp tuyên truyền giữa hệ thống tuyên giáo với chính quyền và các cơ quan liên quan, hình thành “hạ tầng thông tin” phục vụ điều hành phát triển kinh tế. Việc triển khai Quyết định 238-QĐ/TW cho thấy mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội được tổ chức rộng, với hàng nghìn báo cáo và các cuộc khảo sát xã hội học được thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2022. Đây là cơ sở quan trọng để lãnh đạo nắm bắt kịp thời phản ứng xã hội, chủ động điều chỉnh thông điệp và giảm rủi ro xung đột khi triển khai các chính sách kinh tế có tác động phân phối lợi ích.

Phương thức vận động, thuyết phục cũng phát huy rõ vai trò MTTQ và các tổ chức CT-XH trong huy động nguồn lực xã hội cho phát triển kinh tế, đặc biệt ở nông thôn và hạ tầng cơ sở. Việc vận động Nhân dân hiến trên 1,7 triệu m<sup>2</sup> đất thổ cư, gần 70 ha đất nông nghiệp và hơn 1 triệu ngày công để mở rộng giao thông nông thôn là minh chứng cho hiệu quả “giảm chi phí giao dịch” trong đầu tư hạ tầng thông qua đồng thuận xã hội, góp phần cải thiện kết nối và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Bên cạnh đó, tuyên truyền - vận động còn gắn với củng cố nền tảng an sinh xã hội, qua các chương trình như Quỹ “Vì người nghèo” và xóa nhà tạm, nhà dột nát. Giai đoạn 2021 - 2024, hàng nghìn hộ nghèo và cận nghèo được

hỗ trợ nhà ở, góp phần giảm rủi ro tái nghèo và nâng khả năng tham gia thị trường lao động [11]. Điều này cho thấy thuyết phục - vận động không chỉ tạo đồng thuận xã hội mà còn tạo “đệm an sinh” cho tầng trường bao trùm.

Đáng chú ý, tuyên truyền được gắn với các phong trào thi đua và cơ chế khuyến khích sáng kiến, qua đó tác động trực tiếp đến năng suất lao động. Kết quả Chương trình “1 triệu sáng kiến” với 12.824 sáng kiến, làm lợi trên 100 tỷ đồng cho thấy tuyên truyền đã được chuyển hóa thành hành vi kinh tế cụ thể, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sản xuất trong doanh nghiệp.

Cuối cùng, phương thức tuyên truyền, vận động được hiện đại hóa thông qua chuyển đổi số trong hệ thống CT-XH, giúp tăng tốc độ truyền tải thông điệp và khả năng điều phối ở cơ sở. Hiệu quả của tuyên truyền - vận động - thuyết phục còn được phản ánh gián tiếp qua việc cải thiện môi trường kinh doanh và chất lượng điều hành, thể hiện ở kết quả PCI, PAR Index và SIPAS duy trì ở mức cao trong những năm cuối nhiệm kỳ. Điều này cho thấy tuyên truyền không thay thế chính sách, nhưng góp phần quan trọng làm tăng hiệu lực chính sách bằng cách giảm chi phí thực thi và củng cố cam kết hành động của toàn xã hội.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức. Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục được triển khai khá hiệu quả, với 86,09% ý kiến đánh giá thực hiện tốt. Điều này phản ánh sự quan tâm của Tỉnh ủy trong việc tạo đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân vào quá trình thực hiện các chủ trương, nghị quyết phát triển kinh tế. Thông qua công tác tuyên truyền, vận động, các chủ trương phát triển kinh tế được lan tỏa sâu rộng, góp phần giảm tâm lý e ngại, hạn chế xung đột lợi ích và tăng tính tự giác trong chấp hành chính sách ở cơ sở.

*Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ được triển khai khá đồng bộ các khâu quy hoạch, đào tạo - bồi dưỡng, sử dụng, KTGS và sắp xếp tinh gọn tổ chức*

Giai đoạn vừa qua, Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua công tác tổ chức, cán bộ với điểm nhấn là coi xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ là “điều kiện nền” để biến chủ trương kinh tế thành năng lực thực thi. Công tác này được triển khai khá đồng bộ các khâu quy hoạch, đào tạo - bồi dưỡng, sử dụng, KTGS và sắp xếp tinh gọn tổ chức, qua đó hình thành năng lực điều hành kinh tế địa phương đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và cạnh tranh liên tỉnh.

Trước hết, Tỉnh ủy xác lập rõ công tác cán bộ là khâu đột phá và thể chế hóa bằng các nghị quyết, đề án chuyên đề. Việc ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 08/02/2022 về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ có năng lực, uy tín nổi trội gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp cho thấy tư duy “đi trước một bước” trong chuẩn bị nguồn nhân lực lãnh đạo - quản lý. Lựa chọn này phản ánh nhận thức đúng rằng hiệu lực lãnh đạo kinh tế phụ thuộc quyết định vào chất lượng con người và kỷ luật bộ máy, nhất là trong các lĩnh vực phức tạp như quy hoạch, đất đai, đầu tư và phối hợp liên ngành.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chuẩn hóa theo hướng gắn chặt với tiêu chuẩn chức vụ và yêu cầu hiện đại hóa quản trị công. Tỉnh thực hiện nguyên tắc 100% cán bộ trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý phải được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, đồng thời triển khai kế hoạch đào tạo đến năm 2025 với các chỉ tiêu lượng hóa về số lượt cán bộ tham gia bồi dưỡng. Việc chuyển đào tạo từ khuyến khích sang ràng buộc bắt buộc giúp phòng ngừa rủi ro năng lực trong điều hành kinh tế, đặc biệt ở các khâu đòi hỏi quyết định nhanh và chính xác.

Song song với đó, Tỉnh ủy chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ trong quy hoạch, kết nối với các cơ sở đào tạo trung ương để nâng cao năng lực

chiến lược và điều hành. Việc phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ trẻ quy hoạch với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh là minh chứng cho đầu tư dài hạn vào “vốn quản trị”, tạo nền tảng cho việc triển khai các chương trình kinh tế quy mô lớn trong tương lai.

Công tác tổ chức bộ máy được đặt trong logic nâng cao hiệu lực điều hành kinh tế. BTV Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 373-KH/TU ngày 12/12/2024 về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh, hướng tới giảm đầu mối, rút ngắn tầng nấc trung gian và tăng tốc ra quyết định. Khi tinh gọn gắn với tái thiết kế quy trình, chi phí hành chính và chi phí giao dịch của doanh nghiệp được giảm, qua đó tạo hiệu ứng kinh tế thực.

Đáng chú ý, công tác cán bộ được gắn chặt với kiểm tra, giám sát và kỷ luật, tạo ràng buộc trách nhiệm và nâng cao tính liêm chính thể chế. Việc tăng cường kỷ luật Đảng trong các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm như đầu tư, đất đai và dự án được coi là “cơ chế bảo hiểm thể chế”, góp phần hạn chế sai phạm, giảm chi phí xã hội và củng cố niềm tin thị trường.

Nhìn chung, phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy Hưng Yên giai đoạn vừa qua thể hiện tính hệ thống và thực chất, tạo nền tảng nhân lực - tổ chức quan trọng cho cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực điều hành phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua công tác tổ chức, cán bộ đạt kết quả khá, với 84,76% ý kiến cho rằng thực hiện tốt. Kết quả này cho thấy Tỉnh ủy đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và cán bộ quản lý doanh nghiệp có phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ từng bước được gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, qua đó góp phần nâng cao năng lực tham mưu, quản lý và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế của tỉnh.

*Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên với phương châm biến tổ chức đảng từ “kênh lãnh đạo chính trị” thành lực lượng trực tiếp tổ chức thực thi và tạo đồng thuận xã hội cho các chương trình phát triển kinh tế, góp phần giảm độ trễ chính sách và chi phí thực thi*

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua hệ thống tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên với ưu điểm nổi bật là biến tổ chức đảng từ “kênh lãnh đạo chính trị” thành lực lượng trực tiếp tổ chức thực thi và tạo đồng thuận xã hội cho các chương trình phát triển kinh tế. Nếu nghị quyết tạo định hướng, thì tổ chức đảng và đảng viên chính là lực lượng “đi vào việc cụ thể” ở cơ sở, góp phần giảm độ trễ chính sách và chi phí thực thi.

Trước hết, mạng lưới tổ chức đảng rộng khắp tạo “hạ tầng CT-XH” quan trọng cho điều hành phát triển kinh tế. Toàn tỉnh có 13 đảng bộ trực thuộc, 552 tổ chức cơ sở đảng với trên 69.000 đảng viên và hơn 4.300 cấp ủy viên cơ sở [11]. Độ phủ này cho phép các chủ trương phát triển kinh tế được triển khai theo cơ chế hai chiều “từ trên xuống - từ dưới lên”, giúp thông điệp và yêu cầu tiến độ nhanh chóng đến cơ sở, đồng thời phản hồi kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Vai trò nêu gương của đảng viên được phát huy rõ trong các nhiệm vụ kinh tế khó, đặc biệt là giải phóng mặt bằng và phát triển hạ tầng. Thực tiễn cho thấy sự gương mẫu của đảng viên ở khu dân cư đã góp phần tạo đồng thuận xã hội, giảm khiếu kiện và đẩy nhanh tiến độ các dự án. Đến hết năm 2023, tỉnh triển khai giải phóng mặt bằng cho khoảng 400 dự án với diện tích cần thu hồi gần 4.200 ha, trong đó kết quả đạt trên 66% diện tích cần thu hồi [152]. Đây là minh chứng cho vai trò “giảm ma sát chính sách” của phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên.

Trong khu vực cơ quan nhà nước, tổ chức đảng giữ vai trò hạt nhân trong củng cố kỷ luật thực thi và nâng cao hiệu lực điều hành phát triển kinh

tế. Công tác KTGS được triển khai thường xuyên; riêng năm 2023, cấp ủy các cấp đã kiểm tra 1.257 tổ chức đảng và 2.949 đảng viên, giám sát 890 tổ chức đảng và 1.768 đảng viên [157]. Việc tăng cường kỷ luật và giám sát góp phần hạn chế sai lệch trong thực thi chính sách kinh tế, nhất là ở các lĩnh vực nhạy cảm như đầu tư, đất đai và đấu thầu, qua đó củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào môi trường thể chế địa phương.

Thông qua hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể, phong trào thi đua, khen thưởng và nêu gương được đẩy mạnh, tạo động lực nâng cao năng suất trong khu vực lao động - sản xuất. Dù là tác động “mềm”, nhưng thi đua và nêu gương đã góp phần hình thành kỷ luật lao động, thúc đẩy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiết kiệm chi phí trong sản xuất, nhất là tại các chi bộ cơ sở ở cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp có tổ chức đảng.

Đáng chú ý, chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo được triển khai gắn với nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá của nhiệm kỳ. Cách tiếp cận này vừa siết kỷ luật, vừa tạo “không gian dám làm” cho cán bộ trong xử lý các điểm nghẽn kinh tế như thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và điều phối dự án, góp phần tăng tốc triển khai nhiệm vụ phát triển.

Cuối cùng, chất lượng sinh hoạt và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng cơ sở phản ánh vai trò “hạt nhân” KT-XH của chi bộ. Nhiều địa phương ghi nhận trên 80% đảng viên và trên 88% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm, cho thấy năng lực huy động, điều phối và triển khai nhiệm vụ phát triển KT-XH ở cơ sở được củng cố vững chắc.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên được đánh giá cao, với 89,06% ý kiến nhận định thực hiện tốt. Điều này phản ánh vai trò quan trọng của hệ thống tổ chức đảng và đảng viên trong việc trực tiếp triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế ở cơ sở. Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên đã góp phần tạo niềm tin, sự đồng thuận trong Nhân dân, nhất là trong các nhiệm vụ khó

như giải phóng mặt bằng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và thực hiện các dự án phát triển KT-XH.

*Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế bằng KTGS các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ, góp phần bảo đảm các quyết sách kinh tế được triển khai đúng định hướng, giảm rủi ro sai lệch và tăng độ tin cậy của môi trường đầu tư*

Trong những năm qua, phương thức Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua công tác KTGS các tổ chức đảng và đảng viên thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật về tư duy kiểm soát quyền lực, lựa chọn đúng trọng tâm và nâng cao năng lực tổ chức thực thi. KTGS không chỉ nhằm giữ kỷ luật nội bộ, mà ngày càng được sử dụng như một công cụ quản trị phát triển, góp phần bảo đảm các quyết sách kinh tế được triển khai đúng định hướng, giảm rủi ro sai lệch và tăng độ tin cậy của môi trường đầu tư.

Trước hết, định hướng KTGS tập trung trực diện vào các “điểm nóng thể chế” của phát triển kinh tế. Thông qua Chỉ thị số 44-CT/TU (27/3/2020) về tăng cường kiểm tra trong quản lý đất đai, xây dựng, dự án đầu tư, tài sản công và Chỉ thị số 07-CT/TU (13/7/2021) về nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2020–2025, Tỉnh uỷ đã “đánh trúng” những lĩnh vực vừa tạo động lực tăng trưởng, vừa tiềm ẩn rủi ro thất thoát, lợi ích nhóm. Cách tiếp cận này có ý nghĩa phòng ngừa lớn, giúp giảm nguy cơ sai lệch trong thực thi nghị quyết kinh tế và tăng yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản lý dự án và tài sản công.

Thứ hai, KTGS được triển khai với quy mô lớn, thường xuyên và có hệ thống, tạo “kỷ luật thực thi” trong toàn bộ máy. Trong nhiệm kỳ 2020–2025, cấp uỷ các cấp đã kiểm tra chấp hành hơn 23.000 đảng viên và trên 10.500 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề gần 14.700 đảng viên và hơn 9.000 tổ chức đảng; thi hành kỷ luật 3.111 đảng viên và 37 tổ chức đảng [11]. Những con số này cho thấy KTGS đã trở thành hoạt động quản trị thường xuyên, góp phần

giảm độ trễ chính sách, hạn chế né tránh trách nhiệm và nâng cao kỷ luật trong thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm.

Thứ ba, công tác KTGS có xu hướng chuyển từ nặng về “xử lý vi phạm” sang tăng tính phòng ngừa và quản trị theo dữ liệu. Số liệu năm 2024 cho thấy, qua giám sát, trên 99% tổ chức đảng và đảng viên được kết luận thực hiện tốt nhiệm vụ; tỷ lệ vi phạm rất thấp và không phát sinh chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm từ kết quả giám sát [158]. Điều này phản ánh vai trò của giám sát như một cơ chế “cảnh báo sớm” và tự hiệu chỉnh hành vi, góp phần hình thành chuẩn mực tuân thủ rõ ràng trong thực thi nhiệm vụ kinh tế.

Thứ tư, KTGS được đặt trong khung kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Việc quán triệt Quy định số 131-QĐ/TW (27/10/2023) về kiểm soát quyền lực trong công tác KTGS giúp giảm rủi ro “xin - cho”, lợi ích nhóm trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, đấu thầu và mua sắm công. Ở góc độ kinh tế thể chế, đây là điều kiện quan trọng để giảm chi phí không chính thức, tăng cạnh tranh bình đẳng và nâng chất lượng tăng trưởng dài hạn.

Thứ năm, thông qua KTGS, Tỉnh ủy tạo áp lực hoàn thiện kỷ luật công vụ và tăng hiệu lực phối hợp liên ngành trong triển khai các chương trình kinh tế. Chu trình “giao nhiệm vụ - kiểm tra tiến độ - kết luận - khắc phục - tái kiểm” giúp giảm tình trạng trì hoãn, đùn đẩy trách nhiệm và nâng hiệu quả phối hợp giữa các ngành trong xử lý đất đai, dự án, hạ tầng.

Cuối cùng, kiểm tra, giám sát còn góp phần nâng năng lực “học hỏi chính sách” và cảnh báo rủi ro trong điều hành phát triển kinh tế. Việc chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ và triển khai các đề tài khoa học về KTGS cho thấy xu hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động này, qua đó giảm “chi phí học phí” của nền kinh tế địa phương và hạn chế tổn thất do sai phạm, sai quyết định trong quá trình phát triển.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác kiểm tra, giám sát được triển khai tương đối nghiêm túc, với 85,07% ý kiến đánh giá thực hiện tốt. Phương thức này góp phần bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế được thực hiện đúng định hướng, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, sai lệch trong quá trình thực thi. Thông qua KTGS, kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế từng bước được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Tỉnh ủy.

### **3.1.2. Hạn chế**

*3.1.2.1. Hạn chế về nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh*

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh còn một số hạn chế nhất định*

Trong bối cảnh biến động mạnh của môi trường KT-XH, đặc biệt giai đoạn chịu tác động của dịch bệnh và bất định toàn cầu, một số mục tiêu và chỉ tiêu phát triển kinh tế của tỉnh bộc lộ độ “lệch pha” giữa kỳ vọng và năng lực thực hiện. Có chỉ tiêu mang tính thận trọng, nhưng cũng có chỉ tiêu khó hoàn thành trong điều kiện nguồn lực và bối cảnh thay đổi nhanh. Thực tế này phản ánh hạn chế trong công tác dự báo và hoạch định chính sách, khiến mục tiêu và giải pháp đôi khi chưa sát thực tiễn, làm giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực và tính dự đoán của môi trường đầu tư, kinh doanh.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), đối với việc xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp, mặc dù tỷ lệ “thực hiện tốt” đạt 90,08%, vẫn còn 9,92% ý kiến ở mức đạt yêu cầu và chưa tốt. Điều này cho thấy một bộ phận nội dung định hướng chưa thật sự cụ thể, tính khả thi và khả năng dự báo còn hạn chế, dẫn đến khó khăn khi triển khai ở cấp cơ sở.

*Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế còn một số điểm nghẽn*

Mặc dù chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy được ban hành kịp thời và khá toàn diện, song năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng cơ sở còn hạn chế; trình độ và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu. Điều này dẫn đến tình trạng “kỷ luật thực thi” chưa thật sự đồng bộ, làm giảm hiệu quả lan tỏa của nghị quyết xuống cấp cơ sở. Thực tiễn triển khai cho thấy vẫn tồn tại các điểm nghẽn trong phối hợp liên ngành, xử lý thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu kiện, khiến tiến độ nhiều dự án bị chậm, làm giảm hiệu quả đầu tư và tốc độ hiện thực hóa mục tiêu phát triển.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), trong lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, còn 10,74% đánh giá chưa đạt mức tốt, phản ánh tính nghiêm túc và đồng bộ trong tổ chức thực hiện chưa cao, vẫn tồn tại biểu hiện chưa quyết liệt hoặc thiếu thống nhất giữa các cấp.

*Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động có lúc, có nơi còn chưa thật sự đồng đều và chưa đáp ứng được so với yêu cầu thực tế*

Những kết quả tích cực trong cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cho thấy quyết tâm chính trị cao của Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh. Tuy nhiên, cải cách hành chính chưa thật sự đồng đều giữa các lĩnh vực và cấp thực thi, đặc biệt ở các thủ tục nhạy cảm, nơi doanh nghiệp và người dân cảm nhận trực tiếp về thời gian, chi phí và tính nhất quán. Việc tinh gọn bộ máy mới chủ yếu tập trung vào sắp xếp tổ chức, trong khi thách thức lớn hơn là nâng cao chất lượng vận hành. Nếu không đi kèm chuẩn hóa quy trình, phân định rõ trách

nhiệm và tăng cường kỷ luật công vụ, nguy cơ tắc nghẽn phối hợp, né tránh trách nhiệm và chất lượng tham mưu không đồng đều vẫn còn hiện hữu.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), đối với việc lãnh đạo chính quyền triển khai các chương trình, kế hoạch gắn với cải cách hành chính và tinh gọn bộ máy, tỷ lệ 12,68% chưa đạt mức tốt cho thấy hiệu quả cải cách và nâng cao hiệu lực hoạt động chưa đồng đều, một số khâu còn mang tính hình thức hoặc chuyển biến chậm.

*Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh còn một số bất cập*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai với quy mô lớn, nhưng hiệu quả chuyển hóa từ đào tạo sang năng lực thực thi chưa thật rõ nét. Việc đánh giá chủ yếu dựa trên số lượng lượt tham gia, trong khi thiếu cơ chế đo lường đầu ra gắn với vị trí việc làm và hiệu quả xử lý công việc. Năng lực số và năng lực đổi mới của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, nhất là ở cấp cơ sở và các lĩnh vực nhạy cảm. Điều này tạo ra “độ vênh” nhất định giữa yêu cầu cải cách của tỉnh với chất lượng thực thi ở một số khâu then chốt.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), nội dung về xây dựng tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, nguồn nhân lực có 14,21% ý kiến chưa đạt mức tốt - mức cao so với các nội dung khác. Điều này phản ánh chất lượng nguồn nhân lực và công tác tổ chức cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh mới, còn thiếu tính đột phá.

*Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế ở địa phương có khi còn nặng về phong trào*

Hoạt động tham gia phát triển kinh tế ở một số nơi còn nặng về vận động phong trào, trong khi yêu cầu thực tiễn đòi hỏi cách tiếp cận theo chuỗi giá trị và dựa trên bằng chứng. Việc thiếu cơ chế lượng hóa tác động kinh tế cụ thể khiến khó đánh giá mức độ đóng góp thực chất của các phong trào đối

với tăng thu nhập, nâng năng suất và giảm nghèo bền vững. Chuyển đổi số trong hệ thống Mặt trận và đoàn thể là bước tiến quan trọng, song nếu dữ liệu chủ yếu phục vụ báo cáo hành chính mà chưa hỗ trợ ra quyết định và giám sát phát triển, thì hiệu quả KT-XH sẽ còn hạn chế.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), việc lãnh đạo MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia thực hiện nghị quyết tuy có tỷ lệ “thực hiện tốt” cao (91,72%), song vẫn còn 8,28% chưa đạt mức tốt, cho thấy vai trò phối hợp và huy động sức mạnh xã hội chưa được phát huy đồng đều, hiệu quả liên kết còn hạn chế ở một số lĩnh vực.

*Sáu là, Tỉnh ủy lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đôi khi còn mang tính hình thức và thiếu chiều sâu*

Ở một số địa phương và đơn vị, việc sơ kết, tổng kết còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu phân tích và chưa kịp thời phản ánh đầy đủ thực tiễn cơ sở. Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và phản hồi chính sách chưa thật chặt chẽ, dẫn đến độ trễ giữa phát hiện rủi ro và điều chỉnh chủ trương. Việc kiểm tra, giám sát được tăng cường và thể hiện tính nghiêm minh, song đồng thời cho thấy hạn chế trong năng lực dự báo và phòng ngừa từ sớm, từ xa. Nếu sơ kết, tổng kết không gắn chặt với cải cách quy trình và ngăn ngừa hệ thống, công tác lãnh đạo kinh tế dễ rơi vào xử lý hậu quả hơn là chủ động kiểm soát rủi ro.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), công tác sơ kết, tổng kết là khâu bộc lộ hạn chế rõ nhất khi có tới 15,85% ý kiến đánh giá chưa đạt mức tốt, trong đó 4,50% “chưa tốt”. Điều này cho thấy việc đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh chính sách chưa kịp thời, thiếu chiều sâu, làm giảm khả năng hoàn thiện phương thức lãnh đạo trong thực tiễn.

*3.1.2.2. Hạn chế về phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh*

*Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn còn bộc lộ hạn chế về mức độ cụ thể hóa và đo lường chất lượng.*

Các nghị quyết của Tỉnh ủy thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển dài hạn, song độ khái quát cao của định hướng lớn cũng làm phát sinh rủi ro dàn trải trong tổ chức thực hiện. Khi hệ thống mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu nghiêng về quy mô và tốc độ, trong khi các chỉ tiêu phản ánh chất lượng tăng trưởng chưa được thiết kế đầy đủ, hệ thống điều hành dễ ưu tiên những mục tiêu “dễ đạt” hơn những mục tiêu có ý nghĩa quyết định đối với phát triển bền vững. Thực tiễn tổng kết nhiệm kỳ cho thấy tồn tại sự không đồng đều giữa các nhóm chỉ tiêu, phản ánh yêu cầu cần nâng cao chất lượng thiết kế mục tiêu và công cụ đo lường. Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng cách nhất định giữa kỷ luật quán triệt nghị quyết và năng lực thực thi ở một số cấp, lĩnh vực, khiến hiệu lực của nghị quyết bị suy giảm trong quá trình triển khai, nhất là ở các khâu nhạy cảm như dự báo, phối hợp liên ngành và xử lý thủ tục kinh tế.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), đối với phương thức lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn, dù tỷ lệ “thực hiện tốt” đạt 91,31%, vẫn còn 8,69% ý kiến đánh giá ở mức đạt yêu cầu và chưa tốt. Điều này cho thấy tính định hướng tuy rõ nhưng mức độ cụ thể hóa và khả năng thấm thấu vào thực tiễn chưa đồng đều, nhất là ở cấp triển khai.

*Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế chưa phát huy đầy đủ vai trò như một công cụ quản trị phát triển*

Công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin và nắm bắt dư luận ở một số địa phương, đơn vị còn thiếu tính chủ động, chưa kịp thời và có biểu hiện hình thức. Việc phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị chưa thật chặt chẽ, làm giảm hiệu quả xử lý các vấn đề KT-XH phát sinh tại cơ sở. Hoạt động vận động quần chúng và phong trào thi đua đạt nhiều kết quả tích cực, song còn hạn chế trong lượng hóa và chứng minh tác động kinh tế dài hạn. Khi thiếu hệ chỉ số đánh giá theo chuỗi giá trị và đầu ra KT-XH, các phong

trào dễ dừng lại ở kết quả trước mắt, chưa chuyển hóa rõ thành năng lực cạnh tranh bền vững của địa phương.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động còn bộc lộ hạn chế rõ hơn khi có tới 13,91% đánh giá chưa đạt mức tốt, trong đó 5,32% “chưa tốt”. Điều này phản ánh hiệu quả lan tỏa chủ trương chưa thật sự sâu rộng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và các chủ thể kinh tế tiếp nhận chưa đầy đủ hoặc chưa chuyển hóa thành hành động thống nhất.

*Ba là, phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua công tác tổ chức và cán bộ còn gặp “nút thắt” về chất lượng thực thi*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai bài bản và có kế hoạch, nhưng việc đánh giá hiệu quả chủ yếu dựa trên số lượng và quy trình hành chính, trong khi thiếu cơ chế đo lường đầu ra năng lực gắn với vị trí việc làm và hiệu suất thực thi nhiệm vụ. Điều này làm gia tăng nguy cơ “hoàn thành kế hoạch đào tạo” nhưng năng lực xử lý các vấn đề phức hợp của phát triển kinh tế chưa được cải thiện tương xứng. Chủ trương tinh gọn bộ máy là cần thiết, song nếu không đi kèm tái thiết kế quy trình, phân quyền rõ ràng và nâng cao năng lực cán bộ tuyển đầu, có thể phát sinh tác nghẽn trách nhiệm và giảm tốc độ xử lý thủ tục phục vụ đầu tư, kinh doanh trong ngắn hạn.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức lãnh đạo thông qua công tác tổ chức, cán bộ là khâu còn nhiều bất cập nhất, với 15,23% ý kiến chưa đạt mức tốt, trong đó 6,03% “chưa tốt” - cao nhất trong các nội dung. Thực trạng này cho thấy chất lượng đội ngũ và công tác bố trí, sử dụng cán bộ chưa thật sự đáp ứng yêu cầu, làm giảm hiệu lực chuyển hóa chủ trương thành kết quả phát triển.

*Bốn là, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa đồng đều*

Ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, việc nêu gương và chấp hành kỷ luật chưa tương xứng với yêu cầu, dẫn đến vẫn còn vi phạm trong thực tiễn. Điều này làm suy giảm tác dụng lan tỏa của phương thức lãnh đạo dựa trên tiên phong, gương mẫu, đồng thời làm gia tăng chi phí thể chế và ảnh hưởng đến niềm tin xã hội. Hiệu quả phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong phát triển kinh tế còn không đồng đều giữa các địa bàn; nơi tổ chức đảng mạnh thì công tác vận động, thuyết phục xã hội đạt kết quả tốt, trong khi nơi yếu kém dễ phát sinh khiếu kiện và chậm tiến độ dự án. Sự chênh lệch này trực tiếp tác động đến hiệu quả thực hiện các chương trình KT-XH trên địa bàn.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), việc lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và phát huy vai trò nêu gương của đảng viên tuy đạt kết quả khá (89,06% “thực hiện tốt”) nhưng vẫn còn 10,94% chưa đạt mức tối ưu. Điều đó cho thấy tính tiên phong, gương mẫu chưa đồng đều, sức lan tỏa trong hệ thống và xã hội còn có mặt hạn chế.

*Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy còn thiên về xử lý vi phạm hơn là phòng ngừa rủi ro phát triển*

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai thường xuyên và thể hiện tính nghiêm minh, song số lượng trường hợp bị xử lý cho thấy vi phạm trong các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm vẫn còn đáng kể. Điều này đặt ra yêu cầu phải chuyển mạnh từ cách tiếp cận “phát hiện - xử lý” sang “phòng ngừa - cảnh báo sớm”. Bên cạnh đó, tỷ lệ đánh giá “thực hiện tốt” trong giám sát rất cao có thể tiềm ẩn rủi ro hình thức nếu tiêu chí giám sát chưa gắn chặt với các chỉ báo hiệu quả thực thi nghị quyết kinh tế. Khi giám sát chủ yếu tập trung vào hồ sơ và quy trình, mà chưa bám sát kết quả đầu ra như tiến độ dự án, chất lượng giải ngân hay tác động môi trường, thì việc đánh giá có thể chưa phản ánh đầy đủ thực chất của lãnh đạo phát triển kinh tế.

Theo số liệu khảo sát của Phiếu trưng cầu ý kiến (Phụ lục), phương thức lãnh đạo bằng KTGS còn bộc lộ điểm nghẽn khi có 14,93% ý kiến đánh

giá chưa đạt mức tốt, trong đó 6,65% “chưa tốt”. Điều này phản ánh công tác KTGS chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, chưa kịp thời phát hiện và xử lý những lệch chuẩn trong quá trình thực hiện nghị quyết.

### **3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay**

#### **3.2.1. Nguyên nhân**

##### *3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên hiện nay*

Những kết quả tích cực và các ưu điểm nổi bật trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên thời gian qua không chỉ xuất phát từ điều kiện khách quan thuận lợi, mà chủ yếu bắt nguồn từ các nguyên nhân nội tại thuộc về tư duy lãnh đạo, phương thức tổ chức thực hiện và năng lực quản trị của hệ thống chính trị ở địa phương. Các nguyên nhân này tạo thành một chuỗi logic, trong đó định hướng đúng tạo tiền đề, tổ chức thực hiện quyết định hiệu quả, năng lực bộ máy bảo đảm chất lượng, sự đồng thuận xã hội tạo nguồn lực và cơ chế KTGS giúp quá trình lãnh đạo có khả năng tự điều chỉnh.

##### *Một là, định hướng chiến lược nhất quán gắn với kỷ luật mục tiêu*

Không chỉ dừng lại ở việc xác lập mục tiêu dài hạn, ưu điểm còn bắt nguồn từ khả năng duy trì “tính ổn định định hướng” trong suốt quá trình phát triển. Trong điều kiện môi trường kinh tế biến động, việc không thay đổi định hướng một cách tùy tiện đã giúp tạo ra “kỳ vọng chính sách ổn định” đối với các chủ thể kinh tế. Ở tầng sâu hơn, kỷ luật mục tiêu không chỉ là yêu cầu hành chính mà trở thành một chuẩn mực vận hành, buộc các cấp thực thi phải gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả đầu ra. Chính sự ràng buộc giữa mục tiêu - trách nhiệm - đánh giá đã tạo nên cơ chế tự điều chỉnh trong nội bộ hệ thống, góp phần hạn chế tình trạng “đứt gãy” giữa hoạch định và thực thi.

##### *Hai là, cơ chế tổ chức thực hiện đồng bộ và giảm phân mảnh chính sách*

Hiệu quả của cơ chế này không chỉ nằm ở sự phân công rõ ràng mà còn ở việc hình thành các “liên kết ngang” giữa các ngành, lĩnh vực. Trong thực

tế, nhiều chính sách kinh tế có tính chất liên ngành cao, nếu thiếu cơ chế phối hợp sẽ dễ dẫn đến xung đột hoặc triệt tiêu lẫn nhau. Việc thiết lập chuỗi triển khai từ tỉnh đến cơ sở đã tạo ra một “hệ sinh thái thực thi”, trong đó thông tin được luân chuyển hai chiều: từ trên xuống để chỉ đạo và từ dưới lên để phản hồi. Khi dòng chảy thông tin được duy trì thông suốt, khả năng điều chỉnh chính sách theo thực tiễn được cải thiện, từ đó làm tăng tính khả thi của các nghị quyết.

*Ba là, năng lực quản trị công và ý thức chấp hành kỷ luật công vụ có chuyển biến tích cực*

Ở góc độ sâu hơn, đây là quá trình chuyển đổi từ mô hình “quản lý hành chính” sang “quản trị công hiện đại”. Việc chuẩn hóa quy trình không chỉ nhằm giảm sai sót mà còn tạo nền tảng cho việc kiểm soát quyền lực và hạn chế hành vi tùy tiện. Đồng thời, việc tăng cường trách nhiệm giải trình đã góp phần thay đổi hành vi của đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên nghiệp hơn. Khi kỷ luật công vụ được thực thi nghiêm túc, chi phí không chính thức giảm xuống, môi trường kinh doanh trở nên minh bạch hơn. Điều này có tác động lan tỏa, không chỉ cải thiện hiệu quả điều hành mà còn nâng cao mức độ hấp dẫn của địa phương trong mắt nhà đầu tư.

*Bốn là, sự đồng thuận xã hội và nguồn lực cho phát triển ngày càng được củng cố, mở rộng*

Đồng thuận xã hội không đơn thuần là sự ủng hộ về mặt tinh thần, mà còn là điều kiện để chuyển hóa nguồn lực tiềm năng thành nguồn lực thực tế. Khi người dân và doanh nghiệp tin tưởng vào định hướng phát triển, họ sẵn sàng tham gia đầu tư, mở rộng sản xuất hoặc hợp tác với chính quyền. Ở tầng sâu hơn, sự đồng thuận còn giúp giảm “chi phí xã hội” trong quá trình triển khai chính sách, đặc biệt đối với các dự án liên quan đến giải phóng mặt bằng hoặc tái cơ cấu kinh tế. Như vậy, đồng thuận không chỉ là kết quả của chính sách đúng mà còn là một nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển.

*Cơ chế kiểm tra, giám sát gắn với học hỏi và điều chỉnh chính sách*

Giá trị cốt lõi của cơ chế này nằm ở việc hình thành “vòng lặp học tập chính sách”. Thay vì coi kiểm tra chỉ là công cụ phát hiện sai phạm, việc kết hợp với sơ kết, tổng kết đã giúp biến giám sát thành quá trình tích lũy kinh nghiệm. Khi thông tin phản hồi được xử lý kịp thời, chính sách có thể được điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn với thực tiễn. Ở góc độ hệ thống, điều này góp phần nâng cao năng lực thích ứng - một yếu tố ngày càng quan trọng trong bối cảnh biến động nhanh của môi trường kinh tế.

*Sáu là, thích ứng bước đầu với bối cảnh chuyển đổi số và cạnh tranh phát triển*

Sự thích ứng này không chỉ thể hiện ở việc ứng dụng công nghệ, mà còn ở sự thay đổi trong cách tiếp cận quản trị. Khi dữ liệu bắt đầu được coi là nguồn lực, quá trình ra quyết định dần chuyển từ dựa vào kinh nghiệm sang dựa vào thông tin. Đồng thời, áp lực cạnh tranh giữa các địa phương đã thúc đẩy cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Dù còn ở giai đoạn đầu, nhưng những chuyển biến này đã tạo ra nền tảng cho việc đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng linh hoạt, giảm phụ thuộc vào mệnh lệnh hành chính đơn thuần.

Tổng thể, các ưu điểm trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên hiện nay bắt nguồn từ một hệ nguyên nhân có tính hệ thống: định hướng chiến lược đúng tạo nền tảng; tổ chức triển khai đồng bộ tạo hiệu quả; năng lực bộ máy bảo đảm chất lượng; đồng thuận xã hội tạo nguồn lực; và kiểm tra, giám sát bảo đảm khả năng tự điều chỉnh. Chính sự kết hợp của các nguyên nhân này đã tạo nên tính ổn định, nhất quán và hiệu quả trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy trong giai đoạn hiện nay.

*3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên hiện nay*

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên hiện nay vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Các hạn chế này không chủ yếu xuất phát từ việc thiếu định hướng hay thiếu chủ

trương, mà phần lớn bắt nguồn từ những nguyên nhân nội tại liên quan đến năng lực thực thi, cấu trúc quản trị, yếu tố con người và cơ chế giám sát – phản hồi chính sách. Nhận diện đúng các nguyên nhân này có ý nghĩa quan trọng để làm rõ bản chất vấn đề và tạo cơ sở cho việc đề xuất giải pháp khắc phục.

*Một là, độ trễ trong cụ thể hóa tư duy phát triển vào thực tiễn*

Nguyên nhân sâu xa của độ trễ không chỉ nằm ở quy trình, mà còn ở sự thiếu tương thích giữa mục tiêu và công cụ chính sách. Trong nhiều trường hợp, mục tiêu được xác định ở mức cao nhưng công cụ thực thi lại chưa đủ mạnh hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tế. Điều này dẫn đến tình trạng “khoảng trống chính sách”, nơi các chủ trương chưa thể chuyển hóa thành hành động cụ thể. Khi độ trễ kéo dài, cơ hội phát triển có thể bị bỏ lỡ, đồng thời làm giảm hiệu lực của định hướng chiến lược.

*Hai là, cơ chế phối hợp liên ngành và điều phối thực thi chưa thật chặt chẽ*

Vấn đề không chỉ là thiếu cơ chế phối hợp, mà còn là sự khác biệt về lợi ích và ưu tiên giữa các đơn vị. Trong bối cảnh mỗi ngành có mục tiêu riêng, nếu thiếu một cơ chế điều phối đủ mạnh, các chính sách dễ bị “cục bộ hóa”. Ở tầng sâu hơn, điều này phản ánh hạn chế trong thiết kế thể chế, khi chưa tạo được động lực hợp tác thay vì cạnh tranh nội bộ. Hệ quả là quá trình triển khai bị kéo dài, thậm chí làm giảm hiệu quả của chính sách do thiếu sự đồng bộ.

*Ba là, nút thắt thể chế trong quản trị đất đai và dự án phát triển*

Đây là điểm nghẽn mang tính điển hình, phản ánh sự giao thoa giữa yếu tố pháp lý, kinh tế và xã hội. Sự chồng chéo của quy định khiến quá trình ra quyết định trở nên phức tạp, trong khi các quan hệ lợi ích liên quan đến đất đai lại rất nhạy cảm. Ở tầng thực thi, sự thiếu nhất quán trong áp dụng quy định có thể dẫn đến rủi ro pháp lý cho cán bộ, từ đó làm gia tăng tâm lý thận trọng. Điều này không chỉ kéo dài tiến độ dự án mà còn làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai.

*Bốn là, hạn chế về chất lượng đội ngũ và kỷ luật công vụ*

Ngoài yếu tố năng lực chuyên môn, vấn đề còn nằm ở sự thiếu đồng đều trong thái độ và động lực làm việc. Khi một bộ phận cán bộ chưa thực sự chủ động hoặc còn tâm lý né tránh trách nhiệm, hiệu quả thực thi chính sách bị ảnh hưởng đáng kể. Ở góc độ sâu hơn, điều này cho thấy cơ chế đánh giá và khuyến khích chưa đủ mạnh để tạo động lực đổi mới. Khi không có sự gắn kết chặt chẽ giữa kết quả công việc và lợi ích cá nhân, khó hình thành được một bộ máy thực thi năng động và hiệu quả.

*Năm là, hệ thống giám sát và đánh giá chưa gắn chặt với kết quả thực chất*

Hạn chế này phản ánh sự lệch pha giữa “đo lường” và “mục tiêu”. Khi hệ thống đánh giá vẫn thiên về quy trình, các đơn vị có xu hướng tập trung vào việc hoàn thành thủ tục hơn là tạo ra giá trị thực. Đồng thời, việc thiếu dữ liệu đáng tin cậy làm giảm khả năng đánh giá chính xác tác động của chính sách. Ở tầng sâu hơn, đây là vấn đề của năng lực quản trị dựa trên bằng chứng, khi chưa hình thành đầy đủ các công cụ phân tích và hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định.

*Sáu là, giới hạn của mô hình lãnh đạo truyền thống trước tác động của chuyển đổi số và toàn cầu hóa*

Sự thay đổi nhanh của môi trường phát triển đòi hỏi phương thức lãnh đạo phải có tính linh hoạt cao hơn. Tuy nhiên, mô hình truyền thống vốn dựa nhiều vào quy trình tuyến tính và mệnh lệnh hành chính, nên khó đáp ứng yêu cầu ra quyết định nhanh và chính xác. Ở tầng sâu hơn, đây là thách thức về chuyển đổi mô hình quản trị: từ “quản lý theo quy trình” sang “quản trị theo dữ liệu và kết quả”. Khi quá trình chuyển đổi này chưa hoàn tất, khoảng cách giữa yêu cầu thực tiễn và năng lực hệ thống sẽ tiếp tục tồn tại, làm hạn chế hiệu quả điều hành kinh tế.

Tổng thể, những hạn chế trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên hiện nay bắt nguồn từ các nguyên nhân có tính cấu trúc và nội tại: khoảng cách giữa chủ trương và thực thi; nút thắt đất đai - dự án; hạn chế về chất lượng đội ngũ; giám sát và chuyển đổi số chưa đủ chiều sâu; và cơ chế

phòng ngừa, cải cách quy trình sau kiểm tra chưa thật mạnh. Việc nhận diện đúng các nguyên nhân này là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy trong giai đoạn tiếp theo.

### ***3.2.2. Những kinh nghiệm đối với Tỉnh ủy Hưng Yên trong lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh***

Từ thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế trong thời gian qua, Tỉnh ủy Hưng Yên đã tích lũy được hệ thống kinh nghiệm có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Các kinh nghiệm này không chỉ phản ánh sự vận dụng sáng tạo các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, mà còn cho thấy sự thích ứng trước những biến đổi nhanh của bối cảnh phát triển. Việc khái quát và phân tích những kinh nghiệm này có ý nghĩa quan trọng nhằm tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

*Một là, kiên định định hướng chiến lược phát triển, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện.*

Một trong những kinh nghiệm nổi bật là việc giữ vững trục định hướng dài hạn trong phát triển kinh tế, song không rơi vào tình trạng cứng nhắc trong điều hành. Thực tiễn cho thấy, định hướng chiến lược nếu không được cụ thể hóa bằng hệ thống mục tiêu và công cụ phù hợp thì dễ trở thành hình thức; ngược lại, nếu chỉ chú trọng các chỉ tiêu ngắn hạn sẽ dẫn đến phát triển thiếu bền vững.

Tỉnh ủy đã từng bước thiết lập mối liên kết giữa chiến lược và thực thi thông qua việc lượng hóa mục tiêu, xác lập các chỉ tiêu đánh giá và duy trì cơ chế sơ kết, tổng kết định kỳ. Điều này giúp tạo ra “kỷ luật mục tiêu” trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời tạo điều kiện để điều chỉnh chính sách kịp thời dựa trên thực tiễn. Kinh nghiệm rút ra là: định hướng chiến lược cần được vận hành theo logic quản trị hiện đại, trong đó sự ổn định về mục tiêu đi đôi với khả năng điều chỉnh linh hoạt về công cụ.

*Hai là, coi năng lực thực thi của bộ máy là yếu tố then chốt, gắn cải cách hành chính với công tác tổ chức và cán bộ.*

Trong bối cảnh cạnh tranh phát triển giữa các địa phương ngày càng rõ nét, năng lực thực thi của bộ máy công quyền trở thành yếu tố quyết định hiệu quả chuyển hóa chủ trương thành kết quả cụ thể. Thực tế cho thấy, nhiều chính sách dù đúng đắn nhưng nếu tổ chức thực hiện chậm, thiếu phối hợp hoặc thiếu trách nhiệm thì hiệu quả bị suy giảm đáng kể.

Tỉnh ủy đã chú trọng gắn cải cách hành chính với sắp xếp tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là năng lực chuyên môn và kỹ năng quản trị hiện đại, được coi là điều kiện bảo đảm cho hiệu quả điều hành. Kinh nghiệm đặt ra là: cải cách hành chính chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được triển khai đồng bộ với cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ và tăng cường kỷ luật công vụ.

*Ba là, kết hợp lãnh đạo bằng nghị quyết với tăng cường truyền thông chính sách và vận động xã hội.*

Một điểm đáng chú ý trong thực tiễn là Tỉnh ủy không chỉ dừng lại ở việc ban hành nghị quyết mà còn quan tâm đến quá trình tổ chức thực hiện thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động các chủ thể liên quan. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các lĩnh vực nhạy cảm như giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hoặc tái cơ cấu kinh tế.

Kinh nghiệm cho thấy, khi chính sách được truyền thông đầy đủ, minh bạch và có sự đối thoại với người dân, doanh nghiệp, mức độ đồng thuận xã hội sẽ được nâng lên, từ đó giảm thiểu xung đột và chi phí thực thi. Ngược lại, nếu thiếu thông tin hoặc truyền thông mang tính hình thức, quá trình triển khai dễ gặp trở ngại. Vì vậy, cần coi truyền thông chính sách là một bộ phận hữu cơ của quản trị phát triển, được triển khai xuyên suốt từ khâu xây dựng đến thực hiện và đánh giá chính sách.

*Bốn là, chú trọng quản trị các lĩnh vực trọng điểm như đất đai, giải phóng mặt bằng và hạ tầng theo hướng tiếp cận rủi ro.*

Trong tiến trình phát triển kinh tế, đất đai và hạ tầng luôn là những yếu tố có tác động trực tiếp đến thu hút đầu tư và tăng trưởng. Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro về tiến độ, khiếu kiện và tiêu cực nếu quản lý không chặt chẽ.

Từ thực tiễn, Tỉnh ủy đã từng bước chuyển từ cách tiếp cận xử lý từng vụ việc sang quản trị theo danh mục rủi ro, trong đó chú trọng phân loại dự án, dự báo tình huống phát sinh và xây dựng phương án xử lý phù hợp. Đồng thời, việc tăng cường công khai thông tin, ứng dụng công nghệ trong quản lý và gán trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, từng ngành đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Kinh nghiệm rút ra là: cần tiếp cận các lĩnh vực trọng điểm không chỉ dưới góc độ kỹ thuật, mà còn dưới góc độ quản trị rủi ro thể chế.

*Năm là, phát huy vai trò của công tác kiểm tra, giám sát như một công cụ bảo đảm kỷ luật và nâng cao chất lượng thể chế.*

Thực tiễn cho thấy, kiểm tra, giám sát nếu được thực hiện đúng trọng tâm sẽ không chỉ góp phần phòng ngừa sai phạm mà còn hỗ trợ trực tiếp cho phát triển kinh tế. Đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm, việc tăng cường giám sát giúp phát hiện sớm những dấu hiệu lệch chuẩn và kịp thời chấn chỉnh.

Kinh nghiệm quan trọng là chuyển trọng tâm từ xử lý vi phạm sang phòng ngừa và hoàn thiện cơ chế. Sau mỗi kết luận kiểm tra, cần có giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những bất cập trong quy trình, nâng cao tính minh bạch và kiểm soát xung đột lợi ích. Khi các “điểm nghẽn thể chế” được tháo gỡ, môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

*Sáu là, coi trọng công tác sơ kết, tổng kết như một kênh học hỏi và điều chỉnh chính sách.*

Trong điều kiện phát triển nhanh và nhiều biến động, việc thường xuyên đánh giá lại quá trình thực hiện chính sách có ý nghĩa đặc biệt quan

trọng. Tỉnh ủy đã duy trì nền nếp sơ kết, tổng kết các nghị quyết, qua đó kịp thời nhận diện những hạn chế và điều chỉnh giải pháp cho phù hợp.

Điểm đáng chú ý là việc đánh giá không chỉ dựa trên các chỉ tiêu số lượng mà từng bước chú trọng hơn đến chất lượng tăng trưởng, như hiệu quả sử dụng nguồn lực, năng suất lao động, mức độ đổi mới công nghệ và tác động môi trường. Kinh nghiệm cho thấy, khi hệ thống đánh giá được thiết kế đa chiều, việc điều hành sẽ sát thực tiễn hơn và tránh được xu hướng chạy theo thành tích.

*Bây là, phát huy vai trò của tổ chức đảng và đảng viên trong tổ chức thực hiện, gắn nêu gương với trách nhiệm cụ thể.*

Tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở giữ vai trò quan trọng trong việc đưa chủ trương phát triển kinh tế vào thực tiễn. Đây là lực lượng trực tiếp tham gia tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Kinh nghiệm cho thấy, việc nêu gương chỉ thực sự hiệu quả khi được cụ thể hóa bằng những tiêu chí rõ ràng và gắn với trách nhiệm giải trình. Khi cán bộ, đảng viên thể hiện vai trò tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt ở những lĩnh vực khó khăn, phức tạp, sẽ tạo được niềm tin và sự lan tỏa trong xã hội. Ngược lại, nếu nêu gương mang tính hình thức sẽ khó tạo chuyển biến thực chất.

Tổng thể, những kinh nghiệm nêu trên cho thấy hiệu quả lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy không chỉ phụ thuộc vào tính đúng đắn của chủ trương, mà còn được quyết định bởi chất lượng tổ chức thực hiện, mức độ đồng bộ của HTCT, kỷ luật trong thực thi và khả năng thích ứng với thực tiễn. Việc tiếp tục phát huy và hoàn thiện những kinh nghiệm này sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển kinh tế của địa phương trong thời gian tới.

### Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã tiếp cận thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh theo logic: từ bức tranh phát triển kinh tế địa phương đến vai trò lãnh đạo của cấp ủy, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa đường lối - thể chế - tổ chức thực hiện - nguồn lực - kết quả. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, có thể khẳng định: trong những năm gần đây, kinh tế Hưng Yên đã có bước chuyển tích cực, thể hiện ở năng lực thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất công nghiệp - dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao môi trường kinh doanh và từng bước phát triển các ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học - công nghệ. Những kết quả đó phản ánh nỗ lực đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự vào cuộc của cả HTCT và sự năng động của cộng đồng doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, thực trạng cũng cho thấy phát triển kinh tế của tỉnh vẫn còn những điểm nghẽn và một số hạn chế. Các hạn chế này bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan (biến động thị trường, tác động hội nhập, sức ép cạnh tranh, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng...) và nguyên nhân chủ quan (tư duy phát triển, năng lực hoạch định - tổ chức thực hiện, phối hợp liên ngành, chất lượng cán bộ, cơ chế KTGS, hiệu lực quản trị địa phương...).

Nhìn tổng thể, kết quả phát triển kinh tế của Hưng Yên thời gian qua là cơ sở quan trọng để tiếp tục khơi thông động lực tăng trưởng mới; đồng thời, những hạn chế cũng là gợi mở thực tiễn nhằm hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Việc quán triệt sâu sắc các bài học kinh nghiệm và triển khai đồng bộ giải pháp sẽ góp phần đưa Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và củng cố vững chắc vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước.

## Chương 4

### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY HUNG YÊN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH THỜI GIAN TỚI

**4.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh thời gian tới**

*4.1.1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế*

*4.1.1.1. Thuận lợi*

*Một là*, những thành tựu của công cuộc đổi mới của đất nước, của tỉnh Hưng Yên trong gần 40 năm qua sẽ tạo ra nền tảng vững chắc, mang lại nhiều thuận lợi cho sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh trong thời gian tới.

Thành tựu từ công cuộc đổi mới của đất nước sẽ tiếp tục tạo ra những tiền đề và động lực quan trọng cho công tác lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, công cuộc đổi mới của đất nước bước vào giai đoạn chiều sâu (số hóa, xanh hóa và hội nhập toàn diện). Điều này tạo ra những tác động thuận lợi rất cơ bản cho Tỉnh ủy Hưng Yên trong công tác lãnh đạo phát triển kinh tế. Thành tựu đổi mới trong đầu tư công quốc gia (đường cao tốc, đường vành đai) biến Hưng Yên từ vị trí "cửa ngõ" thành "trung tâm" kết nối. Tuyến Đường vành đai 4 vùng Thủ đô và các cầu nối qua sông Hồng, sông Luộc (như cầu Ngọc Hồi) sẽ mở rộng không gian phát triển kinh tế về phía Nam và phía Đông của tỉnh, giúp Tỉnh ủy Hưng Yên thuận lợi lãnh đạo điều phối quy hoạch các khu đô thị vệ tinh và khu công nghiệp quy mô lớn, thu hút các nhà đầu tư chiến lược muốn tận dụng Logistics của vùng.

*Hai là*, việc tỉnh Hưng Yên được mở rộng sau sáp nhập với tỉnh Thái Bình đã mở ra không gian phát triển mới, nhất là về kinh tế, văn hóa, xã hội, do đó sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

Từ một tỉnh thuần nông khi mới tái lập, Hưng Yên đã vươn lên trở thành tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế) ấn tượng, thường xuyên nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (đạt 9,17%/năm giai đoạn 2020-2025, xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phía Bắc). Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh đã tăng mạnh, dự kiến đạt hơn 328.000 tỷ đồng vào năm 2025. Sự tích lũy về vốn và cơ sở hạ tầng trong nhiều năm qua chính là "bộ phóng" để Tỉnh ủy tiếp tục đưa ra những quyết sách táo bạo hơn trong đầu tư công và thu hút đầu tư. Qua 40 năm đổi mới, Tỉnh ủy Hưng Yên tích lũy được những bài học quý báu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, sẽ giúp việc chỉ đạo hiện nay có tính thực tiễn và hiệu quả cao hơn. Đặc biệt, vùng phía Nam tỉnh sẽ mở ra không gian phát triển kinh tế biển rất tiềm năng, mở rộng nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên thời gian tới.

*Ba là*, trong kỷ nguyên phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục ban hành và triển khai thực hiện quyết liệt nhiều chủ trương, chính sách mới, trong đó, sẽ có những chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế. Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành loạt nghị quyết tháo gỡ những điểm nghẽn cho phát triển, như: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/ TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước (được ban hành ngày 6/1/2026); Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam (được ban hành ngày 7/1/2026)... Đây là những nghị quyết có ý nghĩa chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực then chốt của đất nước; là những định hướng lớn, đồng bộ, thể hiện tư duy đổi mới, tầm nhìn dài hạn và quyết tâm chính trị rất cao của Đảng; là nền tảng để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, đưa đất nước vươn mình phát triển giàu mạnh và thịnh vượng trong kỷ nguyên mới. Trong thời gian tới, việc thực hiện các nghị quyết này cùng với

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV sẽ được đẩy mạnh, Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách mới thúc đẩy phát triển kinh tế mạnh mẽ. Những quyết sách lớn này sẽ tạo ra nhiều xung lực mới hỗ trợ cho việc Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế. Đặc biệt, Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng đã xác định Hưng Yên là một mắt xích quan trọng trong cực tăng trưởng phía Bắc. Các cơ chế liên kết vùng sẽ này giúp Tỉnh ủy Hưng Yên thuận lợi hơn trong việc lãnh đạo phối hợp hạ tầng giao thông (như đường vành đai 4, cầu Ngọc Hồi) với các địa phương lân cận.

Các chính sách mới về kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn từ Trung ương sẽ tạo ra cơ sở chính trị, khung pháp lý để Tỉnh ủy Hưng Yên cụ thể hóa thành các nghị quyết chuyên đề phát triển kinh tế, giúp doanh nghiệp yên tâm đầu tư, tạo ra những bước đột phá về kinh tế cho tỉnh.

*Bốn là*, sự bùng nổ của khoa học - công nghệ hiện nay là một yếu tố thuận lợi để tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh. Công nghệ 4.0 giúp Tỉnh ủy thực hiện tốt hơn công tác giám sát, điều hành kinh tế thông qua dữ liệu số, từ đó ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn. Sự bùng nổ của tự động hóa, AI và IoT sẽ cho phép các khu công nghiệp tại Hưng Yên thu hút các dự án công nghệ cao, phát thải thấp, phù hợp với xu hướng kinh tế xanh toàn cầu theo đúng định hướng của Tỉnh ủy. Nhiều doanh nghiệp ở Hưng Yên đang và sẽ đi đầu trong thực hiện các chủ trương lãnh đạo của Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ. Công nghệ 4.0 cũng mở ra cơ hội cho nông nghiệp thông minh, giúp thực hiện chủ trương lãnh đạo của Tỉnh ủy về duy trì thế mạnh nông nghiệp hàng hóa (nhãn lồng, cây ăn quả) nhưng với năng suất và giá trị gia tăng cao hơn nhiều lần so với truyền thống.

#### *4.1.1.2. Khó khăn*

*Một là*, áp lực từ sự cạnh tranh thu hút đầu tư và "bẫy" gia công sẽ ngày càng trở thành thách thức trong sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Mặc dù Hưng Yên có lợi thế về địa lý, nhưng áp lực cạnh tranh

đang ngày càng gay gắt. Các tỉnh lân cận trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (như Bắc Ninh, Hải phòng, Quảng Ninh) đang có những bước tiến rất nhanh về hạ tầng và cơ chế ưu đãi vượt trội. Nếu sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy không tạo được đột phá về môi trường đầu tư, Hưng Yên dễ bị tụt hậu trong cuộc đua thu hút các tập đoàn đa quốc gia. Phần lớn các dự án công nghiệp hiện nay vẫn tập trung ở khâu gia công, lắp ráp, sử dụng nhiều lao động nhưng giá trị gia tăng thấp. Thách thức đối với Tỉnh ủy là làm sao lãnh đạo chuyển dịch từ "thu hút đầu tư bằng mọi giá" sang "chọn lọc đầu tư chất lượng cao" có hàm lượng công nghệ lớn.

*Hai là*, điểm nghẽn về hạ tầng giao thông và quỹ đất sẽ còn là những thách thức không nhỏ đối với sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Mặc dù Hưng Yên đã có những bước tiến dài trong việc kết nối với Hà Nội và Hải Phòng, nhưng hệ thống giao thông vẫn đối mặt với 3 thách thức lớn: *Thứ nhất* là sự thiếu đồng bộ giữa các trục giao thông nội tỉnh và liên tỉnh, liên vùng: Nhiều tuyến quốc lộ, cao tốc chạy qua tỉnh (như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, QL5) đã hiện đại, nhưng hệ thống đường tỉnh, đường liên xã kết nối vào các khu công nghiệp (KCN) vẫn còn hẹp, xuống cấp hoặc chưa hoàn thiện. Điều này tạo ra tình trạng "nút thắt cổ chai", làm tăng chi phí vận tải và giảm hiệu quả logistics cho doanh nghiệp. *Thứ hai* là áp lực kết nối liên vùng. Dự báo trong giai đoạn 2025-2030, khi các dự án lớn như đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô và các cầu vượt sông Hồng (như cầu Ngọc Hồi, cầu Mỹ Sở) triển khai, áp lực về vốn đầu tư công và công tác phối hợp liên tỉnh sẽ là bài toán khó cho Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo đảm bảo tiến độ đồng bộ. *Thứ ba* là tại một số KCN, hệ thống đường giao thông nội bộ, cấp thoát nước và xử lý nước thải vẫn chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc thu hút các nhà đầu tư thứ cấp khó tính từ các quốc gia phát triển.

Về quỹ đất và giải phóng mặt bằng: Đây được coi là "mấu chốt của mọi mấu chốt" gây chậm trễ cho các dự án kinh tế trọng điểm. Quỹ đất sạch có thể bàn giao ngay hiện nay không còn nhiều. Trong khi đó, nhu cầu của các tập đoàn công nghệ lớn thường cần diện tích tập trung từ hàng trăm ha trở lên.

Việc chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, đô thị gặp thách thức lớn do giá đất thị trường biến động nhanh.

*Ba là*, chất lượng nguồn nhân lực và chuyển dịch lao động sẽ vẫn còn là thách thức với sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Phần lớn lao động chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp chưa qua đào tạo bài bản, chưa đáp ứng được yêu cầu của kỷ nguyên 4.0. Việc tập trung lượng lớn công nhân tại các khu công nghiệp tạo ra áp lực khổng lồ về nhà ở, y tế, giáo dục và các thiết chế văn hóa. Nếu không lãnh đạo tốt vấn đề này, sẽ dễ dẫn đến các hệ lụy về trật tự xã hội.

*Bốn là*, việc sáp nhập tỉnh, mở rộng địa giới, sắp xếp lại đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế giai đoạn 2023 - 2030 và bố trí người đứng đầu các tỉnh không phải là người địa phương, bên cạnh việc tạo ra những cơ hội phát triển to lớn, lâu dài, sẽ có thể nảy sinh những khó khăn đối với sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Khoảng cách lãnh đạo từ tỉnh xuống cơ sở trở nên trực tiếp hơn nhưng cũng gây áp lực khổng lồ lên bộ máy cấp tỉnh. Tỉnh ủy sẽ phải trực tiếp quản lý, điều hành hàng trăm đơn vị cấp xã mà không có cấp trung gian là cấp huyện như trước. Việc phê duyệt quy hoạch, giải ngân vốn đầu tư công hoặc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tại địa phương có thể bị chậm trễ nếu hệ thống dữ liệu số và quy trình vận hành chưa thực sự đồng bộ. Việc sắp xếp lại các vị trí chủ chốt, đặc biệt là các chức danh lãnh đạo Sở, ngành sau khi sáp nhập có thể dẫn đến những xáo trộn về tâm lý khó lường. Việc bố trí người đứng đầu tỉnh không phải là người địa phương, bên cạnh mặt tích cực cũng có thể phát sinh trở ngại cho việc Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh, do người đứng đầu phải mất một thời gian để tìm hiểu, chọn người. Nếu không thực hiện tốt công tác tư tưởng và chính sách hỗ trợ, sự nhiệt huyết trong công tác tham mưu phát triển kinh tế có thể bị giảm sút.

*Năm là*, tình hình chính trị và kinh tế thế giới sẽ tiếp tục biến động, tạo ra những thách thức khó lường và phức tạp cho sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Những căng thẳng địa chính trị trên diện rộng với

việc bùng nổ các cuộc xung đột quân sự phức tạp, khó lường, nhất là cuộc xung đột quân sự giữa Mỹ, Israel và Iran, nhiều khả năng khiến thương mại toàn cầu tiếp tục bị phân mảnh, ách tắc, đứt chuỗi cung ứng, buộc các doanh nghiệp phải đẩy nhanh đa dạng hóa chuỗi cung ứng và đưa sản xuất về gần thị trường tiêu thụ hơn. Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại trong năm 2026 do thương mại quốc tế chịu tác động tiêu cực từ các chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Như vậy, bên cạnh những thuận lợi, sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên trong thời gian tới (đặc biệt là giai đoạn 2026 - 2030) cũng sẽ đối mặt với nhiều "con gió ngược" từ tình hình chính trị và kinh tế thế giới, nhất là những tác động tiêu cực từ Hưng Yên là tỉnh có độ mở kinh tế cao với nhiều dự án FDI. Việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu có thể vẫn diễn biến khó lường, thậm chí làm đình trệ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp lớn trong tỉnh (vốn phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và thị trường xuất khẩu). Tỉnh ủy sẽ phải đối mặt với áp lực duy trì tăng trưởng khi chi phí logistics và giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP).

Sáu là, biến đổi khí hậu và yêu cầu khắt khe về môi trường sẽ là những thách thức ngày càng tăng đối với sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Hưng Yên nằm ở vùng hạ lưu sông Hồng, chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu. Sự thay đổi quy luật dòng chảy và các hiện tượng thời tiết cực đoan đe dọa cả sản xuất công nghiệp lẫn nông nghiệp đặc sản. Các thị trường quốc tế đang áp đặt "thuế carbon" và các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt. Đây là thách thức lớn đối với Tỉnh ủy trong việc chỉ đạo chuyển đổi các khu công nghiệp truyền thống sang khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn để không bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu.

#### ***4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh thời gian tới***

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đề ra Mục tiêu phát triển tổng quát của đất nước đến năm 2030 là: "...tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của

dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên CNXH”. Về kinh tế, 5 năm 2026 - 2030 phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định phương hướng, mục tiêu đến năm 2045 xây dựng, phát triển tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững hơn, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại và là thành phố trực thuộc Trung ương giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Về kinh tế, Đại hội đề ra mục tiêu: Xây dựng nền kinh tế năng động và phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh và kinh tế biển mạnh.

Để thực hiện thắng lợi những định hướng lớn và mục tiêu phát triển kinh tế của cả nước, của tỉnh Hưng Yên, yếu tố quyết định hàng đầu là phải tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh trong thời gian tới theo phương hướng sau:

*Một là, gắn lãnh đạo phát triển kinh tế với lãnh đạo phát triển các lĩnh vực khác.* Tỉnh ủy Hưng Yên cần quán triệt quan điểm phát triển xuyên suốt của Đại hội XIV là: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên. Để bảo đảm sự hài hòa và hỗ trợ lẫn nhau giữ các lĩnh vực trong phát triển, Tỉnh ủy phải lãnh đạo gắn phát triển kinh tế với phát triển Văn hóa - Xã hội, không đánh đổi môi trường và tiến bộ, công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Cần lãnh đạo gắn kết các khu công nghiệp với việc xây dựng thiết chế văn hóa cho

công nhân. Phát triển kinh tế du lịch dựa trên việc bảo tồn, phát huy giá trị quần thể di tích Phố Hiến và các làng nghề truyền thống. Nguồn lực từ kinh tế (thu ngân sách) được tái đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, y tế và an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống để người dân thụ hưởng trực tiếp thành quả phát triển.

*Hai là, tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh đúng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tạo nên những bước ngoặt phát triển mang tính đột phá.* Để tạo ra những bước ngoặt phát triển mang tính đột phá, thay vì đầu tư dàn trải, sự lãnh đạo cần dồn lực vào những địa bàn và lĩnh vực có khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa cực đại.

(1) Trọng điểm về không gian: "Sông Hồng là mặt tiền - Vành đai 4 là động lực". Tỉnh ủy cần định hướng chuyển dịch hoàn toàn không gian kinh tế để thoát khỏi tư duy "tĩnh lẻ", hòa nhập vào cấu trúc cốt lõi của Vùng Thủ đô. Vùng kinh tế phía Bắc (Trọng điểm đô thị - công nghiệp công nghệ cao): Tập trung vào Văn Giang, Văn Lâm, Mỹ Hào để hình thành các siêu đô thị thông minh và các KCN điện tử, bán dẫn. Vùng kinh tế phía Nam (Trọng điểm nông nghiệp sạch - du lịch tâm linh): Phát triển trục di sản sông Hồng, kết nối TP. Hưng Yên với các tuyến du lịch đường thủy, lấy Phố Hiến làm hạt nhân. Hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ: Dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường Vành đai 4.

(2) Trọng tâm về ngành: "Từ thâm dụng lao động sang thâm dụng công nghệ". Cần xác định đây là bước ngoặt quan trọng nhất để nâng cao giá trị GRDP. Công nghiệp "mở neo": Lãnh đạo tập trung thu hút các tập đoàn đa quốc gia (FDI) đóng vai trò dẫn dắt chuỗi cung ứng. Ưu tiên các ngành: điện tử, cơ khí chính xác, thiết bị y tế và công nghiệp hỗ trợ. Logistics cấp vùng: Lãnh đạo xây dựng các cảng cạn (ICD) và trung tâm logistics lớn tại Kim Động, Ân Thi để trở thành "trạm trung chuyển" của cả vùng Đồng bằng sông Hồng. Biên Văn Giang trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại và giáo dục đẳng cấp quốc tế, tạo nguồn thu bền vững từ dịch vụ chất lượng cao.

(3) Trọng điểm về hạ tầng: "Giao thông đi trước, mở đường cho phát triển". Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo hoàn thiện mạng lưới giao thông để phá vỡ các điểm nghẽn về địa lý. Về dự án trọng điểm cần lãnh đạo tập trung tối đa nguồn lực cho đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, và các cây cầu lớn qua sông Hồng để kết nối trực tiếp với Hà Nội và Thái Bình; lãnh đạo đẩy mạnh đầu tư hệ thống 5G và các trung tâm dữ liệu tại các KCN mới để sẵn sàng cho các nhà đầu tư công nghệ cao.

(4) Trọng tâm về cải cách: "Chính quyền số và phục vụ". Sự lãnh đạo tập trung vào việc tạo ra một môi trường đầu tư "không khoảng cách" giữa chính quyền và doanh nghiệp với mô hình 5 tại chỗ: Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt các thủ tục đầu tư ngay tại chỗ để rút ngắn 30-50% thời gian hành chính. Tập trung lãnh đạo chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản trị thông minh giúp lãnh đạo tỉnh nắm bắt biến động kinh tế theo thời gian thực (Real-time), từ đó đưa ra quyết định chính xác và kịp thời.

*Ba là, tập trung lãnh đạo kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tổ chức chuyên trách trực tiếp phát triển kinh tế của tỉnh, bảo đảm đủ khả năng thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế của tỉnh. Đề tăng cường sự lãnh đạo kinh tế của Tỉnh ủy, tạo ra những bước bứt phá về kinh tế đến năm 2030, Tỉnh ủy Hưng Yên cần xác định việc kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng các tổ chức chuyên trách là nhân tố quan trọng để chuyển hóa các nghị quyết thành kết quả thực tế.*

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kinh tế, coi đây là "điểm tựa" cho mọi sự thay đổi. Lãnh đạo tổ chức các chương trình đào tạo về kinh tế quốc tế, luật pháp thương mại toàn cầu, ngoại ngữ và kỹ năng đàm phán cho cán bộ chuyên trách.

*Bốn là, coi đổi mới phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế theo hướng tập trung, quyết liệt là đột phá quan trọng; bảo đảm huy động sức mạnh cả HTCT và các tầng lớp nhân dân, phát huy các lợi thế của tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế. Tỉnh ủy Hưng Yên cần xác định việc đổi mới*

phương thức lãnh đạo không chỉ là một nhiệm vụ chính trị mà là một trong những đột phá quan trọng nhất để khơi thông mọi nguồn lực kinh tế. Sự chuyển dịch từ phương thức lãnh đạo hành chính sang phương thức tập trung, quyết liệt và kiến tạo chính là "chìa khóa" để đưa tỉnh bứt phá.

Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy phải bảo đảm sự phối hợp, huy động sức mạnh cả HTCT và các tầng lớp nhân dân, phát huy các lợi thế của tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế. Định hướng lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên về việc huy động sức mạnh tổng hợp cần được xây dựng trên quan điểm: Phát huy nội lực là quyết định, thu hút ngoại lực là quan trọng, sức mạnh nhân dân là gốc. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo việc khơi dậy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và mọi nguồn lực trong xã hội.

#### **4.2. Những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh thời gian tới**

##### ***4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy, tổ chức đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế trong thời gian tới***

Nhận thức và trách nhiệm là "chìa khóa" để định hướng sự quan tâm, quyết tâm chính trị đổi mới sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy, đảm bảo Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện được vai trò người cầm lái vững vàng trong hành trình phát triển kinh tế, đưa tỉnh trở thành đô thị công nghiệp hiện đại. Do đó, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy, tổ chức đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế là yêu cầu tiên quyết để thực hiện tăng cường sự lãnh đạo đối với phát triển kinh tế. Nhận thức đúng đắn giúp Tỉnh ủy và toàn bộ hệ HTCT nhìn thấy tầm quan trọng và tính cấp bách của phát triển kinh tế và việc tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế. Nếu Tỉnh ủy và các cấp ủy không nhận thức rõ yêu cầu, trách nhiệm thì không thể tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế.

#### 4.2.1.1. Những nội dung cần được nâng cao nhận thức

Để tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế, Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung nâng cao những nhận thức cốt lõi, mang tính chiến lược, phù hợp với mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại và thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2045. Dưới đây là các nhận thức cần được nâng cao:

1) Nhận thức về sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng: Cần nhận thức sâu sắc rằng, không thể tiếp tục dựa vào tăng trưởng theo chiều rộng (vốn, lao động giá rẻ) mà phải chuyển sang chiều sâu (năng suất, chất lượng, hiệu quả). Động lực chính phải là khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2) Nhận thức về mục tiêu phát triển của tỉnh: Phải nhận thức rõ Hưng Yên không chỉ dừng lại ở mức tỉnh phát triển trung bình, mà phải hướng tới các mục tiêu cao hơn (GRDP đầu người cao, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương), từ đó có tư duy hành động quyết liệt, chấp nhận rủi ro trong khuôn khổ để đạt được mục tiêu lớn.

3) Nhận thức về kết nối vùng: Hưng Yên là một phần của Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng Đồng bằng sông Hồng. Cần nhận thức rõ vị trí chiến lược, khai thác tối đa lợi thế giao thông, liên kết về hạ tầng, logistics, và thị trường để thu hút đầu tư, tránh tư duy cục bộ, khép kín.

4) Nhận thức về vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo kinh tế và kiến tạo của Đảng nói chung, Tỉnh ủy Hưng Yên nói riêng: Sự lãnh đạo của Đảng không phải là làm thay công việc của chính quyền hay can thiệp hành chính vào sản xuất, mà là lãnh đạo, kiến tạo môi trường thuận lợi nhất cho phát triển. Nội dung lãnh đạo kinh tế tập trung vào việc xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách đột phá, loại bỏ rào cản, và tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Tóm lại, việc nâng cao nhận thức phải chuyển hóa từ lý luận sang hành động thực tiễn trong toàn bộ HTCT, đảm bảo sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế theo hướng Hiện đại, Hiệu quả, và Kiến tạo.

#### 4.2.1.2. Biện pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm

Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy, tổ chức đảng đối với việc tăng cường sự lãnh đạo phát triển kinh tế, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

- *Tổ chức học tập, quán triệt nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy (đặc biệt là các nghị quyết về phát triển kinh tế- xã hội, về kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số và phát triển Vùng Đồng bằng sông Hồng)*. Quán triệt nghị quyết phải đi đôi với phân tích tình hình thực tiễn của Hưng Yên (điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức) để mọi cấp ủy hiểu rõ vì sao phải hành động và hành động như thế nào. Để tổ chức các lớp bồi dưỡng về kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn một cách thực chất cho đội ngũ cán bộ chủ chốt (thường là cấp ủy viên, lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương), cách làm cần thoát ly khỏi lối mòn "giảng đường truyền thống". Đổi mới phương pháp tổ chức học, áp dụng mô hình đào tạo tích hợp để tối ưu thời gian của cán bộ lãnh đạo, như:

*Học tập qua trải nghiệm*: Thay vì ngồi hội trường, tổ chức các chuyến khảo sát trực tiếp tại các đơn vị tiên phong (ví dụ: tham quan mô hình vận hành số tại KCN Thăng Long II hoặc các doanh nghiệp đạt chuẩn xanh tại Việt Nam).

*Mô hình "Lớp học đảo ngược"*: Gửi tài liệu, video bài giảng chuyên gia qua ứng dụng di động trước. Thời gian trên lớp chỉ dành để thảo luận và giải quyết các bài toán cụ thể của tỉnh Hưng Yên.

Kết hợp giữa nghe báo cáo chuyên đề và thảo luận bàn tròn. Mỗi buổi học kết thúc bằng một "bản thu hoạch" là giải pháp cho một vấn đề thực tế. Thành công của các lớp này không đo bằng số lượng học viên tham gia, mà đo bằng số lượng sáng kiến được áp dụng vào thực tế sau khóa học.

Về giảng viên, không chỉ sử dụng giảng viên các trường Đảng, cần mời "người thật, việc thật", như: Mời lãnh đạo các tập đoàn công nghệ lớn để chia sẻ về xu hướng chuyển đổi số toàn cầu. Mời các nhà tư vấn chính sách quốc tế để cập nhật về các hàng rào kỹ thuật xanh của thế giới mà hàng hóa xuất

khẩu của tỉnh sẽ phải đối mặt. Mời lãnh đạo các địa phương đã thành công để chia sẻ kinh nghiệm thực tế về cải cách và chuyển đổi mô hình kinh tế.

- *Xây dựng Chương trình hành động thực chất, cụ thể, rõ trách nhiệm:*  
 Mỗi cấp ủy phải xây dựng chương trình hành động riêng, dựa trên đặc thù địa phương, tránh "sao chép" nghị quyết cấp trên. Để xây dựng một Chương trình hành động thực chất nhằm triển khai nghị quyết về phát triển kinh tế, Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy cần chuyển từ hình thức soạn thảo văn bản thông thường sang dạng "thiết kế dự án thực thi", cụ thể hóa mục tiêu nghị quyết thành "Danh mục dự án/nhiệm vụ". Thay vì nhắc lại các chỉ tiêu chung của tỉnh, mỗi cấp ủy phải cụ thể hóa thành các đầu việc có thể đo lường được. Nên xác định các nhiệm vụ trọng tâm "đột phá" trong nhiệm kỳ. Mỗi nhiệm vụ trong chương trình hành động phải gắn với tên một đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp (Ủy viên Ban Thường vụ hoặc lãnh đạo đơn vị). Người đứng đầu cấp ủy cấp dưới cam kết với cấp ủy cấp trên về các mốc thời gian hoàn thành. Kết quả này là căn cứ cao nhất để xét thi đua, khen thưởng và quy hoạch cán bộ. Chương trình hành động của mỗi đơn vị phải phản ánh được đặc thù riêng. Chương trình hành động cần chỉ rõ nguồn vốn thực hiện; cơ chế hỗ trợ. Đề xuất các cơ chế đặc thù, ưu đãi hoặc đơn giản hóa quy trình phối hợp liên ngành để "thông luồng" cho dự án. Để thực chất, chương trình hành động không cần quá dài về số trang, nhưng cần cụ thể các con số cam kết và lộ trình thực thi rõ ràng.

- *Xác định rõ "Trách nhiệm cá nhân" và "Gương mẫu thực hiện"*

Cấp ủy lãnh đạo bằng chủ trương, định hướng và kiểm tra, không làm thay công việc của chính quyền nhưng phải chịu trách nhiệm cuối cùng về kết quả kinh tế tại địa phương mình. Gắn kết quả kinh tế với công tác cán bộ, đưa các chỉ tiêu phát triển kinh tế (như tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, thu hút FDI, chỉ số cải cách hành chính) vào bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy hằng năm. Để việc lãnh đạo phát triển kinh tế không dừng lại ở những khẩu hiệu chung chung, Tỉnh ủy Hưng Yên cần chuyển từ cơ chế "trách nhiệm tập thể" sang mô hình định danh trách

nhiệm cá nhân gắn liền với quyền lợi và vị trí công tác. Mỗi đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư cấp ủy cấp dưới phải có một "Bản cam kết trách nhiệm" hằng năm với các chỉ số kinh tế cụ thể (KPIs). Kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế trọng điểm phải là căn cứ số một để đánh giá cán bộ. Cán bộ lãnh đạo 02 năm liên tiếp không hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế quan trọng hoặc để địa phương trì trệ, mất cơ hội đầu tư thì phải xem xét điều chuyển hoặc cho thôi giữ chức vụ, không đợi hết nhiệm kỳ. Xây dựng hệ thống dữ liệu theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế của từng cán bộ chủ chốt để làm cơ sở cho công tác quy hoạch và bổ nhiệm.

- *Đề cao trách nhiệm làm gương về tinh thần trách nhiệm, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước khó khăn đi đôi với thiết lập cơ chế "Bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm"*. Người đứng đầu và các cấp lãnh đạo phải làm gương về tinh thần trách nhiệm, sâu sát cơ sở và dám chịu trách nhiệm trước khó khăn; thực hiện theo tinh thần học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Sự gương mẫu của lãnh đạo Tỉnh ủy và các cấp ủy không chỉ là lời nói mà phải thể hiện qua các hành vi cụ thể. Lãnh đạo phải là người đầu tiên sử dụng các nền tảng số trong điều hành, "ký số", và xử lý công việc trên môi trường mạng để làm gương cho cấp dưới. Người đứng đầu cấp ủy phải dành ít nhất 1-2 ngày trong tháng để trực tiếp xuống doanh nghiệp, dự án trọng điểm để lắng nghe và giải quyết vướng mắc, thay vì chỉ nghe báo cáo qua văn bản. Lãnh đạo phải gương mẫu trong việc tạo ra môi trường đầu tư minh bạch, tuyệt đối không có hành vi gây khó khăn, những nhiễu hoặc "lợi ích nhóm" trong phê duyệt dự án.

- *Sử dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số đổi mới phương pháp tuyên truyền*. Việc đổi mới phương pháp tuyên truyền về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong phát triển kinh tế thông qua chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu cấp thiết để thông tin đến gần hơn, hiệu quả hơn với cán bộ, đảng viên, nhân dân và doanh nghiệp. Cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để truyền tải các chủ trương, quyết sách kinh tế của Tỉnh ủy một cách kịp thời, hiệu quả đến tận cấp cơ sở và người dân. Đa

dạng hóa hình thức nội dung số. Thay vì các văn bản dài dòng, khó tiếp cận, có thể chuyển hóa thông tin thành các định dạng hấp dẫn, như: Infographic & Motion Graphics, tóm tắt các chỉ tiêu kinh tế, dự án trọng điểm qua hình ảnh đồ họa động; Short Videos (TikTok, Reels, Youtube Shorts), xây dựng các video ngắn dưới 60 giây giới thiệu về môi trường đầu tư, các khu công nghiệp (KCN) tiêu biểu hoặc các gương điển hình làm kinh tế giỏi; Podcast Chính trị - Kinh tế, sản xuất các số podcast định kỳ phỏng vấn các chuyên gia, lãnh đạo sở ngành về định hướng phát triển của Tỉnh ủy để người dân có thể nghe mọi lúc, mọi nơi.

Tận dụng sức mạnh của Mạng xã hội và Trí tuệ nhân tạo (AI), xây dựng các Fanpage Facebook, Zalo OA (Official Account) của các cơ quan Đảng và chính quyền. Tích hợp Chatbot trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy để giải đáp tự động các thắc mắc của doanh nghiệp về chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính. Ứng dụng Công nghệ Thực tế ảo (VR) và Thực tế tăng cường (AR) cho phép các nhà đầu tư từ xa (trong và ngoài nước) tham quan các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông trọng điểm của Hưng Yên qua kính VR hoặc màn hình 360 độ. Sử dụng AR trong triển lãm kinh tế để khi người dân quét mã QR trên các pano, áp phích tuyên truyền, công nghệ AR sẽ hiển thị các mô hình 3D về các dự án tương lai hoặc biểu đồ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Sử dụng các công cụ công nghệ để theo dõi tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và phản hồi của doanh nghiệp về các chính sách kinh tế. Từ đó, Tỉnh ủy có thể điều chỉnh nội dung tuyên truyền "trúng" và "đúng" vấn đề dư luận quan tâm. Xây dựng bảo tàng số hoặc thư viện điện tử lưu trữ toàn bộ các nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy qua các thời kỳ, giúp việc tra cứu thông tin trở nên minh bạch và dễ dàng...

#### ***4.2.2. Đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, bảo đảm đi đúng vào những vấn đề trọng tâm trong phát triển kinh tế của tỉnh***

Việc đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế là rất cần thiết để đảm bảo các văn kiện này thực sự đi đúng vào

những vấn đề trọng tâm, then chốt trong phát triển kinh tế của tỉnh. Nghị quyết của Tỉnh ủy phải là kim chỉ nam, là kỷ luật đề cấp ủy, tổ chức đảng các cấp triển khai, nếu không rõ ràng sẽ dẫn đến tình trạng lúng túng, làm việc tùy tiện hoặc né tránh trách nhiệm ở cấp dưới. Các nghị quyết nếu không đổi mới, dễ mắc phải bệnh dàn trải, ôm đồm mọi lĩnh vực, không có trọng tâm, trọng điểm, dẫn đến việc triển khai khó khăn và thiếu nguồn lực tập trung. Đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy giúp nghị quyết tập trung vào các vấn đề cụ thể, có giải pháp rõ ràng, phân công trách nhiệm chi tiết và có lộ trình thực hiện, đảm bảo tính khả thi cao hơn trong thực tiễn. Nếu nghị quyết không chất lượng, không sát với thực tiễn, sẽ làm giảm sút uy tín, vai trò, và hiệu lực lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với các cấp ủy, tổ chức đảng và toàn hệ thống chính trị.

#### *4.2.2.1. Yêu cầu mới đối với các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế*

*Một là*, nghị quyết tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm và đột phá. Hưng Yên đang chuyển đổi mạnh mẽ, hướng tới mô hình công nghiệp hiện đại và đô thị thông minh. Các nghị quyết cần phải được đổi mới để phản ánh và lãnh đạo sự chuyển đổi này, tập trung vào các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển công nghiệp công nghệ cao, huy động và phát triển nguồn lực vào các khâu đột phá chiến lược (hạ tầng, nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính). Đây là những nội dung lãnh đạo khác biệt với các nghị quyết trong giai đoạn trước.

*Hai là*, mọi nghị quyết kinh tế phải bám sát và cụ thể hóa các định hướng trong Quy hoạch tỉnh Hưng Yên đã được phê duyệt, đảm bảo tính thống nhất và dài hạn.

*Ba là*, các nghị quyết lãnh đạo kinh tế của Tỉnh ủy cần đi vào xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, như: công tác giải phóng mặt bằng, chất lượng quy hoạch, thủ tục hành chính phức tạp... Nghị quyết cần được xây dựng theo hướng tập trung hóa để giải quyết triệt để các vấn đề này.

*Bốn là*, nghị quyết phải xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế, nhưng phải có tư duy vượt trội để định hướng tương lai, tránh tình trạng "theo đuôi"

thực tiễn. Đồng thời nghị quyết mới cần có các chỉ tiêu định lượng rõ ràng (ví dụ: tỉ lệ lấp đầy khu công nghiệp, tốc độ tăng trưởng GRDP, mức thu nhập bình quân đầu người), giúp việc KTGS dễ dàng hơn.

*Năm là*, tăng tính định lượng trong nghị quyết. Các mục tiêu và chỉ tiêu trong nghị quyết phải cụ thể, đo lường được, khả thi, liên quan, và có thời hạn, giúp việc giám sát và đánh giá dễ dàng. Nên xây dựng các kịch bản kinh tế kèm theo nghị quyết để lường trước các rủi ro (kinh tế thế giới, biến đổi khí hậu) và có phương án ứng phó linh hoạt.

#### 4.2.2.2. *Đổi mới quy trình xây dựng nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế*

Đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế, nhằm đảm bảo các văn kiện này thực sự đi đúng vào những vấn đề trọng tâm, then chốt của tỉnh, cần thực hiện một quy trình toàn diện, tập trung vào chất lượng đầu vào, tính chiến lược, sát thực tiễn của nội dung, và sự chặt chẽ của cơ chế ban hành.

Quy trình xây dựng nghị quyết của Tỉnh ủy là một hoạt động quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, đảm bảo các chủ trương ban hành vừa đúng quy định của Trung ương, vừa sát với thực tiễn địa phương. Để bảo đảm chất lượng các nghị quyết lớn về kinh tế, quy trình xây dựng nghị quyết cần tuân thủ các bước chính sau đây:

1) Bước chuẩn bị và xác định chủ trương: Dựa trên Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết của Trung ương (Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) và tình hình thực tế của tỉnh, các cơ quan tham mưu (Sở, Ban, ngành) hoặc Đảng ủy UBND tỉnh đề xuất chủ trương xây dựng nghị quyết về phát triển kinh tế của Tỉnh. Thường trực Tỉnh ủy hoặc BTV Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về sự cần thiết và giao đơn vị chủ trì soạn thảo.

2) Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ biên tập: BTV Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo (thường do một lãnh đạo chủ chốt của tỉnh làm Trưởng ban) và Tổ biên tập (gồm các chuyên gia, cán bộ có kinh nghiệm chuyên môn sâu về lĩnh vực đó).

### 3) Khảo sát, tổng kết thực tiễn và soạn thảo dự thảo

Cần đổi mới công tác khảo sát, tổng kết thực tiễn để nâng cao chất lượng tổng kết, khảo sát thực tiễn cho xây dựng nghị quyết, chủ trương lãnh đạo kinh tế. Tổ chức các đợt khảo sát, nghiên cứu chuyên sâu, lắng nghe ý kiến từ cấp cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp, và người dân về những điểm nghẽn, rào cản, và nhu cầu bức thiết trong phát triển kinh tế (ví dụ: vướng mắc về đất đai, thủ tục hành chính, đào tạo nhân lực). Tổng kết phải có chiều sâu, không chỉ tổng kết thành tích mà tập trung phân tích nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém, đặc biệt là những vấn đề kéo dài. Tổ biên tập cần tiến hành khảo sát nghiêm túc tại các địa phương, đơn vị. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, ưu điểm, hạn chế, xác định rõ những "điểm nghẽn" cần tháo gỡ.

4) Viết dự thảo 1: Tổ biên tập cần biên soạn súc tích, ngắn gọn, vừa bảo đảm tính lý luận, đúng quan điểm, đường lối của Đảng, vừa bám sát thực tiễn, đi thẳng vào những "điểm nghẽn" cần tháo gỡ, những hạn chế cần khắc phục. Kết cấu nghị quyết cần bảo đảm kết cấu:

- Tình hình và nguyên nhân

- Quan điểm, mục tiêu (tổng quát và cụ thể): Nghị quyết phải xác định rõ vấn đề trọng tâm cần ưu tiên (ví dụ: chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng, hoặc đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu công nghiệp), tránh dàn trải.

- Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Nghị quyết cần đưa ra các giải pháp đột phá. Các giải pháp phải mang tính cởi trói về thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, dám chấp nhận rủi ro và thí điểm những mô hình mới để tạo động lực tăng trưởng mới.

- Tổ chức thực hiện: Nghị quyết cần quy định rõ ràng trách nhiệm của từng Ủy viên BTV, Tỉnh ủy viên và các cơ quan tham mưu trong việc chỉ đạo và theo dõi từng vấn đề trọng tâm, tránh tình trạng "khoán trắng" cho chính quyền.

5) Lấy ý kiến góp ý, thẩm định và hoàn thiện dự thảo nghị quyết: Đây là bước quan trọng để đảm bảo chất lượng, tính dân chủ, khoa học và khả thi của nghị quyết.

Lấy ý kiến nội bộ: Gửi dự thảo đến các huyện ủy, thành ủy, các sở, ban, ngành liên quan. Các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ban Nội chính...) thẩm định nội dung theo chức năng, nhiệm vụ.

Lấy ý kiến chuyên gia: Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm mời các nhà khoa học, nguyên lãnh đạo tỉnh góp ý. Cần mở rộng phạm vi tham vấn, mời các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu về kinh tế, quản lý đô thị, và công nghệ thông tin từ Trung ương và quốc tế để đánh giá thực trạng và đưa ra các kịch bản phát triển cho Hưng Yên. Chú ý tham vấn doanh nghiệp bằng tổ chức các hội nghị, diễn đàn tham vấn với các hiệp hội, doanh nghiệp lớn đang và sẽ đầu tư vào Hưng Yên để hiểu rõ nhu cầu thực tế về môi trường đầu tư, hạ tầng, và chính sách ưu đãi.

Phản biện xã hội: Gửi dự thảo đến MTTQ Việt Nam tỉnh để thực hiện phản biện xã hội (nếu nghị quyết liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân).

Hoàn thiện dự thảo: Tổ biên tập tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp và hoàn thiện dự thảo trình Văn phòng Tỉnh ủy kiểm soát về thể thức văn bản.

6) Trình Hội nghị BTV hoặc Tỉnh ủy xem xét, thông qua: Dự thảo được trình ra Hội nghị BTV hoặc BCHĐB tỉnh (Tỉnh ủy).

Các đại biểu thảo luận, tranh luận trực tiếp về nội dung nghị quyết, chú ý vào các chỉ tiêu, giải pháp.

Tỉnh ủy tiến hành biểu quyết thông qua những nội dung cơ bản của nghị quyết.

7. Ban hành và triển khai thực hiện: Bí thư Tỉnh ủy ký ban hành nghị quyết. BTV Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng Kế hoạch/Chương trình hành động để cụ thể hóa nghị quyết vào cuộc sống. Tổ chức hội nghị quán triệt nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Việc đổi mới quy trình xây dựng nghị quyết sẽ giúp Tỉnh ủy Hưng Yên xây dựng các nghị quyết về kinh tế thực sự là tinh hoa trí tuệ của Đảng bộ, có khả năng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế của tỉnh.

**4.2.3. Tập trung lãnh đạo chính quyền tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế**

Việc tập trung lãnh đạo chính quyền tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế là yếu tố có tính quyết định để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng thực sự đi vào đời sống và tạo ra kết quả thực tế. Nghị quyết của Tỉnh ủy chỉ là những định hướng chính trị, chiến lược, và nguyên tắc cơ bản (cấp độ vĩ mô, định tính). Chính quyền tỉnh (UBND tỉnh, các sở, ban, ngành) có chức năng thể chế hóa (biến chủ trương thành văn bản pháp quy như Nghị quyết HĐND, Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch) và cụ thể hóa (xây dựng đề án, dự án, phân bổ nguồn lực) để triển khai trực tiếp, đảm bảo nghị quyết của Tỉnh ủy không chỉ nằm trên giấy mà phải được hiện thực hóa thông qua các công cụ quản lý nhà nước. Nếu Nghị quyết của Tỉnh ủy là bản thiết kế chiến lược, thì việc lãnh đạo chính quyền thể chế hóa và thực hiện chính là quá trình xây dựng thực tế. Tỉnh ủy phải là người cầm lái, đảm bảo con tàu chính quyền đi đúng hướng, biến mục tiêu phát triển kinh tế thành hiệu quả KT-XH cụ thể.

Biện pháp Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo chính quyền tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết

1) Tỉnh ủy chỉ đạo BTV Đảng ủy HĐND, UBND tỉnh xây dựng Chương trình hành động ngay sau khi Nghị quyết Tỉnh ủy có hiệu lực. Việc xây dựng Chương trình hành động là khâu "chuyển trạng thái" từ ý chí chính trị sang kế hoạch thực thi. Để Chương trình hành động của Đảng đoàn HĐND và Ban cán sự đảng UBND tỉnh không rơi vào tình trạng "hình thức" hay "xa rời thực tế", Tỉnh ủy Hưng Yên cần chỉ đạo khi xây dựng chương trình hành động phải chuyển hóa các quan điểm thành mục tiêu định lượng (con số cụ thể). Ví dụ, nếu Nghị quyết nói "đẩy mạnh thu hút FDI", thì Chương trình hành động phải nêu rõ "thu hút bao nhiêu tỷ USD, tập trung vào lĩnh vực nào". Phải xác định được các "nút thắt" hiện tại của tỉnh (như giải phóng mặt bằng, hạ tầng kết nối) để đưa ra các giải pháp mạnh mẽ hơn so với các kế hoạch thông thường.

Chương trình hành động cần phân định rõ "Nguồn lực" và "Điều kiện thực hiện"; xác định rõ dự án nào dùng ngân sách nhà nước, dự án nào kêu gọi xã hội hóa (PPP) hoặc FDI. Chương trình phải chỉ rõ: "Việc gì làm trước, việc gì làm sau", tránh tình trạng dự án nào cũng muốn triển khai dẫn đến thiếu vốn và chậm tiến độ đồng loạt. Chương trình hành động phải ghi rõ cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp. Đặc biệt, phải gắn trách nhiệm trực tiếp của đồng chí Phó Chủ tịch UBND phụ trách khối và Giám đốc Sở chuyên ngành. Phải có bảng tiến độ cho từng quý, từng năm. Không được ghi chung chung là "thực hiện trong nhiệm kỳ". Tỉnh ủy cần chú ý chỉ đạo chính quyền thiết lập bộ chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs); quy định rõ định kỳ (tháng/quý) Ban cán sự đảng UBND phải báo cáo tiến độ về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong quá trình thực hiện, nếu bối cảnh kinh tế thế giới hoặc trong nước thay đổi (ví dụ: biến động giá nguyên vật liệu), Chương trình hành động phải có độ linh hoạt để điều chỉnh mà không cần chờ đến sơ kết giữa nhiệm kỳ. Chương trình hành động của chính quyền không thể tách rời sự vận động của cả hệ thống chính trị, do đó, Tỉnh ủy cần chỉ đạo Chương trình hành động phải có phần việc về công tác tư tưởng, vận động nhân dân (đặc biệt là trong giải phóng mặt bằng). Đảng đoàn HĐND phải có kế hoạch giám sát chuyên đề ngay từ khi Chương trình hành động của UBND bắt đầu triển khai để đảm bảo tính thượng tôn pháp luật và hiệu quả ngân sách. Tỉnh ủy cần lưu ý yêu cầu chương trình hành động cần ngắn gọn, đi thẳng vào giải pháp và danh mục dự án.

2) Tỉnh ủy lãnh đạo BTV Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo UBND xây dựng Quy hoạch chiến lược và Kịch bản tăng trưởng kinh tế của Tỉnh. Tỉnh ủy trực tiếp cho ý kiến và chỉ đạo UBND tỉnh hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch cần bảo đảm phân vùng kinh tế khoa học, phù hợp từng vùng, như: vùng công nghiệp phía Bắc, vùng nông nghiệp công nghệ cao và đô thị phía Nam... Lãnh đạo chính quyền chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương lân cận (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh) để mở rộng không gian phát triển.

Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh và Sở Tài chính xây dựng kịch bản tăng trưởng dựa trên các dữ liệu khoa học, bảo đảm dự báo quốc tế và trong nước có cơ sở khoa học; đánh giá đầy đủ các tác động của lạm phát, giá nguyên vật liệu và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đến các doanh nghiệp FDI trên địa bàn; rà soát năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có và tiến độ của các dự án mới sắp đi vào hoạt động (đặc biệt là các khu công nghiệp mới như KCN số 3, số 5). Tỉnh ủy nên chỉ đạo xây dựng ít nhất 03 kịch bản để chủ động trong mọi tình huống. Kịch bản phải chi tiết hóa đóng góp của từng khu vực vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP): Khu vực Công nghiệp - Xây dựng, chỉ đạo xác định cụ thể số lượng nhà máy mới đi vào hoạt động, sản lượng dự kiến của các mặt hàng chủ lực (linh kiện điện tử, cơ khí, dệt may). Khu vực Dịch vụ - Thương mại, cần kịch bản hóa sự đóng góp từ các khu đô thị lớn (như Ecopark, Ocean Park) và các dịch vụ logistics dọc quốc lộ 5. Khu vực Nông nghiệp, thực hiện chuyển đổi sang các mô hình giá trị kinh tế cao, nông nghiệp số để bù đắp cho việc giảm diện tích đất nông nghiệp do công nghiệp hóa. Xác định lộ trình thực hiện cụ thể. Kịch bản tăng trưởng không chỉ tính theo năm mà được chia nhỏ ra hàng quý. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền duy trì Tổ công tác đặc biệt về tăng trưởng. Việc xây dựng kịch bản giúp Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh Hưng Yên chuyển sang thể chủ động điều hành, từ đó, tạo ra sự tin tưởng rất lớn cho các nhà đầu tư, vì họ thấy được sự chuyên nghiệp và cam kết ổn định của môi trường kinh doanh tại tỉnh.

3) Lãnh đạo BTV Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh giao các cơ quan chuyên môn (Sở Tài chính, Sở Công thương,...) soạn thảo các văn bản dưới luật (Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, Chỉ thị) để thể hóa chủ trương của Tỉnh ủy. Ưu tiên thể chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, như chính sách ưu đãi đầu tư vào công nghệ cao, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư... nhằm tạo khung pháp lý thuận lợi cho các mục tiêu đột phá. Chỉ đạo UBND tỉnh phân công trách nhiệm rõ ràng. Cụ thể hóa trách nhiệm đến từng sở, ngành, từng đơn vị cấp xã, quy định rõ: Ai làm? Làm gì? Thời gian hoàn thành? Yêu cầu các đơn vị này phải có Đề

án/Kế hoạch chi tiết riêng. Lãnh đạo chính quyền xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo hướng ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các dự án trọng điểm, các khâu đột phá chiến lược được Tỉnh ủy xác định, như ưu tiên vốn cho các tuyến giao thông liên vùng, các khu công nghiệp mới...

3) Lãnh đạo chặt chẽ chính quyền tổ chức thực hiện tốt chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế theo nghị quyết của Tỉnh ủy. Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh áp dụng phương thức điều hành hiện đại, dựa trên công nghệ thông tin và chuyển đổi số (ví dụ: triển khai hệ thống thông tin báo cáo, theo dõi tiến độ điện tử) để quản lý tiến độ thực hiện. Tăng cường tinh thần kiến tạo, phục vụ trong đội ngũ công chức, viên chức, kiên quyết xử lý các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Tỉnh ủy chỉ đạo trực tiếp các đồng chí Ủy viên BTV, Tỉnh ủy viên phụ trách, giám sát việc giải quyết các vấn đề nóng, trọng tâm, như công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án lớn, cải cách hành chính tại các cơ quan trọng yếu. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng trong chính quyền phải làm việc với tinh thần khẩn trương, chuyên nghiệp, đảm bảo tính kỷ luật và hiệu suất cao trong thực hiện các dự án kinh tế.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ đảm bảo Nghị quyết về kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên không chỉ là văn kiện định hướng mà thực sự trở thành lực đẩy mạnh mẽ thông qua hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền.

***4.2.4. Đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhất là Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo hướng tập trung, quyết liệt, đi thẳng vào tháo gỡ những “điểm nghẽn”, những dự án, nhiệm vụ kinh tế trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh***

Phong cách lãnh đạo là yếu tố quyết định trong việc định hướng, tổ chức thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH của mỗi tỉnh, mỗi địa phương. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, cạnh tranh giữa các địa phương ngày càng gia tăng, thách thức đối với cấp ủy và lãnh đạo tỉnh không chỉ dừng lại ở xây dựng kế hoạch, mục tiêu phát triển mà còn ở năng lực giải quyết các “điểm nghẽn” trong thực thi các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Một phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt và đi thẳng vào tháo gỡ khó khăn sẽ tạo ra sự

quyết tâm chính trị cao, lan tỏa tới từng cấp, từng ngành; khắc phục trì trệ, quan liêu, trùng lặp trong hệ thống; tăng khả năng thực thi các quyết sách, chuyển từ “đề án - kế hoạch” sang kết quả cụ thể, hiệu quả. Đây chính là lý do cần đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhất là phong cách lãnh đạo của Bí thư Tỉnh ủy, Thường trực, BTV Tỉnh ủy trong lãnh đạo nói chung, lãnh đạo kinh tế nói riêng.

Yêu cầu đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy trong lãnh đạo kinh tế cần theo hướng theo hướng tập trung, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả, đi thẳng vào tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn trong triển khai các dự án và nhiệm vụ kinh tế trọng tâm của tỉnh; gây cảm hứng và tạo niềm tin vững chắc trong nhân dân, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội về thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh.

Mục tiêu đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy trong lãnh đạo kinh tế là rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính, nhất là những lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp tới đầu tư; đảm bảo mỗi dự án trọng điểm đều có lộ trình, người chịu trách nhiệm rõ ràng; hình thành cơ chế đánh giá hiệu quả lãnh đạo gắn với kết quả thực thi nhiệm vụ; tăng cường đối thoại, giám sát, phản hồi kịp thời với các khó khăn, vướng mắc.

Biện pháp đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy trong lãnh đạo kinh tế:

1) Đổi mới nội dung, phương pháp ra quyết sách; áp dụng tư duy chiến lược, chiến thuật linh hoạt. Lãnh đạo không chỉ đưa ra định hướng chung mà còn chỉ đạo cụ thể từng bước giải quyết khó khăn trong từng giai đoạn, tránh tình trạng “chờ xin, xin chờ” khi vướng mắc phát sinh. Tỉnh ủy cần tập trung xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn - trung hạn - dài hạn gắn liền với thực thi các nhiệm vụ trọng tâm.

2) Xây dựng phong cách "Nói đi đôi với Làm" và "Quyết liệt đến cùng" để xóa bỏ tình trạng "nghị quyết thì hay nhưng thực hiện thì dở". Phong cách này tập trung vào việc bảo đảm tính nhất quán giữa nghị quyết, lời hứa của lãnh đạo và kết quả thực tế trên thực địa. Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy

thường xuyên xuống trực tiếp hiện trường các dự án giao thông trọng điểm (như đường vành đai 4) hoặc các khu công nghiệp đang vướng mặt bằng. Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện các dự án dài hạn một cách liên tục. Lãnh đạo khóa này tiếp nối và hoàn thành các lời hứa của khóa trước, xóa bỏ "tư duy nhiệm kỳ", không để tình trạng dự án "treo" qua nhiều nhiệm kỳ.

Xây dựng phong cách lãnh đạo tập trung vào việc trọng điểm, giải quyết triệt để các "điểm nghẽn" kinh tế, đặc biệt là những việc khó, việc mới. Đối với những vấn đề tồn tại lâu năm (ví dụ: ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, các dự án chậm tiến độ 5-10 năm), Tỉnh ủy không chỉ đạo chung chung mà giao thời hạn hoàn thành cụ thể. Nếu không hoàn thành, cần bố trí lại người đứng đầu. Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh kiên quyết điều chuyển vốn từ những dự án chậm giải ngân sang những dự án có tiến độ tốt. "Quyết liệt" thể hiện ở chỗ không nể nang, không có "vùng cấm" đối với các đơn vị năng lực kém.

Để đảm bảo tinh thần quyết liệt được duy trì xuyên suốt, Tỉnh ủy cần thiết lập các rào cản ngăn chặn sự trì trệ. Tỉnh ủy xây dựng hệ thống theo dõi việc thực hiện các kết luận sau mỗi cuộc làm việc. Nếu kết luận đã ban hành mà cấp dưới không thực hiện hoặc thực hiện chậm, cơ quan kiểm tra sẽ vào cuộc ngay lập tức. Người đứng đầu phải giải trình trước Đảng bộ và cử tri về lý do tại sao một mục tiêu kinh tế không đạt. Điều này tạo áp lực buộc cán bộ phải nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ.

3) Xây dựng quy trình "phản ứng nhanh". Quy trình này cho phép khi có vướng mắc phát sinh, Thường trực, BTV chủ động ra quyết định tháo gỡ trước khi xin ý kiến kéo dài. Phát triển mô hình "lãnh đạo hành động": lãnh đạo không chỉ đưa ra chỉ đạo mà trực tiếp tham gia xử lý các tình huống.

3) Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định làm việc; tăng cường phân công, phân cấp rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Rà soát, sửa đổi và xây dựng mới quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thường trực và BTV theo hướng ngắn gọn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, tránh trùng lặp, không gây chậm trễ trong xử lý công việc; đảm bảo phong cách lãnh đạo khoa học, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm. Mỗi dự án trọng điểm phải quy định rõ người đứng đầu chịu trách

nhệm chính. BTV, Thường trực chủ động phân công xử lý các “điểm nghẽn” cụ thể cho từng đồng chí phụ trách. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc rõ ràng, đảm bảo có thể đo lường được tiến độ và hiệu quả mỗi quý.

4) Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và xử lý điểm nghẽn. Thành lập ban điều hành theo dõi tiến độ các dự án trọng điểm. Tổ chức các phiên giải trình định kỳ, yêu cầu người đứng đầu các cơ quan báo cáo trực tiếp với Thường trực, BTV Tỉnh ủy. Hình thành bộ phận hỗ trợ doanh nghiệp ngay trong Tỉnh ủy, đảm bảo mọi khó khăn được giải quyết kịp thời.

5) Ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng lãnh đạo. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền tỉnh xây dựng, vận hành, phát huy Trung tâm điều hành thông minh (IOC), coi đây là "bộ não số" của tỉnh. Thay vì chờ báo cáo giấy hàng tháng, lãnh đạo Tỉnh ủy theo dõi biểu đồ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ giải ngân đầu tư công, và thu ngân sách theo từng ngày, từng giờ trên màn hình lớn hoặc thiết bị di động, đảm bảo công khai, minh bạch và phản ứng kịp thời với các thay đổi trong quá trình thực thi. Sử dụng dữ liệu lớn (Big Data), phân tích tình huống để dự báo nguy cơ chậm tiến độ, phát hiện điểm nghẽn tiềm ẩn từ sớm.

Đổi mới phong cách hội họp và ban hành văn bản để đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc. Đẩy mạnh thực hiện các phiên họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh trên môi trường số. Tài liệu được gửi trước qua hệ thống để đại biểu nghiên cứu, biểu quyết qua phần mềm, giúp rút ngắn thời gian họp. Các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy về kinh tế phải được chuyển đến các sở, ngành và xã, phường bằng đường truyền số. Tăng cường tương tác số giữa Lãnh đạo với người dân và doanh nghiệp. Cung cấp kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp và người dân trực tiếp đến lãnh đạo tỉnh. Tăng cường họp trực tuyến đến cấp xã để Tỉnh ủy quán triệt nghị quyết, chủ trương chỉ đạo về kinh tế đến cấp xã, đảm bảo chủ trương không bị "tam sao thất bản" khi xuống cơ sở.

Tóm lại, trong bối cảnh yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng, phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy nói chung và Thường trực, Ban

Thường vụ nói riêng phải đổi mới toàn diện theo hướng tập trung, quyết liệt, đi thẳng vào tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn. Việc này không chỉ tạo ra sự chuyển biến trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà còn là yếu tố then chốt, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển KT-XH, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới phong cách lãnh đạo chính là đáp ứng kịp thời kỳ vọng của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội về một chính quyền năng động, quyết đoán, hiệu quả.

***4.2.5. Xây dựng Tỉnh ủy, cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ kinh tế ngang tầm nhiệm vụ kinh tế; đồng thời tập trung lãnh đạo đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh cho phát triển kinh tế***

***4.2.5.1. Xây dựng Tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế***

Là chủ thể lãnh đạo, do đó để tăng cường hiệu quả sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế phải quan tâm xây dựng Tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế.

Để xây dựng Tỉnh ủy Hưng Yên vững mạnh, thực sự là "người cầm lái" đưa con thuyền kinh tế của tỉnh đi đúng hướng và thành công cần thực hiện các biện pháp sau:

1) Thường xuyên củng cố, kiện toàn Tỉnh ủy về số lượng, chất lượng và cơ cấu hợp lý. Việc kiện toàn Tỉnh ủy là cơ sở, điều kiện trực tiếp để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh. Đối với Hưng Yên, trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ sang công nghiệp và dịch vụ, giải pháp này cần tập trung vào các khía cạnh:

- Đảm bảo số lượng và cơ cấu theo quy định. Số lượng Tỉnh ủy viên phải được xác định căn cứ vào Điều lệ Đảng, các quy định của Ban Tổ chức Trung ương và yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế thực tế của tỉnh. Cần bảo đảm số lượng đủ để bao quát các lĩnh vực trọng yếu như: kinh tế công nghiệp, quản lý đô thị, đầu tư công và thu hút vốn FDI. Cơ cấu Tỉnh ủy phải đảm bảo tính liên tục và kế thừa, kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ có kinh

nghiệm dày dặn với những cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình và có khả năng thích ứng nhanh với kinh tế số. Hạn chế những biến động, thay đổi không cần thiết để duy trì sự ổn định trong lãnh đạo thực hiện các kế hoạch kinh tế dài hạn. Tuy nhiên, tuyệt đối không vì chạy theo cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn chất lượng của Tỉnh ủy viên.

- Lấy chất lượng làm yếu tố cốt lõi. Các Tỉnh ủy viên Hưng Yên phải là những đảng viên ưu tú nhất, có đủ đức và tài, có tín nhiệm cao trong quần chúng.

2) Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực toàn diện của đội ngũ Tỉnh ủy viên. Để lãnh đạo phát triển kinh tế trong môi trường cạnh tranh và hội nhập, mỗi Tỉnh ủy viên cần phải tự đổi mới và nâng cao năng lực bản thân. Mỗi Tỉnh ủy viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường. Các Tỉnh ủy viên phải nhạy bén, sắc sảo trước các biến động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước để chủ động có các quyết sách đúng đắn. Tập trung bồi dưỡng các đức tính: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đặt lợi ích của tỉnh và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện cơ hội, cục bộ bản vị trong thực hiện các dự án kinh tế. Thực hiện tốt chế độ "nêu gương", nói đi đôi với làm để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư và người dân.

3) Nâng cao trình độ kiến thức và tư duy lãnh đạo kinh tế. Tỉnh ủy viên cần không ngừng nâng cao hiểu biết về kinh tế, quản lý nhà nước, pháp luật và các tri thức mới của thời đại. Để nâng cao trình độ kiến thức và tư duy lãnh đạo đối với mảng kinh tế của đội ngũ Tỉnh ủy viên cần bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức toàn diện và chuyên sâu về kinh tế. Việc bồi dưỡng kiến thức không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà phải gắn liền với thực tiễn phát triển của địa phương. Các Tỉnh ủy viên cần được trang bị các kiến thức mới về kinh tế số, kinh tế xanh và các xu hướng công nghiệp 4.0 để phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh. Phải bảo đảm cho các tỉnh ủy viên quán triệt sâu sắc, lĩnh hội đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng và

Nhà nước về phát triển kinh tế trong thời kỳ mới. Khuyến khích việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại và các tri thức mới của thời đại để vận dụng sáng tạo vào đặc thù kinh tế của Hưng Yên. Bên cạnh kinh tế, cần mở rộng kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh để có cái nhìn tổng thể khi ra quyết định.

Các Tỉnh ủy viên cần đổi mới tư duy lãnh đạo và năng lực, tư duy lý luận, tư duy lãnh đạo phải chuyển từ quản lý hành chính đơn thuần sang tư duy kiến tạo và thúc đẩy phát triển. Cần phát triển tư duy chiến lược và năng lực trí tuệ để có thể dự báo các xu hướng kinh tế, từ đó đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo. Cần gắn lý luận với thực tiễn bằng tăng cường năng lực tổ chức thực tiễn theo chức năng nhiệm vụ, đảm bảo các nghị quyết kinh tế phải được thực hiện thắng lợi trong thực tế.

4) Nâng cao tính nhạy bén và năng lực phản biện thực tiễn. Trong môi trường kinh tế biến động, Các Tỉnh ủy viên cần có sự tỉnh táo và khả năng thích ứng cao; nhạy bén với diễn biến thị trường; nâng cao sự tỉnh táo trong nhận diện và đấu tranh chống lại các biểu hiện giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc các quan điểm sai trái gây cản trở sự phát triển kinh tế; rèn luyện khả năng chủ động, tích cực khắc phục khó khăn và nêu cao trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế trọng điểm. Coi trọng phát huy trí tuệ tập thể, trên cơ sở thực hiện chế độ tập trung dân chủ để các tỉnh ủy viên cùng thảo luận, phản biện các đề án kinh tế, từ đó học hỏi lẫn nhau và nâng cao trình độ chung của cả tập thể.

#### *4.2.5.2. Xây dựng cấp ủy đảng trực thuộc đáp ứng nhiệm vụ kinh tế*

Cấp ủy là "linh hồn" của mọi phong trào tại địa phương. Nếu cấp ủy đảng trực thuộc không mạnh thì tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy không mạnh, các chủ trương phát triển kinh tế của Trung ương và Tỉnh ủy sẽ khó đi vào cuộc sống. Chính vì vậy, việc xây dựng cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy là yêu cầu cấp thiết để bảo thực hiện tốt sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế, bảo đảm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh.

Để xây dựng cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy Hưng Yên đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đơn vị phát triển kinh tế cần làm tốt các việc sau:

*Một là*, nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên. Đây là yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của cấp ủy. Cần thực hiện quy hoạch "động" và "mở", đảm bảo tính kế thừa giữa các thế hệ. Ưu tiên những cán bộ trẻ, năng động, có năng lực thực tiễn. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng bằng cử cán bộ đi dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nhất là về kinh tế. Tổ chức các lớp cập nhật kiến thức mới, kỹ năng xử lý tình huống chính trị và quản lý kinh tế cho các bí thư, phó bí thư cấp ủy. Thực hiện nghiêm túc quy trình nhân sự, đảm bảo bầu đúng, bầu đủ những người có đức, có tài vào bộ máy.

*Hai là*, đổi mới phương thức lãnh đạo và sinh hoạt cấp ủy. Mỗi cấp ủy viên đều được giao phụ trách các địa bàn hoặc lĩnh vực cụ thể, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá cuối năm. Cấp ủy phải sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của nhân dân để ban hành các nghị quyết sát với thực tế phát triển của tỉnh Hưng Yên. Cần thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, hoạt động trong sinh hoạt cấp ủy.

*Ba là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy viên. Biện pháp này nhằm giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Cần tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy viên phụ trách các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, đầu tư công và công tác cán bộ. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những cấp ủy viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hoặc "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

#### *4.2.5.3. Xây dựng các cơ quan tham mưu về kinh tế của Tỉnh ủy*

Các cơ quan tham mưu về kinh tế như Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Công thương... đóng vai trò là "bộ não" giúp Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế. Hiện nay, việc xây dựng và củng cố các cơ quan tham mưu về kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên đang được thực hiện quyết liệt theo định hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, Dưới đây là các biện pháp cấp bách cần làm tốt:

1) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tham mưu. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong tình hình mới, cần chú trọng cơ cấu lại đội ngũ cán bộ tham mưu về kinh tế. Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về kinh tế, quy hoạch và quản lý đô thị vào các vị trí then chốt tại Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban của Đảng. Luân chuyển cán bộ từ các cơ quan tham mưu xuống cơ sở hoặc sang các sở ngành kinh tế (Sở tài chính, Sở Công thương...) để rèn luyện kỹ năng giải quyết các vấn đề "nóng" như giải phóng mặt bằng, thu hút FDI.

2) Đổi mới phương thức tham mưu và quy chế làm việc. Yêu cầu các cơ quan tham mưu phải xây dựng được các kịch bản tăng trưởng (GRDP) theo từng quý, từng lĩnh vực (công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao) để Thường trực, Thường vụ Tỉnh ủy có cơ sở điều hành sát sao. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về kinh tế - xã hội để phục vụ việc phân tích, dự báo chính xác và kịp thời.

3) Tăng cường phối hợp giữa cơ quan Đảng và chính quyền: Xây dựng mô hình tham mưu xuyên suốt bằng tăng cường phối hợp giữa Văn phòng Tỉnh ủy với Văn phòng UBND tỉnh để đảm bảo các chủ trương của Đảng về kinh tế được thể chế hóa nhanh chóng thành các quyết định, chính sách của chính quyền.

4) Phát huy vai trò của các tổ chức tư vấn: Ngoài các cơ quan chính thức, Tỉnh ủy cần tranh thủ ý kiến từ các chuyên gia, nhà khoa học thông qua các hội thảo về quy hoạch tỉnh và các dự án trọng điểm dọc sông Hồng...

#### *4.2.5.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh tế*

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại sự lãnh đạo của Đảng. Đội ngũ cán bộ kinh tế được ví như "mắt xích" quan trọng nhất để chuyển hóa những mục tiêu trong nghị quyết thành hiện thực cuộc sống. Nếu nghị quyết là bản thiết kế, thì đội ngũ cán bộ kinh tế chính là những kỹ sư và người thợ trực tiếp thi công công trình đó. Do đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ kinh tế tại tỉnh Hưng Yên hiện nay cần được xác định là khâu "then chốt của then chốt", "đột phá của đột phá" nhằm tăng cường hiệu quả sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong phát triển kinh tế, hiện thực hóa mục tiêu sớm đưa tỉnh

Hung Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Dưới đây là các biện pháp trọng tâm:

1) Rà soát, đánh giá và phân loại lại đội ngũ cán bộ kinh tế. Trước khi xây dựng, cần phải biết rõ "thực trạng" của bộ máy hiện tại. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá (KPIs): Áp dụng các tiêu chí định lượng (ví dụ: tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tốc độ tăng trưởng ngành được giao phụ trách). Thực hiện phân loại cán bộ, sàng lọc ra nhóm cán bộ có năng lực vượt trội để đưa vào diện "đào tạo đặc biệt" và kiên quyết thay thế những cán bộ trì trệ, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

2) Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ kinh tế theo vị trí việc làm và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đưa cán bộ có chuyên môn sâu về kinh tế, tài chính, quy hoạch về các sở ngành chuyên môn cấp tỉnh hoặc xuống xã, phường để nắm bắt thực tiễn. Thực hiện tiêu chuẩn hóa chức danh, xây dựng bản mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí cán bộ kinh tế (như cán bộ xúc tiến đầu tư, quản lý quy hoạch) để làm căn cứ tuyển dụng và đánh giá.

3) Đột phá trong đào tạo và bồi dưỡng. Cần tập trung nâng cao kiến thức về kinh tế, kỹ năng xử lý các vấn đề kinh tế cụ thể. Triển khai các lớp bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý (đặc biệt là cán bộ trẻ sinh sau năm 1985-1990) với nội dung trọng tâm là quản trị kinh tế hiện đại và chuyển đổi số. mở rộng hợp tác đào tạo chất lượng cao. Phối hợp với các cơ sở đào tạo lớn (như Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Các trường đại học có uy tín về kinh tế, tài chính để cập nhật kiến thức về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thu hút FDI thế hệ mới. Đẩy mạnh tổ chức các đoàn cán bộ kinh tế đi khảo sát thực tế tại các địa phương phát triển mạnh để học hỏi mô hình phát triển kinh tế, thu hút đầu tư.

4) Đổi mới đánh giá và bảo vệ cán bộ "Dám nghĩ, Dám làm". Chủ động thực hiện Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nhất là trong các lĩnh vực khó như giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai. Thực hiện đánh giá cán bộ kinh tế bằng sản phẩm cụ thể. Hiệu quả thu hút đầu tư, tốc độ giải

ngân vốn đầu tư công và chỉ số cải cách hành chính (PCI, PAPI) được dùng làm thước đo chính để bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ kinh tế.

5) Đẩy mạnh kỹ năng số và công nghệ trong quản lý kinh tế. Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số bảo đảm 100% cán bộ kinh tế được tập huấn về nghiệp vụ số, sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung. Đào tạo cán bộ khả năng dự báo kinh tế dựa trên dữ liệu lớn (Big Data) để tham mưu chính xác cho Tỉnh ủy các kịch bản tăng trưởng theo quý và năm.

*4.2.5.5. Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Hưng Yên cho phát triển kinh tế*

Các ngành công nghiệp truyền thống thâm dụng lao động đang dần được thay thế bằng tự động hóa, chuyển đổi số và kinh tế xanh. Chỉ có giáo dục và đào tạo mới giúp lực lượng lao động nắm bắt được công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động và đáp ứng nhu cầu của các "ông lớn" công nghệ đang đổ vốn vào tỉnh. Hiện nay, nguồn nhân lực chất lượng cao là "thời nam châm" quan trọng nhất để thu hút vốn FDI, đôi khi còn quan trọng hơn cả ưu đãi thuế hay vị trí địa lý. Khi giá thuê đất và chi phí hạ tầng dần bão hòa, tỉnh nào có đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và quản lý giỏi sẽ giành lợi thế. Hưng Yên có hàng chục khu công nghiệp (Phố Nối A, Thăng Long II, Yên Mỹ...) đang rất khát lao động có tay nghề. Trong khi đó, nhiều lao động địa phương vẫn ở trình độ phổ thông, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải "nhập khẩu" lao động từ nơi khác hoặc chấp nhận nhân lực chất lượng thấp. Ở phương diện Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế, nguồn nhân lực chất lượng cao chính là lực lượng trực tiếp thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy. Do đó, tập trung lãnh đạo đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Hưng Yên cho phát triển kinh tế vừa là yêu cầu cấp bách để phát triển kinh tế của tỉnh, vừa là giải pháp quan trọng để tăng cường sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Dưới đây là các nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo:

1) Đổi mới tư duy và quy hoạch mạng lưới giáo dục, đào tạo, dạy nghề

Tỉnh ủy chỉ đạo rà soát và sắp xếp lại hệ thống các cơ sở đào tạo, dạy nghề để tránh chồng chéo và lãng phí. Cần quy hoạch tích hợp bằng gắn quy hoạch các trường đại học, cao đẳng và trung tâm dạy nghề trong tỉnh với quy hoạch các khu công nghiệp và đô thị của tỉnh. Xác định rõ ngành, nghề đào tạo trọng điểm, tập trung vào các ngành mũi nhọn mà tỉnh đang ưu tiên thu hút đầu tư như: Công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, logistics và nông nghiệp công nghệ cao.

2) Gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Đây là nội dung mang tính đột phá để giải quyết tình trạng "đào tạo lại" sau khi tuyển dụng. Mở rộng mô hình "Nhà trường - Nhà doanh nghiệp". Cần lãnh đạo khuyến khích các doanh nghiệp trong KCN tham gia vào quá trình xây dựng giáo trình, cử chuyên gia trực tiếp giảng dạy và tiếp nhận học sinh, sinh viên thực tập. Đẩy mạnh đào tạo theo đơn đặt hàng: Doanh nghiệp cam kết đầu ra, nhà trường đảm bảo chất lượng đầu vào và quá trình đào tạo. Điều này giúp giảm chi phí tuyển dụng cho doanh nghiệp và đảm bảo việc làm cho người dân.

3) Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Cán bộ và giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng đầu ra của nguồn nhân lực. Cần chuẩn hóa trình độ bằng đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề đạt chuẩn quốc tế, đặc biệt là kỹ năng thực hành và ngoại ngữ chuyên ngành. Đổi mới phương pháp dạy học, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ làm việc chuyên nghiệp (kỹ năng mềm) cho người học.

4) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp cận giáo dục. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, hệ thống học tập trực tuyến cho các trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường đào tạo kỹ năng số, đưa kỹ năng số và an toàn thông tin trở thành học phần bắt buộc trong chương trình dạy nghề để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số.

5) Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo. Tận dụng sự hiện diện của các tập đoàn đa quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...) tại Hưng Yên để

nâng tầm nhân lực. Phối hợp với các tổ chức quốc tế để đào tạo lao động đạt chứng chỉ nghề quốc tế, đáp ứng tiêu chuẩn của các chuỗi cung ứng toàn cầu. Xây dựng trường nghề chất lượng cao, tập trung đầu tư trọng điểm để một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Việc thực hiện tốt các biện pháp trên sẽ tạo ra một đội ngũ lao động Hưng Yên có "Bàn tay vàng, khối óc sáng tạo", bảo đảm lực lượng trực tiếp thực hiện các chủ trương, quyết sách lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy, và trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững cho tỉnh.

***4.2.6. Chú trọng lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân hằng hái tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế***

MTTQ, các đoàn thể và nhân dân có vai trò quan trọng không chỉ trong việc ban hành các chủ trương, quyết sách lãnh đạo kinh tế của Tỉnh ủy mà còn là các tổ chức, lực lượng trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện và thực hiện sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên. Thông qua phản biện xã hội, MTTQ và các đoàn thể giúp Tỉnh ủy nhận diện những bất cập trong chủ trương, chính sách trước khi ban hành, đảm bảo nghị quyết sát với thực tiễn địa phương. MTTQ và các đoàn thể giúp tuyên truyền, giải thích để người dân hiểu rõ các chủ trương phát triển kinh tế của Tỉnh ủy, lợi ích của các dự án (như giải phóng mặt bằng để xây dựng các khu công nghiệp, đường giao thông trọng điểm), tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp để đưa nghị quyết đảng vào cấp ủyộc sống. Mọi chủ trương phát triển kinh tế, dù đúng đắn đến đâu, cũng khó thành công nếu không được nhân dân ủng hộ. Khi nhân dân đồng lòng, các nguồn lực trong dân (vốn, đất đai, sức lao động) sẽ được khơi thông, tạo ra sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn. Nhân dân còn là "tai mắt" giúp giám sát việc thực thi chính sách, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí trong đầu tư công và quản lý đất đai. Chính vì vậy, để tăng cường sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên cần chú trọng lãnh đạo phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể và nhân dân hằng hái tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế. Sự lãnh

đạo của Tỉnh ủy đối với MTTQ và các đoàn thể chính là chìa khóa để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" trong thực hiện sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy.

*4.2.6.1. Để lãnh đạo tốt việc phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể trong việc thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế, cần làm tốt các việc sau:*

1) Nâng cao nhận thức và đổi mới phương thức lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế. Cấp ủy Đảng các cấp tại Hưng Yên cần xác định MTTQ và các đoàn thể không chỉ là người thực hiện mà còn là chủ thể quan trọng trong việc đưa nghị quyết vào cuộc sống. Khi xây dựng các chủ trương về kinh tế (như phát triển khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao), Tỉnh ủy cần chủ động lấy ý kiến phản biện từ MTTQ và các đoàn thể ngay từ dự thảo. Khi triển khai thực hiện các chủ trương về kinh tế cần phân công rõ trách nhiệm cho MTTQ và các đoàn thể. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức dựa trên thế mạnh (ví dụ: Hội Nông dân phụ trách liên kết sản xuất, Đoàn Thanh niên phụ trách khởi nghiệp sáng tạo...).

2) Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội. Làm tốt việc này sẽ có "tai mắt" giúp Tỉnh ủy điều chỉnh các chủ trương phát triển kinh tế sát với thực tế địa phương. Cần chỉ đạo MTTQ giám sát các dự án trọng điểm, giám sát việc đền bù, giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp tại Hưng Yên để đảm bảo quyền lợi cho người dân và tính minh bạch của dự án.

3) Quan tâm lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với phát triển kinh tế; biến các chỉ tiêu trong nghị quyết thành các phong trào cụ thể, thiết thực, như: "Hưng Yên chung sức xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu"; Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", tập trung quảng bá các sản phẩm OCOP đặc trưng của Hưng Yên (Nhãn lồng, hạt sen, gà Đông Tảo...); Phong trào khởi nghiệp, hỗ trợ đoàn viên, hội viên tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và chuyển giao công nghệ.

4) Lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể xây dựng khối Đại đoàn kết và bám sát cơ sở. Cán bộ MTTQ và đoàn thể phải "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để tuyên truyền về lợi ích của các chủ trương phát triển kinh tế, tạo sự đồng thuận cao khi triển khai các dự án lớn. Sử dụng sức ảnh hưởng của các chức sắc tôn giáo, trí thức, nghệ nhân tại các làng nghề truyền thống để vận động nhân dân đổi mới tư duy kinh tế.

5) Tăng cường nguồn lực, kiện toàn tổ chức MTTQ và các đoàn thể. Cần lãnh đạo làm tốt việc bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, quản lý và kỹ năng vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể. Tỉnh ủy cũng cần quan tâm lãnh đạo bố trí kinh phí và cơ sở vật chất để MTTQ và các đoàn thể có đủ điều kiện triển khai các chương trình giám sát và hỗ trợ kinh tế.

*4.2.6.2. Để lãnh đạo tốt việc phát huy vai trò của Nhân dân trong việc thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Hưng Yên về phát triển kinh tế, cần làm tốt các việc sau:*

1) Mở rộng việc thực hiện lấy ý kiến nhân dân tham gia ngay từ khi xây dựng nghị quyết, chủ trương phát triển kinh tế. Khi nghị quyết liên quan đến lợi ích của đông đảo người dân, cần công khai dự thảo và lấy ý kiến góp ý của Nhân dân. Nên sử dụng các nền tảng số (Công thông tin điện tử tỉnh, ứng dụng di động của tỉnh) để đăng tải dự thảo nghị quyết kinh tế và tiếp nhận phản hồi trực tuyến. Cần tổ chức hội nghị, tọa đàm tại các địa bàn trọng điểm về công nghiệp (Phổ Nối, Mỹ Hào) và vùng nông nghiệp đặc sản (Khoái Châu, Kim Động) để lắng nghe trực tiếp tâm tư của nông dân và doanh nghiệp địa phương.

2) Phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ và các đoàn thể. Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng lãnh đạo định hướng cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm cầu nối vững chắc Đảng với Nhân dân; khuyến khích MTTQ thực hiện phản biện xã hội đối với các quy hoạch lớn như khu công nghiệp, đô thị hay các dự án hạ tầng giao thông kết nối; triển khai các cuộc vận động thiết thực như "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu" gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình và sản phẩm OCOP.

3) Thực hiện nghiêm túc Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022). Lãnh đạo chính quyền các xã, phường trong tỉnh thực hiện sự công khai, minh bạch trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi kinh tế của dân. Các đề án phát triển kinh tế, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, các chính sách hỗ trợ vốn vay... phải được niêm yết công khai tại UBND xã và nhà văn hóa thôn. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải định kỳ đối thoại trực tiếp với nhân dân để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết.

4. Lãnh đạo xây dựng các mô hình kinh tế có sự tham gia của nhân dân. Lãnh đạo khuyến khích nhân dân tham gia các Hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp nghề nghiệp để liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, tạo môi trường thuận lợi để người dân tự tin khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo từ chính những thế mạnh của địa phương (như nhãn lồng, hạt sen, gà Đông Tảo...).

#### ***4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy***

##### ***4.2.7.1. Tăng cường công tác KTGS thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế của Tỉnh ủy***

Việc Tỉnh ủy Hưng Yên tăng cường công tác KTGS thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế không chỉ là nhiệm vụ mang tính hành chính, mà là yếu tố rất quan trọng để đảm bảo các nghị quyết, chủ trương phát triển kinh tế thực sự đi vào cuộc sống. KTGS giúp nhận diện sớm các địa phương, đơn vị đang thực hiện không đúng yêu cầu; phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn kịp thời. Thông qua KTGS, Tỉnh ủy có cái nhìn thực tế từ cơ sở để điều chỉnh các chủ trương, quy định không còn phù hợp. KTGS thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế thành nền nếp còn giúp phòng ngừa sai phạm và tiêu cực trong kinh tế vì đây là lĩnh vực nhạy cảm, dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, đặc biệt là trong quản lý đất đai, đầu tư công và khai thác tài nguyên, từ đó giúp siết chặt kỷ cương, kỷ luật, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, từ đó củng cố niềm tin của các nhà đầu tư và doanh nghiệp vào bộ máy chính quyền. Qua kiểm tra, Tỉnh ủy có căn cứ để đánh giá năng lực cán bộ vì hiệu

qua phát triển kinh tế là thước đo chính xác nhất cho năng lực lãnh đạo của người đứng đầu các cấp.

Để tăng cường công tác KTGS thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế Tỉnh ủy Hưng Yên cần làm tốt các việc sau:

1) Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm. Cần tập trung vào các lĩnh vực "nóng" như: Tiến độ giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp (KCN); quản lý và sử dụng đất đai, trật tự xây dựng; giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các dự án giao thông trọng điểm (như đường Vành đai 4, các tuyến đường tỉnh...).

2) Đổi mới phương thức và nội dung kiểm tra, giám sát. Thay vì chỉ kiểm tra hồ sơ, văn bản, công tác KTGS cần đi sâu vào hiệu quả thực tế của các dự án kinh tế. Tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm, nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp, đầu tư công, và việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp/người dân. Kết hợp giữa kiểm tra định kỳ theo kế hoạch với kiểm tra đột xuất (không báo trước). Chú trọng hậu kiểm để theo dõi việc khắc phục các tồn tại sau kết luận kiểm tra.

3) Tăng cường phối hợp liên ngành trong KTGS

Việc kiểm tra kinh tế đòi hỏi chuyên môn sâu, do đó cần sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT Tỉnh ủy với các cơ quan chuyên môn. Thiết lập quy chế phối hợp giữa UBKT với Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính... để chia sẻ thông tin, tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng. Khi kiểm tra các dự án phức tạp, cần huy động các chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật, tài chính tham gia đoàn kiểm tra để có đánh giá chính xác, khách quan. Xây dựng phần mềm theo dõi tiến độ các dự án trọng điểm. Các đơn vị phải cập nhật số liệu định kỳ; nếu dự án nào chậm tiến độ (hiện "thẻ đỏ"), hệ thống sẽ tự động báo động để lãnh đạo Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra ngay. Sử dụng dữ liệu từ hệ thống quản lý đất đai, thuế và đầu tư để phân tích những dấu hiệu bất thường trước khi tiến hành kiểm tra trực tiếp.

4) Xây dựng đội ngũ cán bộ KTGS "Vừa hồng vừa chuyên"

Cán bộ làm công tác kiểm tra kinh tế phải có kiến thức chuyên sâu về KT-XH. Do đó cần thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, thẩm định dự án đầu tư và quy hoạch cho cán bộ làm công tác kiểm tra. Có cơ chế bảo vệ những người dám đấu tranh, phát hiện sai phạm và xử lý nghiêm những hành vi bao che, tiêu cực ngay trong chính lực lượng kiểm tra.

#### *4.2.7.2. Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy*

Việc tăng cường công tác sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên không phải là một thủ tục hành chính mà là một nội dung quan trọng trong sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Việc sơ kết, tổng kết không chỉ để nhìn lại kết quả mà quan trọng hơn là tìm ra "điểm nghẽn" và bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo. Đây là quá trình đối chiếu giữa "lý luận/chủ trương" với "thực tiễn" để đảm bảo sự phát triển của tỉnh đi đúng hướng và hiệu quả. Nếu không có sơ kết, tổng kết, việc lãnh đạo kinh tế sẽ giống như "đi trong sương mù" – không biết mình đã đi đến đâu và có đang đi đúng hướng hay không. Đặc biệt với mục tiêu Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong tương lai, công tác này lại càng trở nên quan trọng.

Để tăng cường công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên, cần làm tốt các việc sau:

1) Đặt việc sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết nói chung, nghị quyết, chủ trương phát triển kinh tế nói riêng thành chế độ trong quy chế làm việc của Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp. Việc đưa công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết nói chung, nghị quyết, chủ trương phát triển kinh tế nói riêng thành một "chế độ" bắt buộc trong quy chế làm việc của Tỉnh ủy Hưng Yên và cấp ủy các cấp là một bước đi mang tính chiến lược. Điều này chuyển hóa một hoạt động mang tính "thời điểm" thành một quy trình vận hành khoa học, ổn định. Khi không có chế độ sơ kết, tổng kết định kỳ, các nghị quyết về phát triển kinh tế dễ rơi vào tình trạng "đầu voi đuôi chuột".

2) Đổi mới phương pháp và nội dung đánh giá. Thay vì chỉ liệt kê số liệu báo cáo, công tác sơ kết, tổng kết cần tập trung vào chất lượng phân tích. Cần bám sát các nghị quyết chuyên đề, đặc biệt là các nghị quyết về phát triển công nghiệp công nghệ cao, hạ tầng giao thông và chuyển đổi số. Việc đánh giá dựa trên định lượng, sử dụng hệ thống chỉ tiêu so sánh cụ thể giữa kết quả đạt được và mục tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

3) Tăng cường khảo sát thực tế và phản biện. Cần tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát thực tế tại các khu công nghiệp, các dự án trọng điểm và các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Lắng nghe tiếng nói doanh nghiệp, tổ chức các cuộc đối thoại, lấy ý kiến đánh giá từ cộng đồng doanh nghiệp và người dân - những đối tượng chịu tác động trực tiếp từ chủ trương, chính sách. Có thể thuê hoặc mời các chuyên gia kinh tế, viện nghiên cứu phản biện độc lập về hiệu quả của các chủ trương đã ban hành.

4) Ứng dụng công nghệ trong theo dõi và báo cáo. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung để cập nhật tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo thời gian thực. Liên thông thông tin đảm bảo luồng thông tin từ cấp cơ sở (xã, phường) lên tỉnh được thông suốt, tránh tình trạng "tổng hợp cơ học" dẫn đến sai lệch bản chất vấn đề.

5) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu. Coi kết quả thực hiện các chủ trương kinh tế là thước đo năng lực cán bộ. Thủ trưởng các sở, ngành và Bí thư, Chủ tịch các xã, phường phải trực tiếp chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng báo cáo tổng kết thuộc lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Kịp thời biểu dương các mô hình kinh tế hiệu quả phát hiện được qua tổng kết, đồng thời phê bình nghiêm khắc các đơn vị chậm trễ hoặc làm sơ sài.

#### **Tiểu kết chương 4**

Qua nghiên cứu cho thấy, những năm qua, Tỉnh ủy Hưng Yên đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo toàn diện đối với phát triển kinh tế của tỉnh thông qua việc ban hành các nghị quyết, chương trình, đề án phát triển KT-XH; lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng; đồng thời tăng cường công tác KTGS trong quá trình triển khai. Nhờ đó, kinh tế của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tiềm lực kinh tế và vị thế của địa phương trong vùng và cả nước. Những thành tựu đó khẳng định tính đúng đắn của đường lối lãnh đạo của Tỉnh ủy và là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoạch định phương hướng phát triển trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế và xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc xác định phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế trong những năm tới cần được đặt trong tổng thể yêu cầu đổi mới tư duy phát triển, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền. Các giải pháp chủ yếu phải hướng tới việc nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ, sát thực tiễn; phát huy vai trò nêu gương, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu; đồng thời tăng cường KTGS, kỷ luật đảng gắn với nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

## KẾT LUẬN

Luận án “Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay” đã tập trung nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận, thực tiễn và làm rõ nội dung, phương thức, kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy Hưng Yên trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở tiếp cận khoa học của ngành Xây dựng Đảng, luận án đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế địa phương, đồng thời xác lập khung phân tích phù hợp để đánh giá thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên.

Thông qua việc phân tích thực trạng, luận án khẳng định rằng Tỉnh ủy Hưng Yên đã thể hiện rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị trong phát triển kinh tế của tỉnh; ban hành kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động phù hợp với chủ trương của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương; chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường phân cấp, phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH; quan tâm công tác quy hoạch, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp theo hướng hiện đại; từng bước cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và đời sống nhân dân. Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng kinh tế và phát triển KT-XH của tỉnh Hưng Yên trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án cũng chỉ rõ một số hạn chế, bất cập trong sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế, như: chất lượng một số nghị quyết chưa thật sự sát với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; việc tổ chức thực hiện và KTGS có lúc, có nơi chưa hiệu quả; năng lực cụ thể hóa chủ trương của Trung ương vào thực tiễn địa phương còn chưa đồng đều; công tác dự báo, định hướng phát triển kinh tế trong bối cảnh mới còn gặp khó khăn; việc phát huy nguồn lực, nhất là nguồn lực con người và khoa học - công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Nguyên nhân của những hạn chế này được phân tích cả từ yếu tố khách quan

và chủ quan, trong đó nổi bật là tác động của bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như những hạn chế về tư duy lãnh đạo, năng lực tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong HTCT.

Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và nhóm giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế trong thời gian tới, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Các giải pháp tập trung vào việc nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết lãnh đạo phát triển kinh tế; đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy theo hướng khoa học, hiệu quả; tăng cường công tác KTGS; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế của tỉnh.

Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án là đã đưa ra khái niệm, làm rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh; rút ra một số kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh; đề xuất một số giải pháp mới, khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, làm phong phú thêm cơ sở lý luận về vai trò và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế ở địa phương trong điều kiện hiện nay; đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị tham khảo cho Tỉnh ủy Hưng Yên trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế, cũng như cho các tỉnh, thành phố có điều kiện tương đồng. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do hạn chế về phạm vi và điều kiện nghiên cứu, luận án không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, nhà quản lý và thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện và phát triển kết quả nghiên cứu trong thời gian tới./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ  
CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đinh Thị Thu (2025), “Tỉnh uỷ Hưng Yên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay”, Tạp chí *Tổ chức nhà nước và lao động*, số 4, tr. 42-45.

2. Đinh Thị Thu (2025) “Thực trạng và giải pháp phát triển KT-XH của tỉnh Hưng Yên”, Tạp chí *Tổ chức nhà nước và lao động*, số 12, tr. 103 - 106.

3. Đinh Thị Thu (2024), “Tỉnh uỷ Hưng Yên tăng cường sự lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số đặc biệt năm 2025, tr. 181-186.

4. Đinh Thị Thu (2026), “Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ trong phát triển kinh tế địa phương ở Hưng Yên” Tạp chí *Quản lý Nhà nước điện tử* (đăng ngày 27/02/2026).

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akyeampong, Emmanuel; Jonas, Steven C.; Driffield, Nigel (2021), *Local Economic Development in an Era of Scarcity: Theory, Practice and Potential*, Routledge, London.
2. Đinh Văn An (2018), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế du lịch từ năm 1991 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
3. Trương Tuấn Anh (2018), *Tái cấu trúc nền kinh tế Trung Quốc giai đoạn từ năm 2010 đến nay*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3(199)-2018, tr.18-33.
4. Hoàng Thế Anh (2022), *Tác động của quan hệ kinh tế Trung Quốc - Nga đến kinh tế thế giới và Việt Nam*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 8(316)-2022, tr.3-15.
5. Nguyễn Dũng Anh, Trần Đình Chín (2022), *Mô hình kinh tế tổng quát thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Tạp chí Lý luận chính trị, tháng 6-2022, số 532, tr.44-48.
6. Nguyễn Dũng Anh (2018), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế trong quá trình đổi mới*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 7-2018, tr.12-17.
7. Nguyễn Thị Vân Anh (2019), *Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo phát triển kinh tế công nghiệp từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch
8. Vũ Quang Ánh (2017), *Thực hiện đường lối của Đảng về phát triển kinh tế nông nghiệp ở một số tỉnh, thành Đồng bằng Sông Hồng (1997-2010)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2018), *Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2000*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

10. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2020), *Báo cáo chính trị, Đại hội đại biểu tỉnh Hưng Yên*, nhiệm kỳ 2020-2025.
11. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2025), *Báo cáo chính trị, Đại hội đại biểu tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất*, nhiệm kỳ 2025-2030.
12. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ nhất*, nhiệm kỳ 2025-2030
13. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*.
14. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*, ngày 16-6-2022.
15. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên (2020), *Báo cáo tổng kết giai đoạn 2015-2020*.
16. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Báo cáo tổng kết năm 2021*.
17. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên (2022), *Báo cáo tổng kết năm 2022*.
18. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên (2023), *Báo cáo tổng kết năm 2023*.
19. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên (2024), *Báo cáo tổng kết năm 2024*.
20. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Báo cáo tổng kết năm 2025*.
21. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Báo cáo tổng kết giai đoạn 2020 – 2025*.
22. Nguyễn Kim Bảo (Chủ biên) (2013), *Sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
23. Phạm Thị Thanh Bình (2023), *Triển vọng kinh tế Trung Quốc năm 2023*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3(259)-2023, tr.15-25.

24. Blair, John P. & Carroll, Michael C. (2018), *Local Economic Development: Analysis, Practices, and Globalization*, SAGE Publications, Los Angeles.
25. Soukanh Bouthavong (2021), *Kinh tế du lịch ở các tỉnh Nam Trung Bộ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
26. Vikhamphan Bounmixay (2023), *Phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở tỉnh Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
27. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
28. Bunthong Buahom (2010), *Khuyến nông là nhiệm vụ của toàn dân*, Nxb. Nông nghiệp, Viêng Chăn.
29. Trần Ngọc Bút (2002), *Phát triển kinh tế tư nhân định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Bunlot Chanthachon (2009), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
31. Triệu Khải Chinh, Thiệu Dục Đông (2010), *Kỳ tích Phố Đông: 30 năm phát triển kinh tế ở Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
32. Lê Hồng Chương (2007), *Từ điển đơn vị hành chính Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, H, tr321,595
33. Nguyễn Mạnh Cường (2015), *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

34. Lê Văn Công (2023), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế tập thể*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6-2023, tr.54-60.
35. Quách Thủy Cúc (2022), “Một số suy nghĩ về việc xây dựng tổ chức Đảng cơ sở dẫn dắt chân hưng nông thôn trong thời đại mới”, *Tạp chí Kinh tế và Công nghệ Nông thôn*, số 33(14).
36. Nguyễn Thị Lương Diệu, Nguyễn Hải Chi (2022), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 2(375)-2022, tr.55-60.
37. Đỗ Thị Diệu (2015), *Quá trình phát triển kinh tế lâm nghiệp Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
38. Tường Mạnh Dũng (2021), *Phát triển kinh tế vùng chuyên canh trong tái cơ cấu nông nghiệp ở tỉnh Hưng Yên*, Nxb Lao động, Hà Nội.
39. Đào Nhất Đào, Lỗ Chí Quốc (Đồng chủ biên) (2022), *Đặc khu kinh tế và con đường Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1 và 2, Nxb CTQG, Hà Nội.
61. Phạm Tiến Đạt (Chủ biên) (2020), *Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn: Luận cứ và khuyến cáo cho Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính.
62. Nguyễn Thị Kim Đoan (2024), *Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
63. Nguyễn Văn Đức (2018), *Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
64. Lê Hồng Giang (2019), *Đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Hạ (2022), *Tình hình kinh tế Trung Quốc năm 2021 và triển vọng năm 2022*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2(246)-2022, tr.3-17.
66. Nguyễn Thị Hạ (2023), *Tình hình kinh tế Trung Quốc năm 2022 và triển vọng năm 2023*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2(258)-2023, tr.3-18.
67. Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Bích Ngọc (2023), *Quan hệ kinh tế giữa Đức và Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Angela Merkel*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3(270)-2023, tr.20-32.

69. Nguyễn Thu Hằng, Nguyễn Quang Linh (2023), *Chính sách kinh tế của Trung Quốc gắn với mô hình hiện đại hóa kiểu Trung Quốc sau Đại hội XX và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(257)-2023, tr.13-24.
70. Lương Thị Hoa (2022), *Đảng bộ huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (1996-2018)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 2(375)-2022, tr.108-112.
71. Trương Duy Hòa (Chủ biên) (2012), *Một số vấn đề và xu hướng chính trị - kinh tế ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Phạm Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Cẩm Lệ (2022), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế biển (2016-2021)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6(379)-2022, tr.44-50.
73. Vũ Văn Hiền (2019), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 4-2019, tr.51-56.
74. P.Hoontrakul, C.Balding, R.Marwah (Biên soạn) (2018), *Xu hướng và sự phát triển của các động lực tăng trưởng kinh tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
75. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Mã Hồng, Tôn Thượng Thanh (1998), *Tình hình và triển vọng kinh tế Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Bùi Đức Hùng (Chủ biên) (2016), *Tái cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung Bộ nhằm phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Nguyễn Huy Hùng (2022), *Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2020)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 1(374)-2022, tr.93-98.

79. Lê Văn Hùng, Đồng Bích Ngọc (2022), *Phát triển khu kinh tế ven biển của Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 2-2022, tr.3-10.
80. Trình Ba Huy, Trương Thần Sở (2025), “Quản trị theo chuỗi: Lựa chọn mô hình xây dựng môi trường kinh doanh dưới sự dẫn dắt của Đảng - Dựa trên phân tích thực tiễn của khu phát triển kinh tế và công nghệ”, *Tạp chí Nghiên cứu Hiện đại hóa quản trị*, số 6.
81. Nguyễn Đắc Hưng (2020), *Rủi ro các khoản nợ của nền kinh tế Trung Quốc và một số khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10(230), tr.3-10.
82. Nguyễn Đình Hương (Chủ biên) (2005), *Chuyển đổi kinh tế ở Liên bang Nga: Lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
83. Nguyễn Lệ Hương (2024), *Thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
84. Kamnuansilpa, Peerasit; Timofeev, Andrey; Lowatcharin, Grichawat et al. (2023), “Local economic development in Thailand”, *Journal of International Development*, Vol. 35(7), 1852-1873.
85. Khamphanh (2016), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn tỉnh Hòa Bình theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Lý luận và thực tiễn của lực lượng An ninh, (79), tr.14-19.
86. Chương Sôm Bun Khấn (2013), *Những vấn đề kinh tế về sự phát triển ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Nxb. Nhà nước, Viêng Chăn.
87. Koong Khăm (2015), *Thu hút vốn để phát triển nông nghiệp tỉnh Sa Vẳn Na Khét, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
88. Nguyễn Quốc Khương (2018), *Đảng bộ tỉnh Yên Bái lãnh đạo phát triển kinh tế lâm nghiệp từ năm 2001 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ

chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

89. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova
90. Li, Jianjun; Fan, Zhihao; Han, Xun (2023), “Strict Party Governance and economic development: Evidence from China”, *Finance Research Letters*, 58(Part A), 104023.
91. Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Hải Anh, Vũ Thị Hiền (2021), *Kinh tế Trung Quốc năm 2020 và triển vọng năm 2021*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 233, tr.3-16.
92. Lê Văn Lý (Chủ biên) (1999), *Sự lãnh đạo của Đảng trong một số lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Trúc Linh (2019), *Kinh tế Trung Quốc đối mặt với sức ép giảm tốc*, Con số và sự kiện, kỳ II, tháng 12-2019, tr.41-42.
94. Trịnh Hà Hoàng Linh (2022), *Phát triển kinh tế vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa theo hướng hiện đại*, Luận án tiến sĩ, Viện Chiến lược phát triển, Hà Nội.
95. Nguyễn Thị Hương Loan (2020), *Đảng bộ huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lãnh đạo phát triển kinh tế (1995-2020): Chủ trương và một số kết quả*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 11-2020, tr.113-116.
96. Lưu Sinh Long, Hồ An Cường (2023), *Xu thế phát triển kinh tế của Trung Quốc: Cơ hội và thách thức (giai đoạn 2021-2030)*, Những vấn đề lý luận (phục vụ lãnh đạo), số 9-2023, tr.40-49.
97. Hoàng Văn Long chủ biên (2025), *Tác động của kết nối hạ tầng giao thông đường bộ đến phát triển kinh tế bền vững địa phương vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
98. Vũ Long (2005), *Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững*, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 1-2005, tr.70-72.

99. Loso Judijanto, Silvia Ekasari & Septina Elida (2024), “Local Economic Development Based on Village Potential: A Literature Review”, *Journal of Community Dedication*, 4(2): 414-426.
100. Võ Văn Lợi (2020), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2-2020, tr.52-56.
101. Vũ Lực, Tuyền Phúc Dân, Trịnh Lỗi (2012), *Kinh tế Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
102. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Tường Vĩnh Mục, Vương Thụy (2021), “Nghiên cứu tư tưởng phát triển kinh tế trong một thế kỷ của Đảng Cộng sản Trung Quốc: Nhìn lại và Triển vọng”, *Tạp san Khoa học Xã hội*, số 6.
108. Đậu Tuấn Nam (2022), *Kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát triển kinh tế vùng biên giới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4(530)-2022, tr.144-150.
109. Bunkhông Nammavông (2001), *Vai trò của công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ đối với phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
110. Lê Thị Vân Nga (2019), *Tiêu chí của Hoa Kỳ về nền kinh tế thị trường và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 3-2019, tr.3-9.
111. Lê Thị Vân Nga (2021), *Xu hướng chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời Tổng thống Joe Biden và triển vọng phục hồi*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 4(277)-2021, tr.36-45.
112. Lê Thị Vân Nga (Chủ biên) (2022), *Một số chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

113. Nguyễn Văn Ngọc (2006), *Từ điển Kinh tế học*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân. H.
114. Đặng Thị Minh Nguyệt (2020), *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
115. Nhóm tác giả (2024), *Lược sử kinh tế Trung Quốc mới (1949-2024)*, Nhà xuất bản Khoa học Kinh tế, Bắc Kinh.
116. Hoàng Thị Nhung (2020), *Đảng bộ tỉnh Lai Châu lãnh đạo phát triển kinh tế làm nghiệp từ năm 2004 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
117. Lò Thị Phương Nhung, Nguyễn Mai Phương (2021), *Phát triển kinh tế ở Trung Quốc*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 7(303)-2021, tr.28-35.
118. Nguyễn Thị Như (2023), *Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế bền vững (2011-2021)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6-2023, tr.48-53.
119. OECD (2022), *Policies for Resilient Local Economies*, OECD Local Economic and Employment Development (LEED) Papers No. 2022/09, OECD Publishing, Paris.
120. OECD (2024), *Job Creation and Local Economic Development 2024: The Impact of Generative AI*, OECD Publishing, Paris.
121. OECD (Series ongoing 2024-2025), *OECD Local Economic and Employment Development (LEED) Papers Series*, OECD Publishing.
122. Phôm-ma Phăn-thalăng-sý (2002), *Phát triển nông nghiệp hàng hóa ở tỉnh Khăm Muộn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - Thực trạng và giải pháp*, Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
123. Nguyễn Minh Phong (2020), *Dấu ấn về sự lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế*, Tạp chí Ngân hàng, số 4-2020, tr.2-6.

124. Lâm Nghị Phu (2024), *Giải mã nền kinh tế Trung Quốc: Con đường phục hưng dân tộc dưới sự chuyển biến nhanh chóng của cuộc diện thế kỷ*, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh.
125. Trần Lê Đăng Phương, Nguyễn Thành Phương (2023), *Phát triển kinh tế tư nhân: Kinh nghiệm của Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 8 (3-2023), tr.78-80.
126. Nguyễn Thị Hoa Phượng (2018), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2000 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
127. Trương Trung Quân (2023), “Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác kinh tế”, *Tạp chí Kinh tế* (Đăng lại trên Cổng thông tin Xây dựng Đảng - Nhân dân Nhật báo điện tử).
128. Quốc hội (2021), *Nghị quyết số 16/2021/QH15 về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*, ngày 27-7-2021.
129. Nguyễn Thúy Quỳnh (2022), *Phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19: Nhìn từ kinh nghiệm của Mỹ*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 29-2022, tr.124-127.
130. Yuri Saveliev (2019), *Thực trạng nền kinh tế Nga thời kỳ Xôviết và hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
131. Khampheth Sengsoulatana (2002), *Phát huy nhân tố con người trong phát triển kinh tế du lịch ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
132. Bùi Ngọc Sơn (2022), *Kinh tế Trung Quốc năm 2021 và những thách thức trong năm 2022*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(245)-2022, tr.15-25.
133. Lê Quốc Sử (2001), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ thế kỷ XX đến thế kỷ XXI của thời đại kinh tế tri thức*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

134. Lam Khánh Tân, Uông Xuân Vũ, Nicola (2023), *Nền kinh tế số của Nga và những thách thức trong hợp tác kinh tế Trung Quốc - Nga*, Những vấn đề lý luận (phục vụ lãnh đạo), số 5-2023, tr.63-65.
135. Đuông Chăn Năn Tha (2023), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
136. Nguyễn Văn Thọ (2022), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Thành tựu và kinh nghiệm*, Tạp chí Kinh tế và quản lý, số 1(41)-2022, tr.3-7.
137. Phạm Quốc Thái (2019), *Kinh tế Trung Quốc năm 2018*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 3(275)-2019, tr.68-76.
138. Nguyễn Xuân Thắng (2025), *Mô hình phát triển của tỉnh Bình Dương trong công cuộc đổi mới đất nước và tầm nhìn định hướng đến năm 2050*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
139. Trần Đình Thiên (Chủ biên), *Các thành phần kinh tế Việt Nam: Vấn đề và định hướng chính sách*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
140. Trần Thị Thom (2015), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế hàng hải từ năm 1996 đến năm 2011*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
141. Tôn Thất Thông (2018), *Thần kỳ kinh tế Tây Đức giai đoạn 1949-1969: Lịch sử - lý thuyết - chính sách*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
142. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050*, ngày 28-10-2019.
143. Nguyễn Quang Thuấn (Chủ biên) (2022), *Thế chế kinh tế thị trường Việt Nam, Liên bang Nga, một số nước Đông Âu và Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

144. Nguyễn Quang Thuán (2021), *Các giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
145. Nguyễn Thị Thúy (2022), *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trên lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2008-2021*, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn, số 1 (17)-2022, tr.64-69.
146. Tỉnh ủy Cát Lâm (2025), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cát Lâm khóa XII*.
147. Tỉnh ủy Hải Nam & Chính quyền nhân dân tỉnh Hải Nam (2024), *Phương án hành động 3 năm phát triển kinh tế biển chất lượng cao, thúc đẩy xây dựng tỉnh mạnh về biển (2024–2026)*.
148. Tỉnh ủy Hắc Long Giang (2025), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hắc Long Giang khóa XIII*.
149. Tỉnh ủy Quảng Đông (2025), *Kiến nghị của Tỉnh ủy Quảng Đông về việc xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm lần thứ 15 của tỉnh*.
150. Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Báo cáo tổng kết năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022*
151. Tỉnh ủy Hưng Yên (2022), *Báo cáo tổng kết năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023*
152. Tỉnh ủy Hưng Yên (2023), *Báo cáo tổng kết năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024*
153. Tỉnh ủy Hưng Yên (2024), *Báo cáo tổng kết năm 2024 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025*
154. Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Báo cáo tổng kết năm 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026*
155. Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng năm 2021*
156. Tỉnh ủy Hưng Yên (2022), *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng năm 2022*

157. Tỉnh ủy Hưng Yên (2023), *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng năm 2023*
158. Tỉnh ủy Hưng Yên (2024), *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng năm 2024*
159. Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng năm 2025*
160. Bùi Văn Tiến (2012), *Phát triển kinh tế làng nghề ở tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội.
161. Nguyễn Thị Huyền Trang (2019), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo kinh tế đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2006*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
162. Trung tâm từ điển học, *Từ điển tiếng Việt* (1997), Nhà xuất bản Đà Nẵng, H-ĐN,
163. Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ theo hướng liên kết và hội nhập*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
164. Nguyễn Anh Tuấn (Chủ biên) (2001), *Quan hệ kinh tế của Mỹ và Nhật Bản với Việt Nam từ năm 1995 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
165. Nguyễn Anh Tuấn (2022), *Chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.
166. Nguyễn Anh Tuấn, Trần Thanh Quang (2014), *Phát triển kinh tế du lịch ở một số nước Mỹ Latinh và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 5-2014, tr.46-52.
167. Bùi Thanh Tuấn (2022), *Một số nhận định về phát triển kinh tế Trung Quốc từ báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 12-2022, tr.37-42.

168. Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo kinh tế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
169. Lý Kinh Văn (1998), *Kinh tế Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI*, tập 1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. - Phạm Thái Quốc (2001), *Trung Quốc quá trình công nghiệp hóa trong 20 năm cuối thế kỷ XX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
170. Trương Đại Vệ (Chủ biên) (2019), *Xây dựng phiên bản nâng cấp nền kinh tế Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
171. Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2011), *Tổng kết 25 năm đổi mới của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1986-2010)*, Nxb. Quốc gia, Viêng Chăn.
172. Nguyễn Thế Vinh (2025), *Phát huy lợi thế so sánh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
173. Ủy ban Đảng cơ quan Ủy ban Phát triển và Cải cách quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Tư tưởng Kinh tế Tập Cận Bình (2023), *Nghiên cứu việc thúc đẩy thực hiện các quyết sách kinh tế của Trung ương Đảng thông qua công tác xây dựng Đảng tại các cơ quan*, Tạp chí Nghiên cứu Xây dựng Đảng tại các cơ quan, số 1.
174. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Tổng kết năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ 2022* .
175. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2022), *Tổng kết năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 2023*.
176. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2023), *Báo cáo Tổng kết năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 2024*.
177. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2024), *Tổng kết năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 2025*.
178. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Tổng kết năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 2026*.

179. Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên (2025), *Báo cáo tổng kết giai đoạn 2020 – 2025*.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2021), *Báo cáo Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022*.
181. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2022), *Báo cáo Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023*.
182. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2023), *Báo cáo Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024*.
183. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2024), *Báo cáo Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025*.
184. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2025), *Báo cáo Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026*.
185. Wittwer, S. (2021), “How strong is local politics’ grip on local economic development? The case of Swiss small and medium-sized towns”, *Urban Affairs Review*, 59(2), 476–505.
186. World Bank (2006), *Local Economic Development (phát triển kinh tế địa phương): A Primer*, Washington D.C.
187. World Bank (2007), *Understanding Your Local Economy: A Resource Guide for Cities*, Cities Alliance/World Bank.
188. Humpheng Xaynasin (2001), *Chuyển dịch kinh tế nông nghiệp ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

189. Vũ Thị Yến (2020), *Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
190. Hongliang Zheng, Yang Yang (2009), *Sự phát triển của khu vực tư nhân Trung Quốc trong 30 năm qua: Nhìn lại và triển vọng*, Thông tin chuyên đề, số 45, Đại học Nottingham, Viện Nghiên cứu chính sách Trung Quốc.

## PHỤ LỤC



Bản đồ hành chính tỉnh Hưng Yên sau ngày 1/7/2025  
(Nguồn Thư viện Pháp luật)

**PHỤ LỤC**

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN**

**NHIỆM KỲ 2025-2030**

**(Cập nhật từ ngày 23/10/2025)**

**I. CÁC ĐỒNG CHÍ THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY**

(1) Đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên

(2) Đồng chí Trần Quốc Toàn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên

(3) Đồng chí Trần Quốc Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh

(4) Đồng chí Nguyễn Khắc Thận, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh

(5) Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

**II. CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

(6) Đồng chí Đào Hồng Vận, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XV, Giám đốc Sở Nội vụ;

(7) Đồng chí Phạm Văn Khuê, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

(8) Đồng chí Nguyễn Văn Chiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;

(9) Đồng chí Hoàng Thái Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy;

(10) Đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

(11) Đồng chí Lê Xuân Tiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;

(12) Đồng chí Đặng Thanh Giang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;

(13) Đồng chí Lê Quang Hòa, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(14) Đồng chí Nguyễn Lê Huy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(15) Đồng chí Ngô Thị Kim Hoàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;

(16) Đồng chí Phạm Đồng Thụy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

(17) Đồng chí Vũ Thanh Vân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Thanh tra tỉnh;

(18) Đồng chí Quách Thị Hương, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hiệu trưởng trường Chính trị Nguyễn Văn Linh;

(19) Đồng chí Vũ Kim Cứ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh;

(20) Đồng chí Trần Xuân Ánh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh;

(21) Đồng chí Vũ Văn Định, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;

(22) Đồng chí Trần Thị Thanh Thủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Hòa;

### **III- CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

(23) Đồng chí Trần Thị Tuyết Hương, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;

(24) Đồng chí Vũ Ngọc Trì, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;

(25) Đồng chí Nguyễn Hùng Nam, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(26) Đồng chí Lại Văn Hoàn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(27) Đồng chí Phạm Văn Nghiêm, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(28) Đồng chí Nguyễn Văn Huy, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh;

(29) Đồng chí Nguyễn Tuấn Phong, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy;

(30) Đồng chí Đinh Gia Dũng, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng UBND tỉnh;

(31) Đồng chí Bùi Tiến Duy, Tỉnh ủy viên; Phó Chủ nhiệm Thường trực UBKT Tỉnh ủy;

(32) Đồng chí Doãn Thị Nguyệt, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

(33) Đồng chí Đặng Thị Thu Hằng, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Nội chính Tỉnh ủy;

(34) Đồng chí Nguyễn Thanh Tuấn, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;

(35) Đồng chí Trần Tùng Chuẩn, Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;

(36) Đồng chí Phạm Tùng Lâm, Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

(37) Đồng chí Nguyễn Bất Khánh, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

(38) Đồng chí Đỗ Thị Hương, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;

(39) Đồng chí Nguyễn Minh Hồng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh;

(40) Đồng chí Vũ Hồng Luyến, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;

(41) Đồng chí Nguyễn Đức Tải, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính;

(42) Đồng chí Nguyễn Thị Anh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế;

(43) Đồng chí Đỗ Hữu Nhân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

(44) Đồng chí Cao Quang Hưng, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công thương;

(45) Đồng chí Trần Quang Triễn, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng;

(46) Đồng chí Thái Thị Thu Hường, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

(47) Đồng chí Trần Hữu Nam, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp;

(48) Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(49) Đồng chí Trần Minh Hải, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng số 1;

(50) Đồng chí Nguyễn Xuân Khánh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng số 2;

(51) Đồng chí Nguyễn Văn Viện, Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;

(52) Đồng chí Đỗ Mạnh Tăng, Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh;

(53) Đồng chí Hoàng Minh Sơn, Tỉnh ủy viên, Tổng Biên tập Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên, Chủ tịch Hội Nhà báo Hưng Yên;

(54) Đồng chí Phạm Hồng Tùng, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Tài chính;

(55) Đồng chí Hà Tiến Thăng, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

(56) Đồng chí Trần Thị Bích Hằng, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thái Bình ;

(57) Đồng chí Vũ Trọng Thoan, Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;

(58) Đồng chí Mai Xuân Giới, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Châu Ninh;

(59) Đồng chí Vũ Văn Thắng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Tân Hưng;

(60) Đồng chí Đặng Văn Diên, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND phường Hồng Châu;

(61) Đồng chí Lê Quang Toàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Chí Minh;

(62) Đồng chí Bùi Huy Cường, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Khoái Châu;

(63) Đồng chí Nguyễn Văn Đoàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Yên Mỹ;

(64) Đồng chí Nguyễn Văn Thơ, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Hoàng Hoa Thám;

(65) Đồng chí Phạm Trường Tam, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Ân Thi;

(66) Đồng chí Bùi Xuân Vinh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Tiền Hải;

(67) Đồng chí Phí Ngọc Thành, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Đông Hưng;

(68) Đồng chí Nguyễn Quang Anh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Thái Thụy;

(69) Đồng chí Vũ Xuân Thành, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Vũ Quý;

(70) Đồng chí Bùi Đức Hoàng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND phường Trần Lãm;

**PHỤ LỤC**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
**VỀ TỈNH ỦY HUNG YÊN LÃNH ĐẠO**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH HIỆN NAY**

Xin chào đồng chí!

Hiện nay tôi đang tiến hành nghiên cứu “Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay”, những ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Kính mong đồng chí quan tâm, dành thời gian trả lời bảng câu hỏi sau. Mọi thông tin trả lời của đồng chí sẽ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính khuyết danh, đồng chí không cần ghi tên.

(Xin đánh dấu nhân (x) vào ô  bên cạnh, hoặc dấu nhân (x) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của đồng chí hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi).

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

*Năm sinh:* .....

*Giới tính:*            Nam            Nữ

*Trình độ học vấn:*  Trung cấp    Đại học    Sau đại học

*Trình độ lý luận:*  Sơ cấp            Trung cấp    Cao cấp

*Chức vụ, đơn vị công tác:*

- Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị Tỉnh
- Cấp ủy, đảng viên các chi, đảng bộ trong khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh
- Lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh
- Cán bộ, chuyên gia, nhà nghiên cứu lĩnh vực kinh tế

**II. NỘI DUNG**

**Câu 1: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bền vững			
2	Hai là, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế và cải thiện môi trường			

	đầu tư, kinh doanh.			
3	Ba là, phát triển các ngành kinh tế theo hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và năng xuất lao động cao			
4	Bốn là, phát triển và hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại.			
5	Năm là, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội hoàn thiện chính sách lao động, việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống thực tế của người dân.			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Một là, phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bền vững					
2	Hai là, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.					
3	Ba là, phát triển các ngành kinh tế theo					

	hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và năng xuất lao động cao					
4	Bốn là, phát triển và hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại.					
5	Năm là, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội hoàn thiện chính sách lao động, việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống thực tế của người dân.					

**Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, phát triển kinh tế là cơ sở quan trọng để khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ			
2	Hai là, phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất quan trọng để đầu tư phát triển các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội địa phương			
3	Ba là, phát triển kinh tế thúc đẩy tái cơ			

	cầu kinh tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			
4	Bốn là, phát triển kinh tế góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị			
5	Năm là, phát triển kinh tế tạo điều kiện để mở rộng hợp tác, liên kết vùng, thu hút đầu tư, nâng cao vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, kinh tế của tỉnh Hưng yên có cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển công nghiệp, xây dựng công nghệ cao; du lịch, dịch vụ hiện đại; nông nghiệp xanh và bền vững			
2	Hai là, sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các khu vực còn lớn			
3	Ba là, công nghiệp, xây dựng phát triển nhanh, mạnh ở phía bắc của tỉnh			
4	Bốn là, phát triển ngành kinh tế nông nghiệp xanh và kinh tế biển bền vững			
5	Năm là, kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn ở Hưng Yên đang phát triển nhanh			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên trong phát triển kinh tế? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố quyết định nền kinh tế của tỉnh phát triển theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt chất lượng, hiệu quả.			
2	Hai là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy bảo đảm những nội dung phát triển kinh tế của tỉnh đạt được mục tiêu đề ra			
3	Ba là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế			
4	Bốn là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy là nhân tố bảo đảm phát triển kinh tế của tỉnh gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh và giữ vững ổn định chính trị			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh			

2	Hai là, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế			
3	Ba là, Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động			
4	Bốn là, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh.			
5	Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế ở địa phương			
6	Sáu là, Tỉnh uỷ lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Một là, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ,					

	giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh					
2	Hai là, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế					
3	Ba là, Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động					
4	Bốn là, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh.					
5	Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế ở địa phương					
6	Sáu là, Tỉnh uỷ lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế					

**Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn			
2	Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế			
3	Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ.			
4	Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên			
5	Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 9: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn					
2	Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế					
3	Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ.					
4	Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên					
5	Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy					

**Câu 10. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân ưu điểm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, định hướng chiến lược đúng và ổn định, được “đóng khung” bằng mục tiêu – chỉ tiêu và chuyển hóa thành chương trình hành động			
2	Hai là, tổ chức triển khai và phối hợp hệ thống tốt, tạo “đồng bộ hành động” từ tỉnh đến cơ sở			
3	Ba là, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy (cán bộ, kỷ luật công vụ, cải cách), biến “ý chí phát triển” thành “năng lực nhà nước” cụ thể			
4	Bốn là, huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn nhờ đồng thuận xã hội và cơ chế tương tác với doanh nghiệp – người dân			
5	Năm là, tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết – tổng kết và học hỏi chính sách, giúp giảm sai lệch thực thi và nâng chất quyết sách			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 11. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân hạn chế sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, độ “vênh” giữa chủ trương đúng và năng lực thực thi thực tế (không đồng đều theo cấp, theo ngành), làm suy giảm hiệu lực lãnh đạo ở khâu triển khai			
2	Hai là, mô hình tăng trưởng chịu ràng buộc “nút thắt” đất đai – giải phóng mặt bằng – dự án, khiến chi phí thực thi cao và dễ phát sinh xung đột lợi ích			
3	Ba là, chất lượng đội ngũ và kỷ luật công vụ/công tác Đảng ở một bộ phận còn hạn, dẫn tới rủi ro sai phạm và làm suy giảm niềm tin thể chế			
4	Bốn là, công cụ theo dõi – đánh giá và chuyển đổi số trong quản trị chưa đủ “sâu” theo nghĩa quản trị theo dữ liệu, khiến giám sát dễ nghiêng về hình thức và phản hồi chính sách chưa tối ưu			
5	Năm là, cơ chế phòng ngừa rủi ro và “sửa hệ thống sau kết luận” chưa đủ mạnh; còn thiên về xử lý vụ việc và xử lý con người, trong khi yêu cầu mới đòi hỏi cải cách quy trình và kiểm soát quyền lực bằng thể chế			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 12. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương hướng dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Một là, gắn lãnh đạo phát triển kinh tế với lãnh đạo phát triển các lĩnh vực khác			
2	Hai là, tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh đúng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tạo nên những bước ngoặt phát triển mang tính đột phá.			
3	Ba là, tập trung lãnh đạo kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tổ chức chuyên trách trực tiếp phát triển kinh tế của tỉnh, bảo đảm đủ khả năng thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế của tỉnh.			
4	Bốn là, coi đổi mới phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế theo hướng tập trung, quyết liệt là đột phá quan trọng.			
5	Năm là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy phải bảo đảm sự phối hợp, huy động sức mạnh cả HTCT và các tầng lớp nhân dân, phát huy các lợi thế của tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế.			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

**Câu 13. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các giải pháp dưới đây)**

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy, tổ chức đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế trong thời gian tới			
2	Đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, bảo đảm đi đúng vào những vấn đề trọng tâm trong phát triển kinh tế của tỉnh			
3	Tập trung lãnh đạo chính quyền tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế			
4	Đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhất là Thường trực, Ban thường vụ Tỉnh ủy theo hướng tập trung, quyết liệt, đi thẳng vào tháo gỡ những “điểm nghẽn”, những dự án, nhiệm vụ kinh tế trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh			
5	Xây dựng Tỉnh ủy, cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ kinh tế ngang tầm nhiệm vụ kinh tế; đồng thời tập trung lãnh đạo đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh cho phát triển kinh tế			
6	Chú trọng lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế			

7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy			
	Ý kiến khác: ..... ..... .....			

Trân trọng cảm ơn ý kiến của Đồng chí!

**PHỤ LỤC**  
**SỐ LIỆU CHẠY TẦN SUẤT**

- Số phiếu phát ra: 1.000
- Số phiếu thu về: 985
- Số phiếu hợp lệ: 978
- Số phiếu không hợp lệ: 07

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Nhóm tuổi:**

Nhóm tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
Dưới 35 tuổi	257	26,28%
Từ 35 đến dưới 60 tuổi	601	61,45%
Trên 60 tuổi	120	12,27%
<b>Tổng</b>	<b>978</b>	<b>100%</b>

**Giới tính:**

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	502	51,33%
Nữ	476	48,67%
<b>Tổng</b>	<b>978</b>	<b>100%</b>

**Trình độ học vấn:**

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ
Trung cấp	177	18,10%
Đại học	576	58,89%
Sau đại học	225	23,01%
<b>Tổng</b>	<b>978</b>	<b>100%</b>

**Trình độ lý luận:**

Trình độ lý luận	Số lượng	Tỷ lệ
Sơ cấp	311	31,80%
Trung cấp	369	37,73%
Cao cấp	298	30,47%
<b>Tổng</b>	<b>978</b>	<b>100%</b>

**Chức vụ, đơn vị công tác:**

Chức vụ, đơn vị công tác	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ, công chức, viên chức làm	460	47,03%

việc trong hệ thống chính trị Tỉnh		
Cấp ủy, đảng viên các chi, đảng bộ trong khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh	324	33,13%
Lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh	99	10,12%
Cán bộ, chuyên gia, nhà nghiên cứu lĩnh vực kinh tế	95	9,72%
<b><i>Tổng</i></b>	<b><i>978</i></b>	<b><i>100%</i></b>

## II. NỘI DUNG

**Câu 1: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay?**

**Bảng. Nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bền vững	947	96,83%	14	1,43%	17	1,74%
2	Hai là, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.	931	95,19%	14	1,43%	33	3,38%
3	Ba là, phát triển các ngành kinh tế theo hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và năng xuất lao động cao	952	97,34%	9	0,92%	17	1,74
4	Bốn là, phát triển và hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại.	928	94,89%	19	1,94%	31	3,17%
5	Năm là, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội hoàn thiện chính sách lao động, việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống thực tế của người dân.	937	95,81%	16	1,64%	25	2,55%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay?**

**Bảng. Thực trạng nội dung phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay**

TT	Nội dung	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1	Một là, phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bền vững	927	94.79 %	36	3.68 %	15	1.53 %	0	0,00 %	0	0,00 %
2	Hai là, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.	898	91.82 %	46	4.70 %	34	3.48 %	0	0,00 %	0	0,00 %
3	Ba là, phát triển các ngành kinh tế theo hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và năng xuất lao động cao	877	89.67 %	66	6.75 %	35	3.58 %	0	0,00 %	0	0,00 %
4	Bốn là, phát triển và hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ,	840	85.89 %	102	10.43 %	36	3.68 %	0	0,00 %	0	0,00 %

	hiện đại.										
5	Năm là, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội hoàn thiện chính sách lao động, việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống thực tế của người dân.	856	87.53 %	84	8.59 %	38	3.89 %	0	0,00 %	0	0,00 %

**Câu 3: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên?**

**Bảng. Vai trò phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, phát triển kinh tế là cơ sở quan trọng để khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ	878	89,89%	27	2,76%	73	7,46%
2	Hai là, phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất quan trọng để đầu tư phát triển các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội địa phương	799	81,70%	89	9,10%	90	9,20%

3	Ba là, phát triển kinh tế thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	845	84,40%	54	5,52%	79	8,10%
4	Bốn là, phát triển kinh tế góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị	889	90,90%	27	2,67%	62	2,42%
5	Năm là, phát triển kinh tế tạo điều kiện để mở rộng hợp tác, liên kết vùng, thu hút đầu tư, nâng cao vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước	901	92,13%	26	2,66%	51	6,34%
Ý kiến khác: Không có							

**Câu 4: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên?**

**Bảng. Đặc điểm kinh tế của tỉnh Hưng Yên**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, kinh tế của tỉnh Hưng yên có cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển công nghiệp, xây dựng công nghệ cao; du lịch, dịch vụ hiện đại; nông nghiệp xanh và bền vững	878	89,78%	27	2,76%	73	7,46%
2	Hai là, sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các khu vực còn lớn	799	81,7%	89	9,10%	90	9,20%
3	Ba là, công nghiệp, xây dựng phát triển nhanh,	845	86,40%	54	5,52%	79	8,08%

	mạnh ở phía bắc của tỉnh						
4	Bốn là, phát triển ngành kinh tế nông nghiệp xanh và kinh tế biển bền vững	889	90,90%	27	2,76%	62	6,34%
5	Năm là, kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn ở Hưng Yên đang phát triển nhanh	901	92,13%	26	2,66%	51	5,21%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò lãnh đạo của Tỉnh uỷ Hưng Yên trong phát triển kinh tế?**

**Bảng. Vai trò lãnh đạo của Tỉnh uỷ Hưng Yên trong phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ là nhân tố quyết định nền kinh tế của tỉnh phát triển theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt chất lượng, hiệu quả.	925	94,58%	17	1,74%	36	3,68%
2	Hai là, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ bảo đảm những nội dung phát triển kinh tế của tỉnh đạt được mục tiêu đề ra	931	95,19%	14	1,43%	33	3,37%
3	Ba là, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ là nhân tố bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, các	949	97,03%	11	1,12%	18	1,84%

	cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế						
4	Bốn là, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ là nhân tố bảo đảm phát triển kinh tế của tỉnh gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh và giữ vững ổn định chính trị	928	94,89%	19	1,94%	31	3,17%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 6: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế?**

**Bảng. Nội dung Tỉnh uỷ Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh	911	93.15%	13	1.33%	54	5.52%
2	Hai là, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế	869	88.85%	26	2.66%	83	8.49%
3	Ba là, Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển	881	90.08%	19	1.94%	78	7.98%

	kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động						
4	Bốn là, Tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh.	904	92.43%	21	2.15%	53	5.42%
5	Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế ở địa phương	883	90.29%	26	2.66%	69	7.06%
6	Sáu là, Tỉnh uỷ lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế	873	89.26%	35	3.58%	70	7.16%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 7: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay?**

**Bảng. Mức độ thực hiện nội dung Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay**

TT	Nội dung	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh	881	90.08 %	61	6.24 %	36	3.68 %	0	0,00 %	0	0,00 %
2	Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	873	89.26 %	65	6.65 %	40	4.09 %	0	0,00 %	0	0,00 %
3	Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền tỉnh thực hiện các nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động	854	87.32 %	89	9.10 %	35	3.58 %	0	0,00 %	0	0,00 %

4	Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền, cán bộ quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh.	839	85.79 %	97	9.92 %	42	4.29 %	0	0,00 %	0	0,00 %
5	Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế ở địa phương	897	91.72 %	49	5.01 %	32	3.27 %	0	0,00 %	0	0,00 %
6	Sáu là, Tỉnh ủy lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	823	84.15 %	111	11.35 %	44	4.50 %	0	0,00 %	0	0,00 %

**Câu 8: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế?**

**Bảng. Phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn	915	93.56%	16	1.64%	47	4.81%
2	Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	875	89.47%	24	2.45%	79	8.08%
3	Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ.	880	89.98%	25	2.56%	73	7.46%
4	Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên	896	91.62%	14	1.43%	68	6.95%
5	Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy	837	85.58%	23	2.35%	118	12.07%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 9: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay?**

**Bảng. Mức độ thực hiện phương thức Tỉnh ủy Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay**

TT	Nội dung	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng nghị quyết, chủ trương và những định hướng lớn	893	91.31 %	60	6.13%	25	2.56 %	0	0,00 %	0	0,00 %
2	Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	842	86.09 %	84	8.59%	52	5.32 %	0	0,00 %	0	0,00 %
3	Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế bằng công tác tổ chức, cán bộ.	829	84.76 %	90	9.20%	59	6.03 %	0	0,00 %	0	0,00 %

4	Bốn là, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế thông qua các tổ chức đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên	871	89.06 %	65	6.65%	42	4.29 %	0	0,00 %	0	0,00 %
5	Năm là, Tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế bằng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ	832	85.07 %	81	8.28%	65	6.65 %	0	0,00 %	0	0,00 %

**Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân ưu điểm sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh?**

**Bảng. Nguyên nhân ưu điểm sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh?**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, định hướng chiến lược đúng và ổn định, được “đóng khung” bằng mục tiêu – chỉ tiêu và chuyển hóa thành chương trình hành động	845	86,40%	35	3,58%	98	10,02%
2	Hai là, tổ chức triển khai và phối hợp hệ thống tốt, tạo “đồng bộ hành động” từ tỉnh đến cơ sở	892	91,21%	29	2,97%	57	5,83%

3	Ba là, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy (cán bộ, kỷ luật công vụ, cải cách), biến “ý chí phát triển” thành “năng lực nhà nước” cụ thể	824	84,25%	71	7,26%	83	8,49%
4	Bốn là, huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn nhờ đồng thuận xã hội và cơ chế tương tác với doanh nghiệp – người dân	871	89,06%	34	3,48%	73	7,46%
5	Năm là, tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết – tổng kết và học hỏi chính sách, giúp giảm sai lệch thực thi và nâng chất quyết sách	837	85,58%	49	5,01%	92	9,41%
Ý kiến khác: Không có							

**Câu 11: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân hạn chế sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh?**

**Bảng. Nguyên nhân hạn chế sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, độ “vênh” giữa chủ trương đúng và năng lực thực thi thực tế (không đồng đều theo cấp, theo ngành), làm suy giảm hiệu lực lãnh đạo ở khâu triển khai	793	81,08%	89	9,10%	96	9,82%
2	Hai là, mô hình tăng trưởng chịu ràng buộc “nút	851	87,01%	39	3,99%	88	9,00%

	thất” đắt đai – giải phóng mặt bằng – dự án, khiến chi phí thực thi cao và dễ phát sinh xung đột lợi ích						
3	Ba là, chất lượng đội ngũ và kỷ luật công vụ/công tác Đảng ở một bộ phận còn hạn, dẫn tới rủi ro sai phạm và làm suy giảm niềm tin thể chế	896	91,62%	15	1,53%	67	6,85%
4	Bốn là, công cụ theo dõi – đánh giá và chuyển đổi số trong quản trị chưa đủ “sâu” theo nghĩa quản trị theo dữ liệu, khiến giám sát dễ nghiêng về hình thức và phản hồi chính sách chưa tối ưu	827	84,56%	64	6,54%	87	8,90%
5	Năm là, cơ chế phòng ngừa rủi ro và “sửa hệ thống sau kết luận” chưa đủ mạnh; còn thiên về xử lý vụ việc và xử lý con người, trong khi yêu cầu mới đòi hỏi cải cách quy trình và kiểm soát quyền lực bằng thể chế	863	88,24%	40	4,09%	75	7,67%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 12: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới?**

**Bảng. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Một là, gắn lãnh đạo phát triển kinh tế với lãnh đạo phát triển các lĩnh vực khác	838	85,69%	64	6,54%	76	7,77%
2	Hai là, tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế của tỉnh đúng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tạo nên những bước ngoặt phát triển mang tính đột phá.	852	87,12%	31	3,17%	95	9,71%
3	Ba là, tập trung lãnh đạo kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tổ chức chuyên trách trực tiếp phát triển kinh tế của tỉnh, bảo đảm đủ khả năng thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế của tỉnh.	795	81,29%	86	8,79%	97	9,92%
4	Bốn là, coi đổi mới phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế theo hướng tập trung, quyết liệt là đột phá quan trọng.	899	91,92%	12	1,23%	67	6,85%
5	Năm là, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy phải bảo đảm sự phối hợp, huy động sức mạnh cả HTCT và các tầng lớp nhân dân, phát huy các lợi thế của tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế.	846	86,50%	57	5,83%	75	7,67%
	Ý kiến khác: Không có						

**Câu 13: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới?**

**Bảng. Những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hưng Yên đối với phát triển kinh tế của tỉnh những năm tới**

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Tỉnh ủy Hưng Yên và các cấp ủy, tổ chức đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế trong thời gian tới	876	89,57%	34	3,48%	68	6,95%
2	Đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, bảo đảm đi đúng vào những vấn đề trọng tâm trong phát triển kinh tế của tỉnh	865	88,45%	29	2,97%	84	8,59%
3	Tập trung lãnh đạo chính quyền tinh thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	834	85,28%	42	4,29%	102	10,43%
4	Đổi mới phong cách lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhất là Thường trực, Ban thường vụ Tỉnh ủy theo hướng tập trung, quyết liệt, đi thẳng vào tháo gỡ những “điểm nghẽn”, những dự án, nhiệm vụ kinh tế	810	82,82%	39	3,99%	129	13,19%

	trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh						
5	Xây dựng Tỉnh ủy, cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ kinh tế ngang tầm nhiệm vụ kinh tế; đồng thời tập trung lãnh đạo đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh cho phát triển kinh tế	837	85,58%	34	3,48%	107	10,94%
6	Chú trọng lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế	896	91,62%	31	3,17%	51	5,21%
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện các chủ trương lãnh đạo phát triển kinh tế của Tỉnh ủy	865	88,45%	29	2,97%	84	8,59%
	Ý kiến khác: Không có						